

DS 5-22
V651

VĂN-HÓA

TẬP-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG

文化

NĂM THỨ XVIII

SỐ 1 (NĂM 1969)

SỞ GIỚI THIỆU
TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG Á-CHÂU VÀ THÁI-BÌNH-DƯƠNG (ASPAC)

NHA VĂN-HÓA
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA
SAIGON-VIETNAM

VĂN-HÓA

TẬP-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG
NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA

XUẤT-BẢN

Năm thứ XVIII, Số 1 (NĂM 1969)

NHA VĂN-HÓA
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA
SAIGON-VIETNAM

VĂN-HÓA TẬP-SAN

CƠ QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG
NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA

XUẤT BẢN

Năm thứ XVIII, Số 1 (NĂM 1969)

mục - lục

- Diễn-văn của THỦ-TƯỚNG CHÍNH PHỦ trong buổi Lễ đặt viên đầu tiên xây cất Thư-Viện Quốc-Gia, ngày 28-12-1968.
- Diễn-văn của Ông QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA đọc trong buổi Lễ đặt viên đá đầu tiên cho Thư-Viện Quốc-Gia, ngày 28-12-1968.

Giới-thiệu Tổ-chức Cộng-đồng Á-châu và Thái-bình-dương (ASPAC) và Trung-Tâm Văn-Hóa của tổ-chức này :

- Cuộc đón tiếp Giáo-sư Giám-đốc Trung-Tâm Văn-hóa Xã-hội (ASPAC). Nhịp cầu Văn-Hóa giữa Đại-Hàn và Việt-Nam Cộng-Hòa ... N.T. VI
- Trung-tâm Văn-hóa Xã-hội của Tổ-chức Cộng-đồng Á-châu và Thái-Bình-dương ... Lê Thành-Châu 9
- Ý-nghĩa sự hợp-tác cộng-đồng Á-châu và Thái-bình-dương ... Hoàng-Ứng 20

— Tìm hiểu Đại-Hàn và Văn-hóa Đại-Hàn...	Ngọc-Tâm	28
— Thể quân-bình Văn-hóa Việt-Nam...	Nguyễn-Đăng-Thục	58
— Việc thiết-lập một Cơ-quan sưu tầm và thông-tin liên quan đến Văn-hóa và Xã-hội cho vùng Á-châu Thái-bình-dương.	Đặng-Phương-Nghi	79
— Sự hợp-tác giữa các quốc-gia Á-châu Thái-bình-dương trong phạm vi Văn-hóa Xã-hội...	Đặng-Phương-Nghi	89
<i>Sưu-tầm khảo-cứu</i>		
— Phương-pháp-luận về Xã-hội-học...	Nguyễn-Sỹ-Tế	95
— Giấc mơ trong phân tâm học...	Bùi Phong-Quang	108
<i>Lịch-sử — Danh văn</i>		
— Giấc mộng « kinh sư » dưới mái chùa « Linh mục » (tiếp theo)	Phan-Du	118
— Cung-oán ngâm khúc bình chú (tiếp theo)	Trần-Cửu-Chấn	137
<i>Phụ-trương</i>		
● Discours du Premier Ministre de la République du Việt-Nam à l'occasion de la Cérémonie de la pose de la première pierre de la Bibliothèque Nationale (28 Décembre, 1968)...		145
● Speech by the Minister of State In Charge of Cultural Affairs delivered at the laying of the cornerstone for the National Library... (December 28 th, 1968)		147

CULTURE

PERIODICAL REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS
MINISTRY OF STATE IN CHARGE OF CULTURAL AFFAIRS
VOL. XVIII, No 1 (1969)

contents

● Speech by H.E. The Prime Minister on the Cornerstone Laying Ceremony for The National Library, December 28th, 1968.		
● Speech by the Minister of State In Charge of Cultural Affairs delivered at the laying of the Cornerstone for the National Library (December 28th, 1968).		
<i>Introduction to the Asian and Pacific Council (ASPAC) and its Cultural and Social Center :</i>		
— Reception in honor of the Director of the ASPAC Cultural and Social Center — Cultural Relations between ROK and RVN ...	N.T.	VI
— ASPAC Cultural and Social Center ...	Le-Thanh-Chau	9
— Significance of the Cooperation among the Asian and Pacific Countries...	Hoang-Ung	20

— To get acquaintance with the Republic of Korea and her culture . . .	Ngoc-Tam	28
— The Equilibrium of Vietnamese Culture	Nguyen-Dang-Thuc	58
— A Clearing-House of Information in Cultural Fields for the Asian-Pacific Region. . .	Dang-Phuong-Nghi	79
— ASPAC Cooperation in Cultural and Social Fields. . .	Dang-Phuong-Nghi	89
<i>Selections and Researches</i>		
— Methodology for social sciences . . .	Nguyen-Sy-Te	95
— Dreams in Psychiatry . . .	Bui-Phong-Quang	108
<i>History — Famous Writings</i>		
— Origin of Linh Mu Pagoda (Hue) . . .	Phan-Du	118
<i>(continued)</i>		
— Notes on Cung oan ngam khuc (Complaints of an Odalisque)	Tran-Cuu-Chan	137
<i>Supplement</i>		
● Discours du Premier Ministre de la République du Viet-Nam à l'occasion de la Cérémonie de la pose de la première pierre de la Bibliothèque Nationale (28 Décembre, 1968). . .		145
● Speech by the Minister of State In Charge of Cultural Affairs delivered at the laying of the cornerstone for the National Library (December 28 th, 1968) . . .		147

CULTURE

REVUE PÉRIODIQUE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION
PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES,
MINISTÈRE D'ÉTAT,
CHARGÉ DES AFFAIRES CULTURELLES
VOL. XVIII, No 1. (1969)

Table des matières

- Discours du PREMIER MINISTRE DE LA RÉPUBLIQUE DU VIETNAM à l'occasion de la Cérémonie de la pose de la première pierre de la Bibliothèque Nationale (28-12-1968).
- Discours du MINISTRE D'ÉTAT CHARGÉ DES AFFAIRES CULTURELLES (à cette même cérémonie).

Présentation du Conseil de l'Asie et du Pacifique (ASIAN and PACIFIC COUNCIL — ASPAC) et de son Centre Socio-Culturel.

- Réception du Professeur Directeur du Centre Socio-Culturel ASPAC — Les relations culturelles entre la Corée et le VietNam. . . N.T. VI
- Le Centre Socio-culturel du Conseil de l'Asie et du Pacifique. . . Le-Thanh-Chau 9
- Le Conseil de l'Asie et du Pacifique. . . Hoang-Ung 20

— Pour mieux comprendre la Corée et la culture coréenne...	Ngoc-Tam	28
— De l'équilibre dans la Culture Vietnamienne...	Nguyen-Dang-Thuc	58
— La création du Centre de recherches et de renseignements socio-culturels de l'Asie et du Pacifique...	Dang-Phuong-Nghi	79
— La coopération socio-culturelle entre les pays de l'Asie et du Pacifique	Dang-Phuong-Nghi	89
<i>Etudes</i>		
— De méthode en Sociologie...	Nguyen-Sy-Ye	95
— Le songe dans la psychanalyse...	Bui-Phuong-Quang	108
<i>Histoire — Oeuvres célèbres</i>		
— La Pagode du « Linh Mu » (<i>Légende</i>) (suite)...	Phan-Du	118
— Annotations du Cung Oan Ngam Khuc (<i>Complainte d'une Odalisque</i>)... (suite)	Tran-Cuu-Chan	137
<i>Supplément</i>		
● Discours du Premier Ministre de la République du Viet Nam à l'occasion de la Cérémonie de la pose de la première pierre de la Bibliothèque Nationale (28 Décembre, 1968)...		145
● Speech by the Minister of State in Charge of Cultural Affairs delivered at the laying of the cornerstone for the National Library (December 28 th, 1968)...		147



DIỄN VĂN

của THỦ-TƯỚNG CHÍNH-PHỦ
trong buổi Lễ đặt viên đá đầu tiên xây cất Thư-Viện
Quốc-gia, ngày 28-12-1968

Thưa Ông Quốc-Vụ-Khanh,

Thưa Quý Vị,

Tôi rất vui mừng đến chủ-tọa cuộc Lễ đặt viên đá đầu tiên xây cất
tòa nhà Thư-Viện Quốc-Gia, để nói lên mối quan tâm đặc-biệt của
Chính-Phủ và của riêng tôi, đối với nền Văn-Hiến Nước nhà.

Công việc thiết-lập Thư-Viện Quốc-Gia đáp ứng một nhu-cầu
khẩn thiết, mà đáng lẽ phải được thực hiện từ lâu nay.

Quả thật, hoàn cảnh chiến-tranh chẳng những không thể là duyên
cớ để trì hoãn ; mà trái lại, càng là lý-do thúc đẩy chúng ta sớm hoàn
thành công cuộc xây cất cơ-sở văn-hóa nói trên.

Các bậc tiền bối, với « túi khôn » ngàn đời, há chẳng khuyên-nhủ :
« Bình thời giảng vũ, loạn thế đọc thư » đó ư ?

Lúc an hưởng thái-bình, nếu chỉ lo vui chơi thỏa thích, không
rèn-luyện quân-sĩ, không cảnh-giác đề-phòng, thì hòa-bình chẳng những
không giữ được trọn vẹn và lâu dài, mà cả đến vận-mạng Đất nước một
ngày nào đó cũng sẽ phải lâm nguy. Cuộc suy-vong của Đế-quốc La-Mã
đã từng chứng-minh như vậy.

Gặp thời loạn, nhân-tâm ly-tán, đạo-đức suy-vi, phong-hóa trụy-lạc, nếu không bồi tâm dưỡng trí bằng Văn-Hóa, không lo trau dồi tư-tưởng, đạo lý, bằng suy luận và tham khảo sách vở, tài liệu, thì lấy nghị lực ở đâu mà thắng cơn bi cực, biết đường hướng nào để tạo hòa-bình, hạnh-phúc ?

Tôi cũng cùng một quan-niệm với Ông Quốc-Vụ-Khanh về giá-trị và khả-năng của Thư-Viện Quốc-Gia, trong sứ mạng phục hưng và phát huy văn-hóa nước nhà.

Tôi còn xem việc thiết lập Thư-viện là một phương tiện cấp thiết, để vận động tìm lực trí thức, hỗ trợ cuộc đấu tranh cho Tự-do quốc-gia, mà chúng ta đang nỗ lực theo đuổi.

Tòa Thư-viện Quốc-gia, được khởi công xây cất hôm nay, sẽ là trung-tâm lý-tưởng cho công cuộc bồi bổ tâm trí, phát huy văn-hóa và chấn hưng đạo-đức của thế-hệ này. Một công cuộc tiêu biểu cho sự-nghiệp xây dựng hòa-bình vậy.

Những nhà dân-tộc-học chân chính tất phải nhìn nhận rằng : một trong những đặc tính rõ rệt nhất của Dân-tộc chúng ta là hiếu học.

Và, có lẽ không mấy Dân-tộc có những câu chuyện « mặc đồng đất lá mùa đông để học mà trở thành trạng-nguyên » ?

Một Dân-tộc hiếu học như thế không thể quên đi những gì cao quý của nền văn-hiến quốc-gia, từ mấy ngàn năm xưa.

Mà, nói đến văn-hiến, là không thể không có một Thư-Viện quốc-gia tương xứng.

Vì quan-niệm như vậy, nên từ lâu, tôi hằng mong ước được trông thấy cuộc xây cất hôm nay.

Nhơn danh Chánh-Phủ và nhân-dân Việt-Nam, tôi xin thành thật cảm ơn các Quốc-gia bạn và tất cả những người đóng góp tâm trí và tài lực vào công tác thiết yếu này.

Thân ái chào Quý Vị.

✠

II

DIỄN-VĂN

của Ông Quốc-Vụ-Khanh Đốc-Trách Văn-Hóa
đọc trong buổi Lễ đặt viên đá đầu
tiên cho Thư-viện Quốc-gia, ngày 28.12.1968

Kính thưa THỦ-TƯỚNG,

Kính thưa Quý Vị,

Chúng tôi chân thành tri-ân THỦ-TƯỚNG đã hoan-hỷ nhận lời thỉnh cầu của chúng tôi đến chủ-tọa Lễ Đặt Viên Đá Đầu Tiên cho Thư-Viện Quốc-Gia. Tôi cũng hết lòng cảm tạ mối thanh-tình của liệt Quý Vị mà sự hiện-diện làm cho cuộc lễ khởi sắc quá sự mong ước của chúng tôi.

Như THỦ-TƯỚNG và phần đông Quý Vị dư biết, dự-án xây cất Thư-Viện Quốc-Gia đã khởi thảo từ lâu, biểu-hiện mối quan-tâm đặc-biệt của nhà cầm-quyền đối với nhu-cầu tái-thiết và cải-tiến nền văn-hóa xứ-sở. Từ năm 1959, Chánh-Phủ đã ban hành những văn-kiện căn-bản nhằm đặt nền móng cho Nha Văn-Khố và Thư-Viện Quốc-Gia, quy-định nhiệm-vụ và đường lối hoạt-động để phát-triển văn-hóa dân-tộc, canh tân toàn bộ hệ-thống và kỹ-thuật Thư-Viện. Từ đó, qua bao cuộc biến thiên, đồ-án kiến-trúc Thư-Viện phải gác lại nhiều lần khiến cho tình trạng Thư-tích hiện lâm vào cảnh thật là bi-đát : trạ-sở hẹp lại bị đốt, nhân-viên thiếu, tài-chánh nghèo, kỹ-thuật lỗi thời, hậu-quả tai hại là một số sách cổ quý giá hư-hỏng mà sách mới không dám mua thêm vì không chỗ chứa.

III

Điều đáng mừng nhất trong việc thực-hiện đồ-án Thư-Viện mới là vị-trí xứng-đáng dành cho Thư-Viện — xứng-đáng vì nằm ngay trung-tâm Thủ-đô, cạnh những cơ-sở vĩ-đại tiêu-biểu cho uy-quyền quốc-gia như Dinh Độc-Lập, Dinh Gia-Long và ngôi Pháp-Dinh — được giữ nguyên không dời đổi. Ngẫu-nhiên lịch-sử hay thâm-ý quyết-định mà vị-trí ấy lại là nơi mà cách nay chưa bao lâu — hai mươi lăm năm thôi — còn sừng sững, ngạo-nghe và đe-dọa, một tòa-nhà đồ-sộ tương-cao có cái tên khiếp-đám là « Khâm Lớn » ? Mỗi viên gạch, mỗi phiến đá còn sót lại đó đây của ngục tù xưa, là những nhân-chứng đau-thương của biết bao hy-sanh cao cả để bảo-vệ đất nước giông nòi với nền văn-hiến mấy ngàn năm. Hương-linh của các anh-hùng dân-tộc, nếu còn phưởng-phất ở đây, ắt phải hài-lòng với công-trình bắt đầu từ hôm nay mà mục-đích chính là bảo-tồn và phát-huy nền văn-hiến ấy.

Thế là sau mười năm chờ-mong, chúng ta sẽ có một Thư-Viện tương-đối đồ-sộ, kiến-trúc theo kỹ-thuật Tây-phương với những nét dân-tộc, gồm một kho sách 16 tầng, biệt-lập với những phòng công-cộng như phòng đọc sách, phòng triển-lãm, phòng họp hội-đồng, tất cả chia thành bốn khu: sách-vở, báo-chí, họa-đồ và phim-ảnh. Kinh-phí dự-trù cho công-tác là 120 triệu đồng. Đối với vật giá hiện nay và nhu-cầu thật sự của một Thư-Viện xứng danh quốc-gia, số bạc có vẻ to lớn ấy chỉ là một tối thiểu mà về sau thế nào cũng phải tăng-cường. Thật vậy, nếu chúng ta quan-niệm văn-hóa là một dòng sông động thì Thư-Viện không thể chỉ thủ vai trò chất chứa và cắt giữ, hay chỉ là một nơi để khách mê sách tiêu-dao. Thư-Viện phải là một Trung-tâm Văn-hóa, thu-hút các trào lưu tư-tưởng và phóng ra những nguồn sáng tinh-thần. Thu-hút để cung-cấp những bài học « ôn cố », phóng ra để kích-động những ước-vọng « trí tân ». Trong nước, Thư-Viện phải đủ sức làm gạch nối liền quá-khứ, hiện-tại và tương-lai, một tương-lai xây-dựng trên truyền-thống của quá-khứ và bồi-dưỡng bằng những chất liệu của hiện-tại, đúng theo ẩn-ý đề-tài của ba tầm tranh sơn mài khổ lớn mà họa-sĩ trứ danh Nguyễn-Gia-Tri sẽ đóng góp vào phần tô-điểm bên trong Kho Sách mới. Còn đối với thế-giới, Thư-Viện

Quốc-Gia phải là trung-tâm giao-hoán giữa hai nền văn-hóa Đông-Tây và nguồn cảm-thông vô giá cho cộng đồng nhân-loại. Vấn-tật như thế đủ chỉ cho thấy những đòi-hỏi lớn lao đang chờ đợi chúng ta trong tương-lai.

Đến đây, chúng tôi xin thưa thêm một điều: việc xây cất Thư-Viện Quốc-Gia mới chỉ là bước đầu trong công cuộc phục-hưng và khếch-trương Văn-hóa xứ-sở, chúng ta còn phải nghĩ tới việc xây-dựng hai cơ-sở trọng-yếu khác mà người ta thường nhìn vào để xét mức độ văn-hóa một nước. Đó là Văn-Khố Quốc-Gia và Viện Bảo-Tàng Quốc-Gia. Hai cơ-sở tương đương hiện có, quá nhỏ hẹp, quá phôi-thai, chưa xứng với một nước đã thu-hồi chủ-quyền và quyết thực-thi chủ-quyền.

Kính thưa THỦ-TƯỚNG,

Kính thưa Quý Vị,

Tin tưởng ở triển-vọng tốt đẹp của văn-hóa nước nhà, phát-xuất từ bước đầu hôm nay, chúng tôi xin một lần nữa bày tỏ niềm hân-hoan được thấy THỦ-TƯỚNG và liệt Quý Vị đặc-biệt lưu-tâm đến một công-tác mật-thiết liên-quan với tiền-đồ dân-tộc.

Nhân danh toàn Khối Văn-Hóa, tôi trân-trọng cảm ơn THỦ-TƯỚNG và Quý Vị.

✱

V

CUỘC ĐÓN TIẾP GIÁO-SƯ
GIÁM-ĐỐC TRUNG-TÂM VĂN-HÓA XÃ-HỘI ASPAC

NHIP CẦU VĂN-HÓA GIỮA ĐẠI-HÀN VÀ VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Trong lãnh- vực Văn-Hóa, một sự- kiện quan trọng đáng được ghi nhận; Đó là việc Giáo-Sư Byung Kyu Kang, Giám-Đốc Trung-Tâm Văn-Hóa Xã-Hội vùng Á-Đông và Thái-Binh-Dương (Director Cultural and Social Centre Asian and Pacific Region) đến viếng thăm Việt-Nam, để bắc một nhịp cầu Văn-Hóa giữa Đại-Hàn và Việt-Nam Cộng-Hòa.

Trung-Tâm Văn-Hóa Xã-Hội nói trên thuộc tổ chức Cộng-đồng Á-Châu và Thái-Binh-Dương thường gọi tắt là ASPAC (Asian Pacific Council). Một phái-đoàn đại-diện Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa và Bộ Ngoại-Giao đã ra tận phi-trường Tân-Sơn-Nhất đón Giáo-Sư Giám-Đốc Trung-Tâm Văn-Hóa Xã-Hội Đại-Hàn, ngày 2-3-1969, hồi 11 giờ.

Ngày chiều hôm ấy, Ông Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa đã tiếp kiến Giáo-Sư Giám-Đốc tại trụ-sở của Phủ, số 8 đường Nguyễn-Trung-Trực Saigon. Cuộc đàm thoại lâu chừng lối gần 2 tiếng đồng hồ, trong một bầu không khí thân hữu thông cảm. Nhiều quan-diểm, nhiều vấn-đề liên hệ đến Văn-Hóa hai nước đã được nêu lên, và sự trao đổi ý kiến thật là xây dựng, ích lợi cho tương lai Văn-Hóa của hai dân-tộc Hàn và Việt.

Chiều hôm sau, hồi 19 giờ, một bữa tiệc thân mật đã được tổ chức đề khoản đãi Giáo-Sư Giám-Đốc tại một biệt-thự thuộc Phủ Quốc-Vụ-Khanh, số 140 đường Hai Bà Trưng Saigon.

Ngoài Giáo-Sư Giám-Đốc và Ông Đồng-Lý Văn-Phong Đại-Diện Ông Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, người ta thấy có mặt Ông Teak Keun Lee, Đặc-Sứ Phụ Trách Hành-Chánh và Chánh-Tri, đại-diện Ông Đại-Sứ Đại-Hàn, Ông Đồng-Lý Văn-Phong Bộ Giáo-Dục và Thanh-Niên, Ông Chánh Văn-Phòng Phủ Quốc-Vụ-Khanh, một số Giám-Đốc, nhân-vật thuộc Bộ Ngoại-Giao, Bộ Y-Tế và Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa.

Trong một phòng ấm cúng nhưng khá rộng, giữa những lời nói chuyện không ngừng, những tiếng cười vui vẻ, bữa tiệc được tính chất cởi mở, thông cảm.

Cuối bữa tiệc, mọi người bỗng yên lặng khi Ông Đồng-Lý đứng dậy ngỏ vài lời. Đại ý Ông nói rằng bữa tiệc đã được tổ-chức tại một biệt-thự xinh xắn thuộc Phủ Quốc-Vụ-Khanh chứ không tại một tiệm ăn lớn đẹp tại Thủ-Đô như thường lệ, để có tính-chất thân-hữu, gia-đình ngành Văn-Hóa; các món ăn đều là món ăn cổ truyền, thuần túy Việt-Nam; những món ấy cũng như các tác-phẩm Văn-Hóa, cũng tiêu-biểu một phần nào cho nền Văn-Hóa lâu đời của Việt-Nam; mong rằng Giáo-Sư Giám-Đốc, sau cuộc công-du tại Việt-Nam, sẽ góp phần đáng kể vào sự hiểu biết hồ-tương, trên bình diện Văn-Hóa, để thắt chặt tình hữu nghị giữa hai dân-tộc. Những lời nói của Ông Đồng-Lý chấm dứt trong một tràng vỗ tay.

Một món quà tiêu-biểu mỹ-nghệ Việt-Nam đã được trao tặng Giáo-Sư Giám-Đốc.

Sau khi cảm tạ sự tiếp đãi nồng hậu của Phủ Quốc-Vũ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, Giáo-Sư Giám-Đốc nhân mạnh về mấy điểm : có một mối-liên hệ văn-hóa rõ ràng giữa các nước Trung-Hoa, Nhật-Bản, Đại-Hàn và Việt-Nam. Về phương diện địa-lý, có thể có thêm Úc-Đại-Lợi và Tân-Tây-Lan, vì tất cả các nước ấy đều ở ven Thái-Bình-Dương. Không ai có thể cấm chúng ta thiết lập một hệ-thống văn-hóa bao gồm các nước nói trên, trong tinh hữu-nghị và nền thịnh-vượng chung. Những lời nói của Giáo-Sư Giám-Đốc cũng được mọi người vỗ tay tán thành.

Bữa tiệc thân-hữu chấm dứt hồi 23 giờ.

N. T.

VIII

LÊ-THÀNH-CHÂU

trung tâm văn-hóa xã-hội của tổ-chức cộng-đồng á-châu và thái-bình-dương

Trong tinh-thần hợp-tác hỗ-tương và với ước vọng được thấy một miền Á-châu và Thái-Bình-Dương hòa-bình, tự-do và thịnh-vượng, một tổ-chức quốc-tế đã được thành hình vào năm 1966 do sáng-kiến của Đại-Hàn Dân-Quốc. Đó là tổ-chức « CỘNG-ĐỒNG Á-CHÂU VÀ THÁI-BÌNH-DƯƠNG » (The Asian and Pacific Council, gọi tắt là ASPAC).

Đúng như danh xưng đã minh thị, tổ-chức quốc-tế này nhằm thắt chặt các mối giây thân hữu giữa các dân-tộc trong vùng Á-Châu và Thái-Bình-Dương hầu đi tới sự xây-dựng một cộng-đồng hòa-bình, tự-do và thịnh-vượng cho Á-châu và Thái-Bình-Dương. Mục-dích của tổ-chức đã được chính Tổng-Thống nước Đại-Hàn Dân-Quốc xác-định một cách hết sức rõ rệt trong diễn-văn khai mạc Hội-Nghị cấp Tổng-Trưởng lần thứ nhất tại Thủ-Đô Hán-Thành : « Chúng ta hãy cùng nhau xây dựng một Cộng-Đồng Á-châu và Thái-Bình-Dương trong hòa-bình, tự-do và thịnh-vượng bằng những cố gắng chung, những sự trao đổi, hợp tác trên các lãnh-vực chính-trị, kinh-tế, xã-hội, văn-hóa, kỹ-thuật và các lãnh-vực khác. Đó chính là cuộc cách-mạng hòa-bình thật sự mà Á-châu hằng tìm kiếm qua nhiều thế-hệ và đó cũng chính là điều đã ăn sâu vào tâm trí các dân-tộc Á-Châu chúng ta. »

Vì mục-đích cao đẹp như thế và cũng vì ý-thức được những lợi ích lớn lao của sự hợp-tác, sáng-kiến thành lập tổ-chức của Đại-Hàn đã được nhiều quốc-gia hưởng ứng và ngay từ khởi đầu, đã có 9 quốc-gia vùng Á-châu và Thái-Bình-Dương gia nhập đó là : Úc, Trung-Hoa Quốc Gia, Nhật-bản, Đại-Hàn, Mã-lai, Tân-Tây-Lan; Phi-luật-tân, Thái-lan và Việt-Nam Cộng-Hòa.

Và, để thể hiện một cách cụ-thể tinh thần hợp-tác và quyết tâm xây dựng một cộng-đồng hùng mạnh cho Á-châu và vùng Thái-bình-dương, ngay trong phiên họp cấp Tổng-Trưởng lần thứ nhất của tổ chức, năm 1966, Đại-Biểu của Đại-Hàn và Thái-Lan đã đề-nghị thành lập một trung-tâm gọi là TRUNG-TÂM VĂN-HÓA XÃ-HỘI của tổ-chức Cộng-Đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương (The ASPAC Cultural and Social Centre). Đề-nghị đã được các quốc-gia hội-viên nhiệt liệt tán thưởng và trong phiên họp cấp Tổng Trưởng lần thứ hai vào năm 1967, đề-nghị đã được toàn thể hội-nghị chấp thuận. Và, ngày 25 tháng 10 năm 1968, Trung-Tâm đã được long trọng khánh thành tại Hán-Thành, thủ-đô nước Đại Hàn Dân-Quốc.

Sự thành lập Trung-Tâm Văn-Hóa Xã-Hội có thể coi là một biến cố quan trọng vì nó cụ-thể-hóa tinh-thần hợp-tác và đoàn-kết của các dân-tộc vùng Á-Châu và Thái-Bình-Dương, nhất là trên hai phương-diện văn-hóa và xã-hội là những phương-diện rộng lớn và trường cửu của các quốc-gia. Chính Giáo-Sư Byung Kyu Kang, Giám-Đốc Trung-tâm đã viết : « Sự thành lập Trung-Tâm Văn-Hóa Xã-Hội thuộc tổ-chức Cộng-Đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương mang một ý nghĩa đặc-biệt vì đây là lần đầu tiên trong lịch-sử Á-Châu và Thái-bình-dương, sự hợp-tác giữa các quốc-gia trong toàn miền đã được thể hiện bằng các sự việc cụ-thể

« Mặc dầu không muốn qui đê cao vai trò quan trọng của Trung Tâm, nhưng ai cũng biết rằng Trung-Tâm được thành lập với một sứ mạng cao cả là đề củng cố tinh thần-hữu và sự hiểu biết hỗ-tương giữa các dân-tộc trong vùng. Sự hiểu biết hỗ-tương là yếu-tố chính để các trách-vụ chung được thực hiện và cũng chỉ có sự hiểu biết hỗ-tương mới có thể làm giảm thiểu — nếu như chưa có thể xóa bỏ hết được — các cản trở trong sự hợp-tác để phát-triển toàn vùng.

« Trung-Tâm này ví như hòn đá góc tường và là bậc thang để thiết lập một cộng-đồng mà các dân-tộc trong toàn vùng đã từ lâu mong muốn, một cộng-đồng hòa-bình, tự-do và thịnh-vượng.

« Với sự thành lập Trung-Tâm này, hạt giống của sự hiểu biết hỗ-tương đã được gieo xuống. Hy vọng hạt giống ấy sẽ mọc lên thành cây và đem lại những hoa trái mong muốn. »

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu cùng quý vị độc-giả, một cách sơ-lược, mục-đích, phương-thức tổ-chức cũng như các công-tác do Trung Tâm đảm nhiệm hầu cụ-thể-hóa tinh-thần hợp-tác của các quốc-gia hội viên trong tổ-chức Cộng-Đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương.

Mục-đích.

Trung-Tâm Văn-Hóa Xã-Hội của tổ-chức Cộng-Đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương do chính tổ-chức quốc-tế này thành lập nhằm mục-đích :

— Phát-triển các mối giây thân hữu và sự hiểu biết hỗ-tương giữa các dân-tộc thuộc vùng Á-Châu và Thái-Bình-Dương bằng sự hợp-tác trong các lãnh-vực Văn-Hóa và Xã-Hội.

— Và cũng là để góp phần vào việc phát triển tự-do, hòa-bình và thịnh-vượng cho toàn thể các dân-tộc Á-Châu và vùng Thái-Bình-Dương.

Vài dòng lịch-sử.

Việc thành lập Trung-Tâm Văn-Hóa Xã-Hội đã trải qua những giai đoạn sau đây :

Ngày 14-16 tháng 6 năm 1966 : Phái-đoàn Đại-Hàn Dân-Quốc và Thái-Lan đề nghị thành lập Trung-Tâm tại phiên nhóm cấp Tổng-Trưởng lần thứ nhất của tổ-chức Cộng-Đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương nhóm tại Hán-Thành, thủ đô Đại-Hàn Dân-Quốc.

Ngày 5 - 7 tháng 7 năm 1967 : Đề-nghị thành lập Trung-Tâm được toàn thể Đại-Biểu chấp thuận tại phiên nhóm cấp Tổng-Trưởng lần thứ hai ở Băng-Kốc, Thủ-đô Thái-Lan.

Ngày 1 tháng 8 năm 1968 : Các đại-biểu trong phiên nhóm cấp Tổng-Trưởng lần thứ ba tại Canberra, Úc-Châu đồng thanh quyết nghị : « Thỏa thuận thiết lập một Trung-tâm với danh hiệu TRUNG-TÂM VĂN-HÓA XÃ-HỘI của Cộng-Đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương.

Ngày 7 tháng 9 năm 1968 : Ủy-Ban Chấp-Hành nhóm phiên khai mạc tại Hán-Thành, Giáo-Sư Byung Kyu Kang thuộc Đại-Học-đường Chungang ở Hán-Thành được đề cử giữ chức Giám-Đốc Trung-Tâm.

Ngày 25 tháng 10 năm 1968 : Trung-Tâm được chính thức khánh thành tại Viện Quốc-Gia Hành-Chánh nước Đại-Hàn Dân-Quốc, thủ-đô Hán-Thành.

Vị-trí của Trung-tâm trong tổ-chức Aspac.

Trung-Tâm Văn-Hóa Xã-Hội là một bộ-phận nằm trong tổ-chức Cộng-Đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương, chịu sự chi phối của một ủy ban gọi là Ủy-Ban Chấp-Hành và thi-hành đường lối, chính-sách chung do Hội-Đồng cấp Tổng-Trưởng quyết định.

Hội-Đồng cấp Tổng-Trưởng

quyết định đường lối
chính sách chung.



Ủy-Ban Chấp-Hành

↓
kiểm soát sự điều hành và
ngân-sách của Trung-Tâm

↓
Văn-phòng

↓
đặt kế-hoạch và sắp xếp
chương-trình làm việc của Trung-Tâm

↓
Hội-viên

hiện gồm các quốc gia Úc, Trung-Hoa, Nhật, Đại-Hàn, Mã-Lai, Tân-Tây-Lan, Phi-luật-tân, Thái-lan và Việt-Nam Cộng-Hòa. (Một quốc-gia muốn được gia nhập-phải có sự chấp thuận của Hội-Đồng cấp Tổng-Trưởng của Tổ-chức).

Hệ-thống tổ-chức của Trung-tâm.

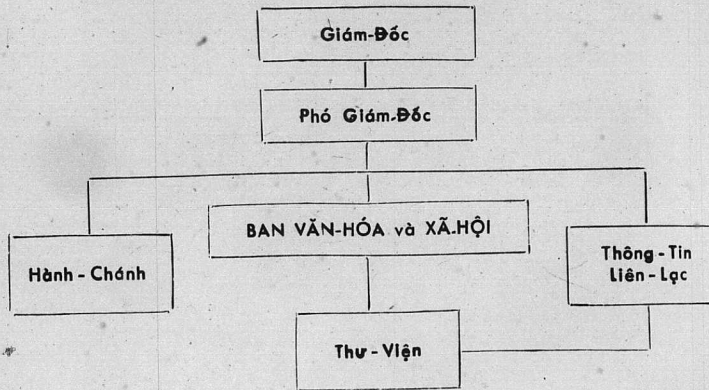
Văn-Phòng của Trung-Tâm :

- có 1 Giám-Đốc, 1 Phó Giám-Đốc, 1 Ban VĂN-HÓA và XÃ-HỘI, một đơn-vị Thông-tin liên-lạc, 1 Thư-Viện và một Đơn-vị Hành-Chánh.
- và gồm : 7 nhân-viên ban chuyên-viên kể cả vị Giám-Đốc Trung-Tâm.

15 nhân-viên tổng-quát khác.

Nhân-viên Ban Chuyên-Viên được tuyển chọn trong số các học-giả của các quốc-gia hội-viên còn các nhân-viên tổng-quát khác thì dùng người địa-phương.

Trung-Tâm được tổ chức theo một sơ đồ như sau :



Nhiệm-vụ của Trung-Tâm.

Trong phiên họp cấp Tổng-trưởng lần thứ ba của tổ chức Cộng Đổng Á-Châu và Thái-Bình-Dương ngày 1 tháng 8 năm 1968, Hội-Đồng đã quyết-định thành lập Trung-Tâm Văn-Hóa Xã-Hội, đồng thời cũng xác định những nhiệm-vụ sau đây của Trung-Tâm trong các hoạt-động thuộc lãnh vực văn-hóa và xã hội :

1. Đề ra các khuyến cáo hữu thất chặt hơn sự hiểu biết giữa các chính-phủ hội-viên.
2. Trợ giúp các quốc-gia hội-viên trong việc phối-trí các chương-trình nghiên-cứu thích hợp với từng quốc-gia.
3. Thu-thập và phân-phối các tin-tức liên quan tới các hoạt-động thích đáng của các quốc-gia hội-viên.

4. Hoạt-động như là một kho tài-liệu thông tin liên quan tới các hoạt-động có tính cách nghiên cứu về các khoa xã-hội và nhân-văn của các quốc-gia hội-viên.

5. Nâng đỡ các chương-trình văn-hóa và xã-hội hầu khuyến khích các sự giao-dịch cá-nhân cũng như trao đổi tư-tưởng giữa các dân-tộc trong vùng.

6. Khuyến khích và bảo trợ các cuộc thuyết-trình, nghị-luận, thảo-luận và các hoạt-động tương tự.

7. Khuyến khích và bảo trợ các cuộc hòa-tấu, các cuộc triển-lãm văn-hóa và các cuộc trình-diễn văn-nghệ trong toàn vùng.

8. Thu xếp đề phiên dịch ra tiếng mẹ đẻ của các quốc-gia hội-viên những tác-phẩm xuất sắc trong vùng.

9. Tìm các biện-pháp hữu bảo trì gia tài văn-hóa của các quốc-gia hội-viên.

10. Phối trí và khuyến khích một cách tương xứng các hoạt-động của các hội viên trong vùng, kể cả các kế-hoạch huấn luyện.

11. Tán-trợ sự hợp-tác giữa các học-viện liên-hệ.

12. Thiết lập các giải-thưởng cho các hoạt-động góp phần hữu hiệu vào công việc phát triển sự hiểu biết trong vùng.

13. Hoạt-động như là một kho tài-liệu tham chiếu cho các quốc gia hội-viên.

Chương-trình hoạt-động của Trung-tâm.

Để thực hiện các nhiệm vụ kể trên, Trung-Tâm đã vạch ra một chương-trình hoạt-động đại cương như sau :

1. Phối-Trí

Phối-trí các chương-trình nghiên-cứu của các quốc-gia hội viên và tán trợ sự hợp-tác giữa các tổ-chức văn-hóa.

2. Thông-Tin

Thu thập, chọn lọc và phân phối tin-tức về các quốc-gia hội-viên kể cả các hoạt-động có tính cách nghiên-cứu về các khoa-học xã-hội và nhân-văn.

3. Trao đổi Văn-Hóa

Bảo trợ các hoạt-động văn-hóa như tổ chức các ngày lễ kỷ-niệm, các buổi hòa nhạc, triển-lãm và trình-diễn văn-nghệ cũng như sự trao đổi các nhân-vật trong giới hoạt-động văn-hóa và xã-hội.

4. Chương-trình Giáo-Dục

Bảo trợ các hoạt-động giáo-dục gồm các cuộc diễn-thuyết nghị-luận, hội-thảo và các cuộc hội-nghị quốc-tế. Hướng-dẫn và khuyến khích việc nghiên-cứu các vấn-đề mà các dân-tộc trong vùng phải đối phó thuộc lãnh-vực văn-hóa và xã-hội.

5. Tài-liệu Tham-Chiếu

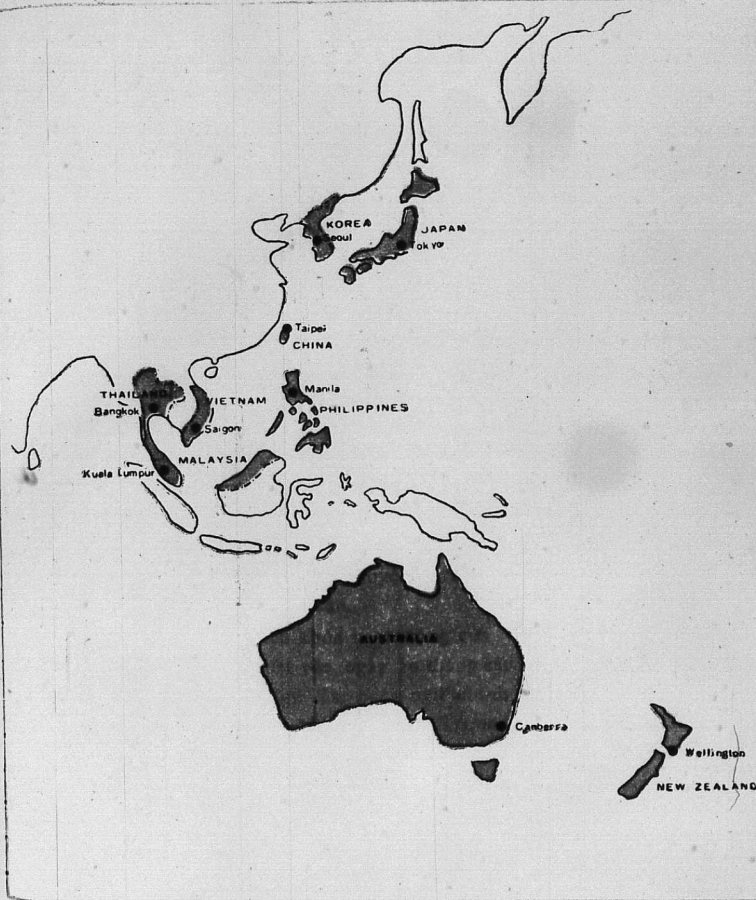
Thiết lập một kho tài-liệu tham chiếu liên quan tới các công tác của Trung-Tâm đề những ai muốn khảo cứu về văn-hóa và xã-hội trong vùng có thể dễ dàng tham chiếu.

6. Bảo-tồn Văn-Hóa-Phẩm

Trợ giúp các quốc-gia hội-viên trong việc bảo tồn các giá-tài văn-hóa của họ.

7. Trao đổi Nhân-Sự

Trao đổi các học-giả, chuyên-viên, văn-sĩ, ký-giả, nghệ-sĩ có thực tài trong các lãnh-vực liên-hệ hầu khuyến khích sự biết biết hỗ-trương và những kiến-thức chung trong vùng.



BẢN-ĐỒ CÁC QUỐC-GIA HỘI-VIÊN THUỘC TỔ-CHỨC
CỘNG-ĐỒNG Á-CHÂU VÀ THÁI-BÌNH-DƯƠNG (ASPAC)

2. Thông-Tin

Thu thập, chọn lọc và phân phối tin-tức về các quốc-gia hội-viên kể cả các hoạt-động có tính cách nghiên-cứu về các khoa-học xã-hội và nhân-văn.

3. Trao đổi Văn-Hóa

Bảo trợ các hoạt-động văn-hóa như tổ chức các ngày lễ kỷ-niệm, các buổi hòa nhạc, triển-lãm và trình-diễn văn-nghệ cũng như sự trao đổi các nhân-vật trong giới hoạt-động văn-hóa và xã-hội.

4. Chương-trình Giáo-Dục

Bảo trợ các hoạt-động giáo-dục gồm các cuộc diễn-thuyết nghị-luận, hội-thảo và các cuộc hội-nghị quốc-tế. Hướng-dẫn và khuyến khích việc nghiên cứu các vấn-đề mà các dân-tộc trong vùng phải đối phó thuộc lãnh-vực văn-hóa và xã-hội.

5. Tài-liệu Tham-Chiếu

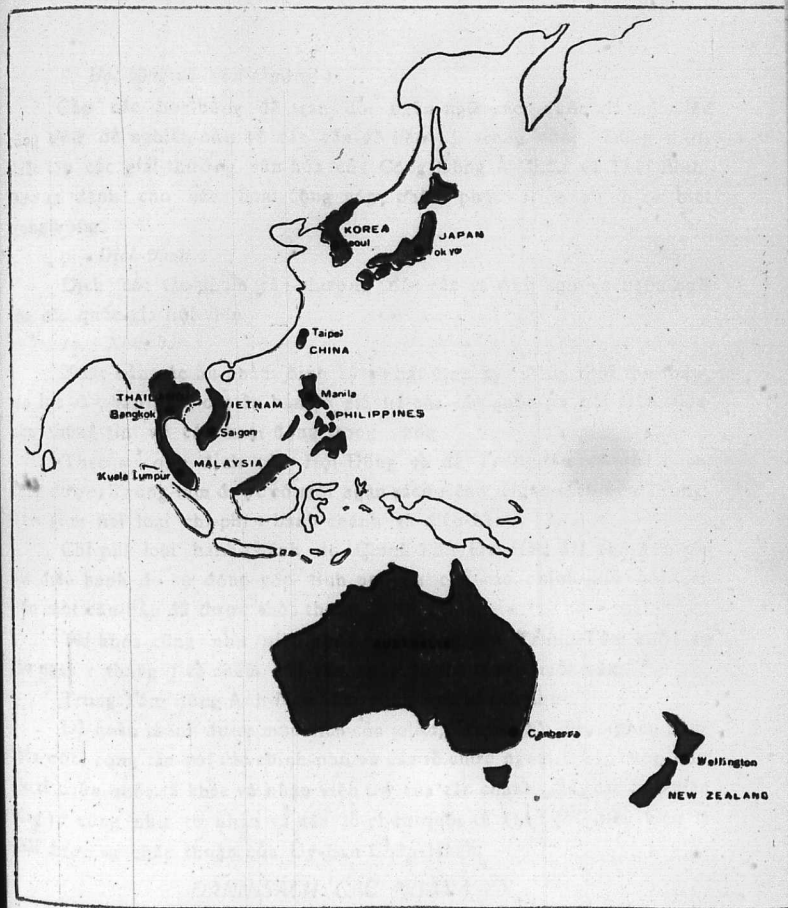
Thiết lập một kho tài-liệu tham chiếu liên quan tới các công tác của Trung-Tâm để những ai muốn khảo cứu về văn-hóa và xã-hội trong vùng có thể dễ dàng tham chiếu.

6. Bảo-tồn Văn-Hóa-Phẩm

Trợ giúp các quốc-gia hội-viên trong việc bảo tồn các gia-tài văn-hóa của họ.

7. Trao đổi Nhân-Sự

Trao đổi các học-giả, chuyên-viên, văn-sĩ, ký-giả, nghệ-sĩ có thực tài trong các lãnh-vực liên-hệ hầu khuyến khích sự biết biết hữ-trong và những kiến-thức chung trong vùng.



BẢN-ĐỒ CÁC QUỐC-GIA HỘI-VIÊN THUỘC TÒ-CHỨC CỘNG-ĐỒNG Á-CHÂU VÀ THÁI-BÌNH-DƯƠNG (ASPAC)

8. Học-bổng và giải-thưởng :

Cấp các học-bổng đề trau dồi ngôn-ngữ các quốc-gia hội-viên cũng như đề nghiên-cứu về các vấn-đề liên hệ trong vùng. Đồng thời, thiết lập các giải-thưởng văn-hóa của Cộng-Đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương dành cho các hoạt-động góp phần phát-triển sự hiểu biết trong vùng.

9. Dịch-thuật :

Dịch các tác-phẩm văn-chương đặc sắc ra Anh-ngữ và ngôn-ngữ của các quốc-gia hội-viên.

10. Xuất-bản :

Xuất bản các ấn-phẩm định kỳ và bất định kỳ. Đồng thời thu thập, sao lục và phân phát các ấn-bản có giá trị của các quốc-gia hội-viên cũng như thông-tin về các hoạt-động trong vùng.

Theo sự quy định của Hội-Đồng và đề Trung-tâm có thể hoạt-động được, Trung-tâm được có một ngân sách riêng. Ngân-sách của Trung-Tâm gồm hai loại chi-phi : hành-chánh và điều-hành.

Chi-phi loại hành-chánh do Chính-Phủ Đại-Hàn đài thọ còn chi phi điều hành do sự đóng góp tình nguyện của các chính-phủ hội-viên trên một căn-bản đã được thỏa thuận.

Tài-khoá cũng như niên-khoá hoạt động của Trung-Tâm khởi sự vào ngày 1 tháng 7 và chấm dứt vào ngày 30 tháng sáu mỗi năm.

Trung-Tâm dùng Anh-Ngữ làm ngôn-ngữ chính thức.

Đề hoàn thành được mục đích của mình, Trung-tâm được phép bằng thỏa ước, cộng tác với các chính-phủ và các tổ-chức ngoại-thuộc cũng như các tổ-chức quốc-tế khác và nhận viện trợ của các chánh-phủ, các học-viện công tư cũng như tư nhân và các tổ-chức quốc-tế khác với điều kiện là phải được sự chấp thuận của Ủy-Ban Chấp-Hành.

DANH-SÁCH CÁC NHÂN-VIÊN

trong

ỦY-BAN CHẤP-HÀNH

Chủ-tịch : Kyu Hah Choi, Tổng-Trưởng Ngoại-Giao (Đại-Hàn)

<i>Phó Chủ-tịch</i> :	Allan H. Loomes, Đại-Sứ	(Úc-Châu)
<i>Thư-ký</i> :	Byung Kyu Kang, Giám-Đốc	(Đại-Hàn)
<i>Nhân-viên</i> :	Allan H. Loomes, Đại-Sứ	(Úc-Châu)
	Fan Tao-tsan, Sứ-Thần	(Trung-Hoa)
	Masahi de Kanayama, Đại-Sứ	(Nhật)
	Kyu Hah Choi, Tổng-Trưởng Ngoại-Giao	(Đại-Hàn)
	Zainal bin Haji Lembaog, Tùy-Viên	(Mã-Lai)
	R. E. B. Peren, Tùy-Viên	(Tân-tây-Lan)
	Benjamin T. Tirona, Đại-Sứ	(Phi-luật-Tân)
	Chote Klongvicha, Đại-Sứ	(Thái-Lan)
	Đặng-ngọc-Điều, Sứ-Thần	(Việt-Nam)

DANH SÁCH CÁC NHÂN-VIÊN VĂN-PHÒNG

<i>Giám-đốc</i> :	Byung Kyu Kang (Đại-Hàn)
	nguyên Giáo-sư môn Giao-tế Quốc-Tế tại Đại-Học Đường Chungang, Hán-Thành.
<i>Phó Giám-đốc</i> :	Tameo Hongo (Nhật-Bản)
	Nguyên Lãnh-Sự Nhật tại Brisbane, Úc-Châu
<i>Trưởng-ban Văn-Hóa và Xã-Hội</i> :	James B. Webb (Úc-Châu)
	nguyên Giám-Đốc Hải-Ngoại Sự Vụ tại Melbourne
<i>Phó Trưởng-ban Văn-Hóa và Xã-Hội</i> :	Morakot Wonnawong (Thái-Lan)
	Nguyên Giáo-sư Thái-ngữ, Đại-Học Hawkok, Hán-Thành
<i>Viên-chức đặc-trách Thông-tin liên-lạc</i> :	Marlo T. Gabonton (Phi-luật-tân)
	nguyên Giám-Đốc Biên-Tập, Trung-tâm Giáo-Thông Xã-Hội, Manila.
<i>Viên-chức Hành-chánh</i> :	Dr. Kung Chiu-Chuan (Trung-Hoa)

nguyên Giáo-sư môn Hành-Chánh
tại Đại-Học Chengchi, Đài-Bắc.

Thủ-Thư-viện : sẽ được chỉ định.

DANH-SÁCH CÁC VI ĐẠI-BIỂU CỦA ỦY-BAN CHẤP-HÀNH

<i>Úc-Châu</i> :	R. M. North	Đệ Nhứt Tham-Vụ, Tòa Đại-sứ Úc
<i>Trung-Hoa</i> :	Fan Tao-tsan	Sứ Thần, Tòa Đại-sứ Trung-Hoa
<i>Nhật-Bản</i> :	Yo Kamitawa	Sứ Thần, Tòa Đại-sứ Nhật-Bản
<i>Đại-Hàn</i> :	Pil Shik Chin	Thứ-Trưởng Ngoại-Giao
<i>Mã-Lai</i> :	Eug Peng-Hui	Đệ-Tam Tham-Vụ, Tòa Đại-sứ Mã-Lai
<i>Tân-Tây-Lan</i> :	R. E. B. Peren	Tùy-Viên
<i>Phi-Luật-Tân</i> :	Herminio O. Gutierrez	Đệ-Nhị Tham Vụ, Tòa Đại-sứ Phi
<i>Thái-Lan</i> :	Chuai Kannawat	Đệ-Nhứt Tham-Vụ, Tòa Đại-sứ Thái
<i>Việt-Nam</i> :	Hà-Quang-Thuận	Đệ-Tam Tham-Vụ, Tòa Đại-sứ Việt-Nam

DANH-SÁCH CÁC ĐẠI-BIỂU THUỘC NHÓM CÔNG-TÁC

<i>Úc-Châu</i> :	R. M. North	Đệ I Tham-Vụ, Tòa Đại-sứ Úc
<i>Trung-Hoa</i> :	Fan Tao-tsan	Sứ Thần, Tòa Đại-sứ Trung-Hoa
<i>Nhật-Bản</i> :	Shoji Okamaru	Đệ I Tham-Vụ, Tòa Đại-sứ Nhật
<i>Đại-Hàn</i> :	Yoon Hee Lee	Giám-Đốc Thông-Tin Văn-Hóa Bộ Ngoại-Giao Đại-Hàn
<i>Mã-Lai</i> :	Eug Peng Hul	Đệ III Tham-Vụ, Tòa Đại-sứ Mã-Lai
<i>Tân-Tây-Lan</i> :	R. E. B. Peren	Đệ I Tham-Vụ, Tòa Đại-sứ Tân-Tây-Lan
<i>Phi-Luật-Tân</i> :	Herminio O. Gutierrez	Đệ II Tham-Vụ, Tòa Đại-sứ Phi
<i>Thái-Lan</i> :	Chuai Kannawat	Đệ I Tham-Vụ, Tòa Đại-sứ Thái-Lan
<i>Việt-Nam</i> :	Hà-Quang-Thuận	Đệ III Tham-Vụ, Tòa Đại-sứ Việt-Nam

ý-nghĩa sự hợp-tác cộng-đồng á-châu và thái-bình dương

Cái khuyếch hướng ngời lại với nhau theo từng đơn-vị địa-phương lớn vì mối liên hệ địa-dư cộng thêm những yếu-tố kinh-tế, xã-hội, văn-hóa, chính-trị v. v. . . để theo đuổi mục đích chung gần đây đã xuất hiện trên chính trường quốc-tế. Hiến-Chương Liên-Hiệp-Quốc cũng minh nhiên cõ võ sự hợp tác địa-phương vì cho đó là phương thức hữu hiệu để cải tiến nhân sinh và mưu cầu hòa bình cho thế-giới. Vì gần gũi nhau, và trong quá khứ đã có những liên-hệ lịch-sử, ngoại-giao, nhân-chúng nên những dân-tộc ở cùng một miền dễ hiểu biết và thông cảm với nhau dễ có thể giúp đỡ nhau một cách có hiệu quả hơn.

Đó cũng là nguyên-nhân đưa đến sự thành lập Hội-Đồng hợp-tác của Cộng đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương (Asian and Pacific Council) viết tắt là Aspac. Tổ-chức này tính đến nay mới hơn ba tuổi và chưa đạt được những thành quả mong muốn ngoài mấy cuộc hội nghị quốc-tế ở cấp bậc Bộ-Trưởng, nhóm họp tại Hán-Thành, Đại-Hàn hồi tháng 7-1966, tại Bangkok, Thái-Lan hồi tháng 7-1967 và tại Canberra, Úc-Châu. Điều này cũng dễ hiểu vì khoảng thời gian từ ngày thành lập đến nay còn ngắn quá mà mục-dịch tổ-chức đề ra lại rộng lớn và tính đến việc lâu dài. Tổ-chức nhằm thực hiện sự đoàn kết và sự hợp tác chính-trị, văn-hóa và kinh-tế giữa các nước Á-Châu không những trong hiện tại và cho cả những thế-hệ tương-lai nữa.

Hồi thượng tuần tháng 3 dương-lịch vừa qua giáo-sư Byung Kyu Kang, Giám-đốc Trung-Tâm Văn-Hóa và Xã-Hội của Cộng-Đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương trên đường công du qua thủ đô các nước hội viên

để tìm hiểu các vấn-đề văn-hóa xã-hội hầu-chuẩn-bị cho cuộc hội-thảo do Trung-tâm tổ chức trong tháng năm tới có lưu lại Saigon ít ngày, nhân dịp này chúng tôi có đến gặp giáo-sư Kang để tìm hiểu thêm về tổ-chức này, bởi nghĩ rằng Việt-Nam Cộng-hòa là một trong các quốc-gia hội-viên và trong hiện tại cũng như tương lai có thể nhờ tổ chức này mà phát triển chẳng.

Giáo-sư Kang là giáo-sư thượng đẳng (Professor Emeritus) của viện Đại-học Chungang tại Hán-Thành, giảng dạy về môn Bang-Giao Quốc tế, nay là Giám Đốc Trung tâm. Giáo-sư Kang chạc ngoại ngũ tuần, mập mập, nước da hồng hào, tóc chưa một sợi bạc, đôi mắt nhỏ lấp lánh sau lớp kính cận dày cho người đối thoại cái cảm tưởng như ông đang áp ú một lý tưởng tha thiết và cần truyền thụ cái lý-tưởng ấy cho người khác. Điều này cũng là một điều đáng chú ý vì sự thường các học-glá, các nhà khoa-bảng thường có thái độ dè dặt ít khi sống cho một lý-tưởng đương thời nào lắm.

Việc đầu tiên ông làm sau vài lời thăm hỏi xã-giao là lấy ra một hộp vuông nhỏ bọc giấy hoa đẹp thắt bằng băng màu, rồi tự tay tháo gỡ và cẩn thận gỡ cái phủ hiệu tròn mạ vàng của Trung-tâm lên ve áo người đối diện rồi hồn nhiên cười nói : « Nào, bây giờ tôi có thêm một đồng minh ». Chính nhờ những cử chỉ thành tâm ấy, người ta dễ có cảm tình đối với ông và dễ chia sẻ cái lý tưởng bừng bừng cháy trong ông.

Cuộc chiến-tranh lạnh tiếp sau kỳ Đệ-nhi Thế-chiến do sự tranh chấp ý-thức-hệ giữa hai cường quốc Hoa-kỳ và Nga-sô gần đây chuyển sang thái độ muốn chung sống hòa bình với quyết định chung là ký hiệp ước chống thí nghiệm một phần vũ khí nguyên-tử hồi tháng 8 năm 1963, thái-độ ấy lan tràn mau chóng sang các nước Đông Âu.

Đi ngược lại với tinh-thần ấy, nước Pháp lại cõ võ cho một Âu-châu độc lập xây dựng trên căn bản Khối Cộng-đồng kinh-tế Âu-châu (European

Economic Community) và Trung.Cộng càng ngày càng thiên về chính sách xâm lược. Kết quả là hiện tượng liên kết thành nhiều nhóm riêng (polycentrism) bắt đầu xuất hiện rõ rệt trên chính-trường quốc-tế.

Những tham vọng của Trung-hoa Đỏ đã trở thành nguyên nhân chính của nhiều cuộc tranh-chấp quốc-tế.

Thật là hiển nhiên hiện trạng Lào quốc, chiến-tranh ở Việt-Nam, cuộc xung đột về biên-giới giữa Trung-hoa và Ấn-độ, cuộc đảo chánh hụt của Cộng-sản tại Nam-dương, sự tranh chấp giữa Nam-dương và Mã-lai, và những vụ lộn xộn khác — không nói chi đến cuộc chiến-tranh tại Cao-Ly — đều do Trung-hoa đỏ chủ mưu. Và vì thế địa bàn tranh chấp quốc-tế đang chuyển từ Âu qua Á.

Phần lớn các quốc gia Á-Châu đều mới thu hồi độc lập chính-trị sau kỳ đệ II thế-chiến và là các quốc-gia đang mở mang. Các quốc-gia Á-Châu có những truyền thống văn-hóa như truyền thống Tây Âu, đã từ lâu làm quen với một hệ thống xã hội khép kín và về phương diện địa-lý cũng không gần gũi nhau lắm.

Kết quả là họ không cảm thấy cái nhu cầu phải trao đổi qua lại với nhau và vì thế cho đến ở Á-Châu chưa có cơ-quan nào hay tổ-chức chung nào trong tự như những tổ-chức của các quốc-gia Đông Âu để giải quyết những vấn-đề của toàn miền.

Ở Phi-Châu cũng có một hội đồng thường trực gọi là Tổ-chức Thống Nhất Phi Châu (Organization for African Unity) qua đó các quốc gia Phi-Châu hợp tác với nhau để cải tiến hoàn cảnh chánh trị và mức sống.

Và ở Nam Mỹ cũng có Tổ-chức các quốc-gia Mỹ (Organization of American States), Trung-trong Hiệp-hội tự do Thương mại Mỹ (Central American Free Trade Association) và Hiệp-hội Mỹ La-tinh Tự-do Thương mại (Latine American Free Trade Association) qua những tổ-chức này các quốc-gia Nam Mỹ hợp tác với nhau và cố gắng giàn xếp các vụ tranh chấp và cải tiến những điều kiện sinh sống.

Các quốc-gia Á-Châu không thể mãi mãi cậy dựa vào và sự giúp đỡ do các nước giàu mạnh hơn trợ cấp viện có là mình thuộc các quốc-gia kém mở mang nhất. Các vấn-đề của miền Á-châu lại càng không nên để các cường quốc bên ngoài quyết định dùm. Hơn thế nữa các quốc-gia Á-châu không thể khoanh tay ngồi ngó sương những vấn-đề của miền Á-châu. Họ cần tìm hiểu và cố gắng cùng nhau giải quyết với một ý thức tự chủ mạnh mẽ.

Theo chiều hướng đó Hội-đồng hợp-tác của Cộng-đồng Á-châu và Thái-bình-dương được thiết lập để các quốc gia trong miền cùng cố gắng đương đầu với sự xâm lược và cùng theo đuổi sự phát triển kinh tế nhip nhàng.

Riêng với Đại-Hàn chủ trương đầy mạnh hoạt động ngoại giao với các quốc-gia trên thế-giới được đề ra sau cuộc cách-mạng 16 tháng 5 và vì thế đã xin lãnh nhận đứng tổ chức phiên nhóm đầu tiên Hội-đồng các quốc gia trong Cộng-đồng Á-châu và Thái-bình-dương tại Hán-thành hồi tháng 6-1966.

Trước cuộc cách-mạng, sự bang giao quốc-tế của Đại-Hàn chỉ vắn vụn với một nhóm các quốc-gia đồng minh kể luôn cả Hoa-kỳ. Ngày nay Đại-Hàn theo đuổi một chính sách ngoại giao tiến bộ hơn trước và để xứng sự hợp tác giữa các quốc-gia trong cộng đồng Á-châu và Thái-bình-dương. Vì nhờ sự giúp đỡ của quân đội Liên-hiệp-quốc Đại-Hàn đã sống còn cho đến ngày nay và thực hiện được nhiều bước tiến bộ quan trọng trên phương diện chính-trị và kinh-tế. Nay là lúc Đại-Hàn thấy mình có thể đóng góp một phần nào cho thịnh vượng chung của toàn miền. Chính Tổng-thống Phác-Chánh-Hi đã đưa ra sáng kiến và vận động nhiều năm cho sự thành lập Hội-đồng Hợp-tác Cộng-đồng Á-châu và Thái-bình-dương và đã được nhiều quốc-gia hưởng-ứng hoặc tán trợ vì họ đã ý-thức được hiện tượng liên kết thành từng khối rất cần cho sự bảo vệ hòa bình chung của thế-giới và sự phát triển chung.

Nhận thấy giáo-sư Kang bị lôi cuốn bởi tinh thần quốc-gia và lòng ngưỡng mộ vị lãnh-đạo nước ông, chúng tôi tìm cách đưa ông trở lại vấn-đề.

HỎI : Thưa giáo-sư, các quốc-gia hội-viên như Đại-Hàn, Úc, Tân-Tây-Lan, Nhật, Thái-Lan, Phi-luật-tân, Mã-lai, Trung-hoa quốc-gia và Việt-Nam có cái yếu tố nào ngoài cái nhãn hiệu Á-châu và Thái-bình-dương đề kết lại với nhau không ?

ĐÁP :

Trước hết các quốc-gia hội-viên cùng chấp nhận sống theo những định chế dân-chủ (democratic institutions) và vững tin rằng thể-chế này có thể giúp cho các công-dân của một cộng đồng sống chung với nhau một cách hòa hợp, không căm thù giai cấp đề cùng mưu cầu công ích. Cùng tha thiết với lý-tưởng tự-do chân chánh, cùng ý-thức được mối đe dọa của mưu đồ xâm lược của Trung-Cộng. Vì hòa bình là điều bất khả phân trong toàn miền. Nếu vì một lý-do nào mà một quốc-gia hội-viên mất chủ quyền về tay cộng-sản thì sớm muộn một quốc-gia khác sẽ là nạn nhân bị xâm lược kế tiếp, nhất là hiện nay Trung-Cộng đang chú mục vào việc chế tạo vũ khí nguyên tử và đã nhiều lần cho thử thử vũ khí ác độc ấy. Và cũng vì thế mà các quốc-gia hội-viên đều trực tiếp hay gián tiếp ủng hộ lập trường chống xâm lược của Việt-Nam Cộng-Hòa hiện nay. Sự hiện diện đông đảo của quân lực đồng minh không kể tới Hoa-kỳ hiện nay là một bằng chứng hùng hồn vậy.

Muốn hiểu rõ thêm về điểm này chỉ cần đọc lại những lời tuyên ngôn của các quốc-gia hội-viên đã được các vị Tổng Bộ-trưởng đọc tại Đại Hội-đồng lần đầu tiên của Tổ-chức, tại Hán-thành. Lập trường ấy trước sau không hề thay đổi.

Úc . Châu :

« Điều mà chúng ta quan tâm đến không phải là Á-châu trong quá khứ mà là Á-châu trong tương lai. Trong những lời chúng ta nói và

những việc chúng ta làm chúng ta hy vọng rằng chúng ta góp sức vào việc thực hiện những điều nhờ đó các dân-tộc Á-châu sẽ có thể nhìn vào tương-lai với lòng hy vọng và với triển vọng càng ngày càng rộng mở vì thành quả khích lệ.»

Trung-Hoa Dân-Quốc :

« Đã đến lúc cần phải tăng cường vị thế chính-trị, kinh-tế và xã-hội hầu áp dụng những biện pháp đồng thỏa chống lại những kẻ xâm lược. . . Chúng tôi lên tiếng kêu gọi các quốc-gia trong toàn miền Á-Châu và Thái-bình-dương hãy tái xác định lại quyết tâm bảo vệ tự do chống lại xâm-lược và kện toàn một sự nhất trí hơn nữa giữa họ với nhau. »

Nhật-Bản :

« Nếu những dân-tộc này (Á-châu và Thái-bình-dương) chịu hợp tác với nhau trong tinh thần đoàn kết gắn bó keo sơn, đề chung góp khả-năng và năng-lực quốc-gia hầu giữ hòa bình cho toàn miền cũng như đề đạt tới sự thịnh vượng chung và phát huy những nền văn hóa cách biệt của mình thì những kết quả thu được nhờ sự cộng tác ấy sẽ rất đáng kể. »

Đại-Hàn :

« Công việc đặt trước chúng ta không phải là thành lập một khối liên minh chống bất kỳ nước nào. Cũng không phải mưu đồ hủy hoại các quốc-gia khác. Nhiệm-vụ đầu tiên cũng là nhiệm vụ cuối cùng của hội nghị đáng ghi nhớ này là đắp một con đường đưa tới sự hợp-tác thân thiết hơn, hữu hiệu hơn cho cả miền. . . Chúng ta hợp nhau ở đây để dệt những dị biệt phong phú thành một tấm vải tượng trưng cho sự hòa-hợp của cả một địa-phương lớn. »

Mã-Lai :

« Hòa bình là điều bất khả phân. Bởi thế vì lợi ích của tất cả các quốc-gia trong miền, trong tinh thần thân hữu và thiện chí, để đóng góp và chia sẻ những ý-kiến và kinh-nghiệm của chúng ta hầu những quốc-gia kém may mắn, kém mở mang có thể được các lân quốc giúp đỡ trong sự cố gắng chung mưu tìm sự cải tiến về kinh tế và cải thiện mức sinh hoạt. »

Tân-Tây-Lan :

« Chúng ta dẫn thân vào một công-tác lịch sử nhằm tạo từ sự dị biệt của các dân tộc Á-châu và Thái-bình-dương một sự đồng nhất mới xây dựng trên sự hiểu biết mới, dung hòa và thiện chí. Nếu chúng ta phối hợp sự bền chí với tài thích nghi chúng ta có thể tiến tới sự thượng tôn pháp luật (a rule of law), theo đó mà quản trị mọi hoạt động và điều hành sự giao-tế giữa các quốc-gia trong miền, bất kể lớn nhỏ. »

Thái-Lan :

« Là những con người chúng ta được sinh ra để gần gũi nhau, để cùng sinh sống làm việc hơn là để sống khép kín, để xa cách nhau. Vì thế điều chúng ta nhằm thực hiện là gặp gỡ nhau và cùng làm việc cho lợi ích chung, giúp nhau đạt tới những điều kiện sinh sống cao hơn và cùng nhau tiến bước trên đường tiến bộ và hòa bình. »

Phi-Luật-Tôn :

« Chính chúng ta quyết định tương lai sẽ như thế nào. Hoặc là chúng ta sẽ cố gắng được hòa bình trong toàn miền của chúng ta qua những chương-trình hợp tác hay hứng chịu những hậu quả của sự lờn không thụ động trước những lực lượng thù nghịch đang đe dọa xô đẩy chúng ta xuống vực thẳm. »

Việt-Nam Cộng-Hòa :

« Tô-chức đáp đường đưa tới một sự hợp tác mật thiết giữa các quốc-gia hội-viên chúng ta để cùng gây dựng một Á-Châu an ninh hơn, phú cường hơn. Trong khuôn khổ của sự hợp-tác này, mỗi quốc-gia sẽ đóng góp một phần tài nguyên năng lực cũng như tinh thần để mưu lợi ích chung cho mọi người. »

Từ già giáo-sư Kang ra về khi đêm đã vào khuya, một góc trời ánh hỏa châu rơi sáng, từ ngoại ô tiếng súng trận nhỏ to vọng lại chúng tôi bỗng nghe thấy lòng mình bớt cô đơn. Thi ra bên cạnh đồng-minh Hoa-kỳ còn có những quốc-gia khác không ngoài mục-đích bảo-vệ tự-do đã gọi quân sang tham chiến tại Việt-Nam như Úc và Tân-Tây-Lan v. v... vì họ quan niệm rằng hòa bình là điều bất khả phân, họ đang cùng Việt-Nam chiến đấu cho một lý-tưởng chung.

Ước mong rồi đây tinh thần hợp tác toàn miền sẽ giúp Việt-Nam phục hồi và kiến thiết, đó là điều biện minh hùng hồn cho cuộc chiến-đấu gian khổ của Việt-Nam bên cạnh các quốc-gia đồng-minh hiện nay. Tuy nhiên thành công hay thất bại phần lớn còn tùy thuộc khả-năng thích ứng và ý chí tự cường của chính chúng ta.

tìm hiểu đại-hàn và văn-hóa đại-hàn

LTS. Cách đây không lâu, Giáo-sư Byung Kyu Kang, Giám-Độc Trung-Tâm Văn-Hóa Xã-Hội Vùng Á-Đông và Thái-Bình-Dương (Asian & Pacific Council : ASPAC) sang viếng thăm Việt-Nam để bắc một nhịp cầu Văn-Hóa giữa Đại-Hàn và Việt Nam Cộng-Hòa.

Mới đây, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa sang thăm viếng Đại-Hàn và Tổng-Thống Phác-Chánh-Hy (4 ngày cuối tháng 5 năm 1969).

Tài-liệu này (đã được đăng trong Việt-Tân-Xã ngày 14-15-16 tháng 5 năm 1969) chỉ nhằm trình bày vài nét đại-cương về địa-lý, lịch-sử và văn-hóa Đại-Hàn, một nước bạn liên hệ mật-thiết đến nước nhà, nên chúng ta cần biết.

Nói đến một Trung-Tâm Văn-hóa xã-hội quan-trọng như ASPAC, thiết-tưởng điều cần thiết đầu tiên là biết ít nhiều nét đại-cương về khung cảnh thiên nhiên và nhân-bản trong đó trung-tâm ấy hoạt-động.

Trung-tâm ASPAC đặt trụ-sở tại Hán-Thành, thủ-đô Quốc-Gia Đại-Hàn.

Đại-Hàn theo chế-độ cộng-hòa như Việt-Nam Cộng-Hòa. Tổng-Thống là tướng Phác-Chánh-Hy.

Vài nét đại-cương về địa-lý Đại-Hàn.

Bán-đảo Cao-Ly kéo dài ước chừng 800km từ Mãn-châu xuống phía Nam, chung quanh có 3300 củ-lao. Về biên-giới,

phía Bắc, có Mãn-Châu và Tây-Bi-Lợ-Á; phía Đông có Đông-Hải; phía Nam, có eo biển Cao-Ly; phía Tây, có Hoàng-Hải.

Cao-Ly ở giữa 124 và 131 kinh-tuyến Đông, giữa 33 và 43 vĩ-tuyến Bắc. Diện-tích Hàn-Quốc là 220.847 km²; diện-tích Bắc-Hàn, ở phía Bắc đường Ranh-giới Quân-sự là 120.540 km²; diện-tích Nam-Hàn hay Đại-Hàn là 98.490 km².

Hàn-Quốc ở một vùng chuyển-tiếp giữa khí-hậu lục-địa và khí-hậu miền biển, có đặc-điểm của hai thứ khí-hậu ấy. So sánh với khí-hậu các nước cùng ở dưới một vĩ-tuyến, khí-hậu Cao-Ly có tính-chất lục-địa hơn; nhiệt-độ trung-bình hằng năm thấp hơn, nhất là ở miền Bắc, vào mùa đông.

Trong tháng bảy và tháng tám là những tháng nóng nhất, nhiệt-độ trung-bình lên-cao nhất đến 16°5c. Vào tháng Chạp và tháng Giêng là những tháng lạnh nhất, nhiệt-độ trung-bình xuống thấp nhất tới 7°30 ở miền Hán-Thành. Mùa đông ở Hàn-Quốc có một hiện tượng đặc biệt: 3 ngày lạnh kế tiếp 4 ngày ít lạnh hơn. Mùa mưa kéo dài từ tháng Tư đến tháng Chín, và mùa khô từ tháng Mười đến tháng Ba năm sau. Miền Tây mưa nhiều hơn miền Đông. Trong các tháng Năm, Sáu, Bảy và Tám, nghĩa là những tháng mùa Hạ, người ta được hưởng khí-hậu nắng ráo trung-bình mỗi ngày 7,8 giờ trên toàn quốc.

Bán-đảo Cao-Ly có nhiều núi kéo dài và thấp dần xuống miền Nam, nên hình-thể miền Bắc hiểm trở và miền Nam tương-đối bằng-phẳng hơn. Núi cao nhất là đỉnh Bektou (2744m), ở biên-giới miền Bắc. Đỉnh Halla (1950m) ở đảo Chejon, là núi cao nhất miền Nam. Vì phần lớn đồng-ruộng ở miền Nam, nên vựa lúa và phần đông dân-cư của Hàn-Quốc tập trung ở miền Nam.

Bờ biển dài tới 8690km và bờ biển các đảo lân cận dài tới 966km. Ở bờ biển phía Tây, sự khác biệt giữa thủy triều lên và thủy triều xuống là 10m ở Inchon, còn ở bờ biển phía Đông, chỉ đạt đến 30cm,

Phần nhiều sông đều ngắn và chảy nhanh, vì núi nằm ngang trong một bán-đảo hẹp. Sông Yalou (790km) là sông dài nhất. Năm con sông chính của Hàn-Quốc là các sông Yalou, Han, Taidong, Tuman và Baktong.

Lãnh-thổ chia ra làm hai thành-phố đặc biệt và 14 tỉnh mà 9 tỉnh thuộc về Đại-Hàn.

Hán-Thành là Thủ-đô của quốc-gia này và Pusan, thành-phố lớn bậc nhì sau Hán-Thành là hải-cảng quan-trọng nhất. Đó là hai thành-phố riêng biệt, độc-lập đối với các tỉnh có vị-trí của các thành-phố ấy.

Dân-Tộc.

Dân-tộc Cao-Ly thuộc về một chủng-tộc rất xa xưa và đồng nhất, khác dân Tàu và dân Nhật. Dân-tộc ấy thuộc về hai nguồn gốc : các bộ lạc du-mục Mông-Cổ và dân Cô.Ca di-cư từ các miền Tây-Á và Trung-Á.

Theo sự kiểm-tra dân-số năm 1966, dân số Đại-Hàn ước-lượng trên 29.000.000 người với trên 14 000.000 đàn ông và trên 14.000.000 đàn bà.

Những thực-phẩm chính-yếu của dân Đán-Hàn là : thịt bò, thịt heo, gà, vịt, cá, cơm và rau. Một món ăn phổ-thông vào bậc nhất là món « Kimchi », một món ăn mặn, trộn củ cải, hành, rau và nhiều gia vị. Bánh « teuk » làm bằng cơm, trái chà là, trái lặt, đậu đỏ, là một món ăn cổ-truyền được mọi người ưa nhất. Người ta làm nhân dịp Tết Nguyên-Đán hay những ngày lễ khác. Bánh này khiến chúng ta liên tưởng đến bánh tét hay bánh chưng cũng thường làm vào dịp tết Nguyên-Đán. Một món ăn đặc biệt khác là món « boulogoul », thịt bò ngâm nước muối và nướng trên than hồng.

Về quần áo, y-phục cổ-truyền của đàn-ông là áo dài trắng rất rộng và quần cũng rộng ; của đàn-bà, là áo nịt mặc ngoài thắt chần và váy thướt tha, màu sắc tươi đẹp. Ngày nay, phần đông dân thành-thị mặc Âu-phục, ít dùng quần áo cổ-truyền, vẫn được phụ-nữ thôn-quê (và một số ở thành-thị) ưa thích, quyến-luyến. Đó là một hiện-tượng mà chúng ta

cũng nhận thấy rõ ràng ở Việt-Nam : phụ-nữ Việt-Nam rất thiết-tha với chiếc áo dài kiểu-diêm. Về chỗ ở, nhà có một lối sườn đặc biệt gọi là ondol, tức là một thứ sàn lát một lớp đá hoa-cương tựa trên những phiến đá lớn. Những ống lò sườn ở dưới sàn sườn ấm các phòng. Nhà Cao-Ly cổ-truyền thường lợp bằng ngói và có trung-bình từ 2 đến 4 phòng với một nhà bếp và một phòng có sàn bằng gỗ. Trước khi vào các phòng, phải bỏ giày.

Phong-Tục.

Dân tộc Hàn-Quốc giữ được một tính-chất quốc-gia riêng-biệt trong một thời-gian lâu hơn tất cả các quốc-gia Âu-Châu.

Văn-hóa Cao-Ly ăn sâu vào đất nước. So sánh với văn-hóa Trung-Quốc, một tổng-hợp huy-hoàng, văn-hóa Hàn-Quốc có vẻ đồng nhất, thắm nhuần một bán đảo riêng biệt, có một cá-tính vững mạnh và, vì thế, hấp dẫn. Có nhiều phong tục theo mùa, được truyền lại từ ngàn xưa qua các thế-hệ. Hầu hết những phong-tục ấy phát-sinh từ dân-tộc Cao Ly, đã được bảo tồn và phát huy, vẫn giữ tính chất thuần-túy dân-tộc.

Ít nhiều phong-tục có một nguồn gốc ngoại lai nhưng rồi đồng hóa với văn-hóa dân-tộc ; đó là trường hợp của Khổng-Giáo và Phật-Giáo du nhập từ Trung-Quốc và đã có một ảnh-hưởng lớn lao trong nhiều thế-kỷ. Những phong-tục bắt nguồn từ văn-hóa ngoại lai đã biến đổi qua thời gian lâu dài theo những quá-trình thích nghi để hòa hợp với văn-hóa nguyên-thủy Hàn-Quốc.

Phần nhiều phong tục theo mùa đã được truyền lại từ thời xa xưa và có liên hệ mật thiết với đời sống dân-tộc. Những phong-tục ấy mang lại những cuộc tiêu-khiến và phong-phú hóa đời sống xã-hội đồng đều, nhất là ở những miền thôn-dã. Chúng được sáp nhập vào hệ-thống xã-hội và biến chuyển theo đà tiến-bộ xã-hội. Một nét nhìn tổng quát về những phong-tục trong năm cho chúng ta thấy khá rõ đời sống xã-hội trên toàn-quốc.

Ở nhà quê, hôn nhân là một việc gia-đình trong đó cha mẹ có quyền tối hậu. Nhưng phần đông dân những thành phố có tính chất quốc-tế ngã theo tình cảm. Vì vậy, các thế-hệ trẻ-trung lựa chọn người hôn-phối của mình với sự chấp-thuận hay ngoài sự chấp-thuận của cha mẹ.

Đám cưới cổ-truyền là một lễ-nghi ngoạn-mục: vị hôn-phu đi kiệu đến nhà vị hôn-thê, nơi đây cặp vợ chồng mới thề nguyện trung-thành trọn đời với gia-đình, trong một tiệc rượu hân hoan. Sau đám cưới, tân-lang phải ở lại ba đêm tại nhà-gia trước khi đưa tân-gia-l-nhân về nhà mình.

Ngày mồng một Tết Nguyên-Đán; từ sáng sớm, mọi người trong gia-đình mặc quần áo chỉnh tề, rởi lạy ông bà, cha mẹ, các người già cả, để biểu lộ lòng kính cần trung-thành với gia-đình. Rồi gia-trưởng đãi tiệc những người đứng tuổi; tặng những người trẻ tuổi các món quà nhỏ như tiền mở hàng (hay lì-xì), bánh ngọt, trái cây, sau khi họ đến chúc tụng thành kính tại mỗi gia-đình bà con thân thích.

Một người có tang từ một hay hai năm phải kiêng không nên đi mừng tuổi, nhưng có thể tiếp tân.

Những phong-tục trên đây có ít nhiều điểm tương-đồng với phong-tục Việt-Nam.

Sáng mồng một Tết, người ta có lệ mua các gạo tre mới tinh. Gạo tre ấy gọi là Gạo-Hạnh-Phúc. Ngay nửa đêm 30 rạng ngày mồng một, những người bán gạo hạnh-phúc đã đi bán khắp thành thị thôn-quê và rao lên miền: «Gạo-Hạnh-Phúc». Người ta dùng gạo ở nhà bếp để mức và rửa các thứ hạt.

Người ta cho rằng phong-tục «Gạo-Hạnh-Phúc» bắt nguồn ở việc dùng gạo từ lâu đời để lựa chọn các thứ hạt tốt. Gạo-Hạnh-Phúc được coi như chỉ mức toàn là những điều may mắn.

Trong một bài nghị-luận trứ-danh về «Tâm-Lý qua ngày Tết», Phạm-Quỳnh đã cho ta thấy dân tộc Việt-Nam tìm đủ mọi cách trong các phong tục ngày Tết, để bảo vệ và thủ-đắc hạnh-phúc. Âu đó cũng là một điểm tương đồng giữa dân Hàn và dân Việt.

Mỗi năm một lần, nhiều thành-phò, làng mạc mở một ngày hội để cúng tế thần-linh địa-phương. Buổi lễ được cử-hành từ sáng sớm ngày rằm tháng giêng âm-lịch. Việc chính là cúng tế thần-linh địa-phương ở đầu tỉnh hay đầu làng. Vài thị trấn có một lăng tẩm trong đó người ta để ảnh vị thần-linh bảo hộ thị trấn. Trong nhiều trường hợp, bàn thờ chỉ là một đồng đá. Cảnh bàn thờ, luôn luôn có một cây linh-thiên là cây du hay cây thông được coi như nơi sống của vị thần-linh. Người chủ tế đến chỗ thờ ba ngày trước để dọn thật sạch, đặt đất mới và giăng dây thừng rào một khu cấm địa. Người ta cũng đề giày cấm kỵ chung quanh công nhà người chủ-tế. Tất cả dân làng được coi như biết cách ăn ở trước ngày hội và người chủ-tế, một người đứng tuổi, phải tắm rửa sạch sẽ, kiêng thật trước khi hành lễ.

Mục đích của buổi lễ là cầu nguyện những vị thần-linh địa-phương ban cho làng mạc phúc-lành và được mùa.

Những lối kiêng-cữ, trai-giới của người chủ-tế không phải không có điểm tương-tự với phong-tục Việt-Nam.

Chiều ngày rằm tháng giêng, nông dân cầm đuốc lên đời. Tại đây, họ đón chào trăng lên với đuốc và những ngọn lửa bày ra một quang cảnh ngoạn mục. Đó là lễ *Dal-Maji* hay *Lễ đón trăng*.

Người ta tiên đoán về mùa màng trong năm bằng cách quan sát trăng lên. Trăng đỏ lợt chỉ đại hạn, trăng trắng lợt là điềm lợt. Trăng nghiêng về phía Bắc báo hiệu mùa màng rất tốt ở miền núi; trăng nghiêng về phía Nam chỉ mùa lúa tốt ở miền duyên hải.

Phong tục nhắc ta nhớ đến đêm nguyên-tiêu, tức đêm rằm tháng giêng là một đêm xưa kia náo nhiệt ở bên Tàu và bên ta.

Và lại cách ngắm trăng hay quan sát hiện tượng thiên nhiên để tiên liệu những sự kiện canh-nông là một phong tục thường thấy ở thôn quê Việt-Nam.

Ngày thứ 105 sau Đông-Chí gọi là *Hansik* (*Hàn-thực*). Ngày đó nhằm vào tháng ba hay tháng tư âm-lịch. Người ta ăn đồ nguội, sửa soạn các lễ vật như rượu, thịt, cá, rau, trái cây, bánh tẻ, đi tảo mộ tộ tiên và dâng các lễ vật.

Lễ Hansik nhắc ta nhớ đến tết Hàn-thực: ta cũng ăn đồ nguội ngày mùng 3 tháng 3 âm-lịch: ta cũng đi tảo mộ trong tiết thanh-minh vào đầu tháng 3 và ai cũng biết câu Kiều:

*Thanh-minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo-mộ, hội là đạp thanh...*

(Kiều)

Ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch, nam, phụ, lão, ấu mặc quần áo chỉnh tề đi lễ chùa gần nhà. Đó là Lễ Phật-Đản. Một ngày hội trọng thể được tổ-chức tại các chùa chiền mà các gian đều có treo đèn lồng sáng rực rỡ. Đêm đến, có cỗ đèn diển hành và các nhà Phật tử đều thắp đèn nến sáng trưng, khói hương nghi ngút.

Lễ Phật-Đản bên Đại-Hàn có diêm giống lễ Phật-Đản bên Việt-Nam.

Mùng 5 tháng 5 có lễ Dano là 1 trong 4 lễ lớn theo phong tục cổ truyền. Người ta dậy sớm, mặc quần áo mới, làm cỗ cúng giỗ tổ tiên. Rồi gia-đình ăn cỗ và sống một ngày vui vẻ với bạn bè.

Trai gái có thói quen dùng nước đã đun sôi để rửa mặt và gội đầu trước khi mặc quần áo đẹp. Người ta tin rằng đó là một cách trừ tà. Các cuộc đánh vật được tổ chức với sự tham dự của thanh-niên toàn quốc; các cuộc trọi bò giống các cuộc trọi trâu ở miền Bắc Việt-Nam.

Cho đến hết triều đại Iki, bộ Công-Chánh dâng vua những quạt đặc biệt, Vua ban lại cho các quan Thượng-Thư, thị-vệ và các công-chức cao cấp.

Ở nước ta ngày mùng 5 tháng 5 có tết Đoan-Ngo, phảng phất hơi giống lễ Dano về một vài diêm.

Ngày rằm tháng sáu gọi là ngày Yudou. Ngày ấy người ta đi dự những cuộc dã yến gần suối, gần thác. Người ta gội đầu, tắm rửa, uống rượu và nghỉ cả một ngày tại một nơi mát mẻ, đó là một cuộc di dưỡng tinh thần, và người ta cho rằng đó cũng là một cách tránh tai họa và cảm-thủ. Phong tục này có từ thời Silol Sola (57 trước Tây-Lịch - 935 sau Tây-Lịch). Chữ « Yudou » có nghĩa là « đầu gội suối » hay « gội đầu trong suối ».

Dân ta cũng thích đổi gió, ở một nơi mát mẻ, bên bờ suối, giữa danh lam thắng cảnh, nhưng không ấn định hẳn vào một ngày.

Đêm mùng bảy tháng bảy gọi là Chilseuk (Thất-Tịch) nghĩa là đêm mùng bảy tháng bảy. Đêm ấy các thiếu-nữ chào mừng sao Hôm còn gọi là sao Mai, Kim-tinh, sao Thái-Bạch sao Ngưu-Lang, (Vénus, Etoile du soir, Etoile du matin, Etoile du Berger, là một ngôi sao trong tinh tú Thiên-Ung-Tọa, Coastellation de l'Aigle) và Chức Nữ (Fileuse de la Lyre) trong tinh tú Thiên-Cầm-tọa.

Các cô cầu nguyện 2 ngôi sao ấy phù hộ cho được khéo léo trong công việc may vá thêu thùa. Vài thi-sĩ làm thơ đề-tặng 2 ngôi sao ấy. Dân Đại Hàn có một thần-thoại liên hệ như dân ta.

Đêm Thất-tịch, chúng ta nhìn trên vòm trời, thấy sông Ngân-Hà, sao Ngưu-Lang (hay Thiên-Ngưu tượng trưng chàng Ngâu, chàng chăn trâu) ở bờ phía Đông và sao Chức-Nữ (hay Thiên-tôn-nữ, tượng trưng nàng Ngâu nàng dệt vải ở bờ phía Tây Ngân Hà). Nhờ hàng ngàn quạ hay chim khách bắc cầu, Ngưu-Lang Chức-Nữ có thể qua sông Ngân và gặp nhau, mỗi năm một lần vào đêm mùng bảy tháng bảy là đêm hạnh phúc duy nhất sau một năm biệt-ly chờ đợi.

Tân-Đà tỏ lòng thương xót số phận hẩm-hiu của Chức-Nữ cũng như ông ngậm ngùi cho duyên kiếp ngang trái của Chiêu-quân công Hồ, thi-sĩ đã viết cả một bài song thất lục bát về thần thoại Ngưu-Lang Chức-nữ; chỉ xin trích dẫn bốn câu đầu:

*Tục truyền tháng bảy mưa Ngâu
Con Trời lấy đũa trần trâu cũng phiền;
Một rằng duyên, hai đành rằng nợ,
Sợi Xích-thăng ai gỡ cho ra...*

Hội Chilseuk hay Hội Trăng tổ-chức vào ngày rằm tháng 8 âm-lịch. Ban ngày, người ta đi tảo mộ tổ-tiên và cắt cỏ dại ở mồ mã. Sau khi phát cỏ, người ta cúng cơm, rượu, thực phẩm và lúa mới gặt, rồi người ta cầu nguyện cho vong-linh các người quá cố. Ban đêm, người ta ngắm trăng tròn sáng vàng vạc. Hội trăng là một hội lớn vào bậc nhất trong năm và làm ta liên tưởng đến đêm Trung-thu ở Việt-Nam, nhất là ở miền Bắc cũng có phong-tục cổ truyền hưởng trăng trong vào đêm rằm tháng 8.

Ngày Đông-chi là một ngày hội cổ-truyền vào tháng chạp âm-lịch. Ngày đó các phụ-nữ nấu một thứ cháo gọi là Patjonk trộn với đậu đỏ và những viên xôi hình chững gà nhỏ. Những người bảo-thủ vầy cháo ở ngoài công ra vào để trừ tà.

Thời xưa, vào ngày Đông-Chi, Khâm-thiên Giám Đại-hàn dâng vua những cuốn lịch mới bìa màu trắng và vàng; Vua cho đóng ấn vào những cuốn lịch ấy và phân phát cho triều-thần. Ngày nay phong-tục ấy đã mất.

Việc vầy cháo sau hội Đông-chi ở Đại-Hàn làm ta liên tưởng đến tục cúng cháo rồi vầy cháo cho các cô hồn, ở bên ta, ngày rằm tháng bảy, ở một ít gia-đình tốn cổ.

II. VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ LỊCH-SỬ NGUỒN GỐC

Nói một cách tổng quát, người ta cho rằng chủng-tộc Cao-Ly, bắt nguồn ở miền núi Oural và Altai, có liên hệ với các chủng-tộc Mông-Cô, Mãn-Châu và Nhật-Bản. Tuy nhiên, nguồn gốc của Hàn-tộc vẫn chưa được soi sáng rõ ràng.

Người ta không tìm thấy một di tích nào của thời đại Cỏ-thạch-khi trong nước nên giả thiết rằng người đầu tiên xuất hiện trên bán đảo Triều-Tiên vào thời-đại Tân-thạch-khi. Khắp nơi trên toàn quốc người ta đã khám phá những phế-tích của thời-đại Tân-thạch-khi như những thạch-trùng, những thạch-khi, những mảnh vỡ chất thành đồng của những hầu hèn là đồ ăn của những người thượng cổ tại Hàn-Quốc.

Những ngày đầu tiên của nền văn-hóa Cao-Ly bị bao phủ trong huyền-thoại cũng như trường hợp của nhiều nước khác.

Theo thần thoại, người lập quốc đầu tiên từ trên trời xuống trần để thành lập một quốc-gia kiểu bộ-lạc 24 thế-kỷ trước Tây-Lịch và lập kinh-đô ở gần thành phố hiện tại Pyongyang.

Hậu-duệ của Thiên-Vương ấy bị thay thế bởi một gia-đình chi huy mới, gọi là Hàn và quốc-gia mới gọi là Hàn Chonson phát triển chung quanh sông Taedong, 11 thế kỷ trước Tây-lịch,

Trung-Quốc gây ảnh hưởng ở bán đảo qua sự trung gian của các người tị-nạn Chính-trị mà nhân-vật nổi tiếng nhất là *Wi Man* bị lưu-đày từ nước Yên đến miền Bắc Triều-Tiên, rồi truất phế vua Hàn-Quốc và lập nước *Wi Choson*. Vương-Quốc này tồn tại một thế-kỷ, đến đầu thế-kỷ thứ 1 trước Tây-lịch, rồi bị tàn phá và đô-hộ bởi nhà Hán bên Tàu đã thống-nhất được lục-địa.

Những quốc-gia kiểu bộ-lạc ở Hàn-Quốc không chịu được sự xâm-chiếm của ngoại bang, nên kết hợp ở *Kokuryo* phía Bắc, *Tongyé* phía Đông, *Mahan*, *Chinhan* và *Byonhan* phía Nam, và sau cùng thành công trong việc đẩy được lực lượng Trung-Hoa ra khỏi nước, năm 315 sau Tây-lịch.

Tam - Quốc.

Bộ lạc *Kokuryo* phía Bắc lan rộng đến lưu vực sông *Yalou* vào thế kỷ thứ I trước Tây-lịch. Bộ lạc ấy chiếm một vùng gồm các miền Nam Mãn-Châu và Bắc Cao-Ly, ưa cưỡi ngựa và bắn cung rất giỏi, cũng cố thế-lực và thiết-lập một Vương-quốc hùng-mạnh dưới thời Trung-Cô.

Trong số 54 bộ lạc tập hợp ở *Mahan*, Vương-quốc *Bekjé* chiến thắng, chiếm thung lũng sông Mãn và trao đổi văn-hóa với Trung-hoa vào thế-kỷ thứ III. Thời vàng son của Vương-quốc ấy ăn khớp với sự xuất-hiện của Vương-quốc *Silla*, ở phía Nam bán đảo nước này bắt đầu thức tỉnh nhờ những cuộc tiếp xúc văn-hóa với các nước láng giềng trong đó đáng kể nhất Trung-Quốc; rồi đến thế-kỷ thứ V bành trướng đất đai dọc theo sông *Naktong*.

Một cuộc chấp-tranh máu liệt giữa 3 nước (gọi là Tam-Quốc) không thể tránh được. *Bakjé*, nước thành lập đầu tiên, liên minh với *Silla* để lấy lại đất đai mất về *Kokuryo*. Bá quyền trên bán đảo được chia đôi cho đến khi nước *Silla* bẻ gãy sự liên minh để một mình làm bá chủ. Đồng thời, *Bekjé* liên kết với *Kokuryo* là nước thù xưa. *Silla* bị cô lập cố gắng liên minh với nước Tàu, tức là nhà Đường.

Sự liên minh với cường-quốc lục-địa đưa đến sự băng hoại của hai nước ở phía Bắc Triều-Tiên vào thế-kỷ thứ III. *Silla* trị vì với tư cách một nước, chiến thắng nhưng phần lớn *Kokuryo* phải nhường cho Trung-Hoa một cách vĩnh viễn.

Triều Đại Koryo.

Chỉ ba thế-kỷ sau khi đã thống nhất bán đảo, Vương-Quốc Silla sụp đổ do một cuộc đảo chánh của tướng *Wang Kon* dựng nên triều đại *Koryo*. Danh-hiệu này là nguồn gốc của những quốc-danh do ngoại quốc đặt ra: *Koran*, *Corée*. Năm 935, những tàn tích của Silla lu mờ và nước này bị sáp nhập vào nước *Koryo*. Hai năm sau, *Bekjé* nổi dậy, lấy tên là *Hou-Bekjé*, nhưng không bao lâu, cũng bị thống trị. Một lần nữa bán đảo lại được thống nhất.

Vương-Quốc *Koryo* bị nhiều bộ-lạc phía Bắc quấy nhiễu: Hung-nô, Mông-Cổ và các bộ-lạc khác: giữa khoảng 993 - 1018, ba cuộc xâm lăng tàn phá Cao-Ly.

Năm 1213, xảy ra cuộc xâm lăng Mông-Cổ kinh khủng. Tuy nhiên, Vua chạy thoát và Chính-phủ hoàng-gia đi trốn trong một cu-lao gần bán-đảo; năm 1270, một hòa-ước được ký kết theo đó Hàn-Quốc vẫn độc-lập nhưng nhà vua phải lấy một công-chúa Mông-Cổ làm Hoàng-Hậu.

Phật-giáo du nhập vào Triều-Tiên dưới thời Silla, phát triển đến tột độ dưới triều đại *Koryo*. Chính triều-đại này đã cho du nhập hệ-thống thi-cử quốc-gia có tính chất Khổng-giáo. Ảnh hưởng Nho-giáo càng ngày càng mạnh trong tất cả các lãnh vực, rồi lần át, loại trừ ảnh-hưởng Phật-giáo dưới triều-đại kế tiếp.

Trong những công-trình mà triều đại *Koryo* để lại cho hậu thế, nên kể sự phát minh hoạt tự ấn-hành năm 1234, hơn 2 thế-kỷ trước Gutenberg, nhà ấn-loát người Đức, phát minh ra thuật in bằng hoạt tự năm 1440.

Giữa những cuộc xâm lăng Mông-Cổ, kinh Phật được khắc trên 81.258 bản in bằng gỗ; đó là một cử chỉ đầy lòng tin như để thỉnh cầu sự chứng giám và can thiệp của Trời Phật.

Bộ Kinh *Tripitaka Koreana*, một tác-phẩm vĩ-đại, vẫn được bảo tồn như một kho tàng quốc-gia quan trọng.

Đồ sứ với màu-sắc mỹ-lệ nổi tiếng khắp thế-giới và đạt tới tột điểm về trình-độ kỹ-thuật.

Triều-đại Yi.

Nhà Nguyên sụp đổ và nhà Minh lên thay trên chính-trường nước Tàu, một thế lực chính-trị mới xuất hiện ở Cao-Ly. Nhà lãnh-đạo của giai-cấp thượng-lưu mới là *Yi-Seung-Gyé*, một vị tướng có nhiều chiến công oanh-liệt loại trừ được những địch thủ của mình và thành-lập Vương-Quốc Yi nhờ một cuộc đảo chánh đẫm máu năm 1392.

Nhà lập-quốc thiên-đô về Hán-Thành, thực hiện một loạt cải-cách, thay thế Phật-Giáo bằng Khổng-Giáo được coi như Quốc-giáo.

Ông thể hiện một cuộc cải-cách điền-địa để khuyến-khích nông-dân và giao-hảo với nhà Minh.

Năm 1446, vua *Séjong*, vua thứ tư của triều-đại mới, để lại cho hậu-thế một di-sản Quốc-gia quan-trọng vào bậc nhất: tự-mẫu phiên-ngữ-âm Hàn-Quốc, gọi là *Hounminjongeum*, gồm có 28 chữ. Tự mẫu mới góp một phần vô-biên vào công cuộc nâng cao trình-độ học-thức và văn-minh tổng-quát.

Học-thuyết Khổng-Giáo phát-triển tột độ vào khoảng giữa thời Yi nhờ các nhà đại tư-tưởng-gia như *Yi-Hwang* và *Yi-Ie*. Khoảng đầu đời vua *Sonjo* (1563-1608) một môi bất hòa xuất hiện trong lãnh-vực chính-trị; chia ra làm hai nhóm, rồi hai nhóm này chia ra làm nhiều phe kinh địch; kết quả là những vụ thanh-trừng, cảnh phân hóa, cuộc xâm-lăng của Nhật-Bản (1392-1598), tàn phá giang sơn, và sự phân tranh giữa các phe phái tạm ngừng. Giữa lúc Quốc-gia nguy-phiến, độ-đốc Yi Soun-Sin tiêu diệt được hạm-đội Nhật-Bản nhờ một chiến hạm mới do ông sáng-chế. Đó là thiết-giáp-hạm đầu tiên của thế-giới. Một tai biến khác lần này do người Mãn-Châu gây ra, đè nặng lên triều-đại Yi năm 1636, nhưng sự thù nghịch giữa các đảng phái không bao giờ chấm dứt.

Dưới đời các vua *Yongjo* và *Jeungjo* ở thế-kỷ 18, các cuộc tranh chấp đảng-phái lắng dịu, một triết-phái mới hình thành với chủ-trương tìm biết tâm-lý phát-động phong-trào công-kích tính-chất duy-hình-thức của học-thuyết tân Khổng-Giáo và du nhập một phương-pháp-luận mới nhằm đả-cử kiến-thức thực-tiễn và dựa vào những xác-nhận, chứng-minh,

Tuy nhiên, Triết-phái ấy gọi là *Triết-phái Học-vấn Thực-tiên*, không có căn-bản ý-thức hiện tại và vẫn chưa hoàn-toàn thoát-ly ảnh-hưởng của Tân Khổng-Giáo. Dầu sao, Triết-phái ấy cũng đóng vai tiền-phong trong công-cuộc canh-tân Triều-Tiên trước khi văn-minh Tây-phương xuất-hiện ở Á-Đông.

Sự chiếm-đóng của quân Nhật và cuộc kháng-chiến của Quốc-gia Cao-Ly.

Vương-quốc Triều-Tiên, một nước đang bế-quan tởa-cảng, mở cửa cho Nhật.Bản năm 1876 theo hiệp-ước *Kangwha*.

Sự xung-đột giữa các phe-phái bảo-thủ và tiến-bộ trở nên kịch liệt trên chiến-trường; gây ra cuộc nội-loạn *Donghak*, là một cơ-đề nước Tàu can thiệp vào nội bộ Cao-Ly và nước Nhật đưa quân xâm-lược. Chiến-tranh Trung-Nhật bùng nổ (1894-1895). Thắng trận, nước Nhật củng-cố công-cuộc chiếm-đóng.

Giữa những biến-cố ấy, Chính-Phủ Yi nhường cho nước Nga ít nhiều tô-giới, nên kích-thích mãnh-liệt tham-vọng của Nhật.Bản, muốn kiểm-soát không những Cao-Ly mà còn cả lục-địa Á-Châu nữa. Hai cường-quốc đọng-độ nhau trông chiếu-tranh Nga Nhật (1904-1905).

Sau khi đánh tan quân đội Nga và phá tan chiến-hạm Nga ở Tsou-shima (1905), Nhật.Bản bắt buộc Cao-Ly phải chấp-nhận một-Hiệp-ước bảo-hộ theo đó nước Nhật thành-lập năm 1905 Phủ Toàn-Quyền ở Hán-Thành, lấy chủ-quyền của Triều-đại Yi trong nhiều lãnh-vực.

Một cuộc khởi nghĩa quốc-gia để giành độc-lập bùng nổ ngày 1-3-1919, tuyên-bổ Hàn-quốc độc-lập và tổng-động-viên tất cả nhân-dân đề chiến đấu cho tự do và phủ-nhận cuộc tuyên-truyền của Nhật bản cho rằng dân-tộc Triều-Tiên sống sung-sướng dưới ách đô-hội ngoại-bang.

Nhật đàn-áp phong-trào giành độc-lập, các nhà lãnh-đạo Cao-Ly nhóm họp tại Thượng-Hải và tuyên-bố sự thành-lập Chính-phủ lâm-thời của Cộng-Hòa Hàn-Quốc.

Năm 1941, Nhật.Bản phát-động Đệ-nhi Thế-Chiến, đóng-đóng chông-lại những lãnh-thổ thuộc Hoa-kỳ và Anh-Cát-Lợi.

Ngày 15-8-1945, sau khi Nhật đầu hàng vô điều kiện các cường-quốc đồng-minh, Cao-Ly thoát ách nô-lệ Nhật.Bản kéo dài 36 năm. Quân-đội Mỹ và Nga tiến vào bán-đảo để giải-giới Quân-đội Nhật, quân-đội Mỹ ở phía Nam vĩ-tuyến 38, quân-đội Nga ở phía Bắc.

Sự thành-lập Cộng-Hòa Cao-Ly.

Ngày 12-9-1945, viên toàn-quyền Nhật.Bản đầu hàng quân-đội Mỹ tại Hán-Thành, chấm dứt cuộc đô-hộ thực-dân của Nhật.Bản và Mỹ-quốc tuyên-bố sự thành-lập một Chính-Phủ-quân-sự tại Nam-Cao.

Các Tổng-trưởng Ngoại-Giao Hoa-Kỳ, Nga-Sô và Anh-Quốc hội-hợp ở Mạc-Tư-Khoa ngày 28-12-1945 và đề-nghị đặt Cao-Ly dưới sự bảo-trợ của Liên-Hiệp-Quốc. Tất cả các đảng-phái chính-trị Hàn-Quốc từ đảng Cộng-Sản và các đảng khuynh-tả, chống-lại đề-nghị ấy.

Sự xung-đột giữa các nhóm khuynh-hữu và khuynh-tả càng ngày càng kịch-liệt về đề-nghị bảo-trợ nói trên.

Hoa-Kỳ và Nga-Sô họp một Ủy-ban Hỗn-Hợp vào tháng Ba năm 1946, nhằm thống-nhất Triều-Tiên, bỏ ranh-giới ở vĩ-tuyến 38, một ranh-giới giả-tạo chia cắt bán-đảo đã đạt mục-dịch thuần-túy quân-sự là giải-giới lực-lượng Nhật.Bản.

Theo lời tuyên-bố đọc tại ủy-ban Hỗn-Hợp của Hoa-Kỳ và Liên-Sô, vấn-đề Cao-Ly được chuyển đến Liên-Hiệp-Quốc; tổ-chức quốc-tế này quyết-định vào tháng chín năm 1947, tổ-chức việc tổng-tuyên-cử tại Triều-Quốc dưới sự giám-sát của Liên-Hiệp-Quốc.

Theo một quyết-định, một Ủy-ban Liên-Hiệp-Quốc được cử đến Hán-Thành vào tháng giêng năm 1945, với nhiệm-vụ Giám-sát tổng-tuyên-cử và thiết-lập một Chính-Phủ thống-nhất ở miền Nam. Tổng-tuyên-cử chỉ diễn ra ở Nam-Cao dưới vĩ-tuyến 38, và Ủy-Ban được vào Miền-Nam.

Quốc-Hội đầu tiên được sáng-lập với 198 dân-biểu đắc-cử ở cuộc tổng-tuyên-cử Quốc-Hội chấp-thuận một Hiến-Pháp với 103 điều-khoản

vào tháng Năm năm 1948 và bầu Lý-Thừa-Văn làm Tổng-Thống đầu-tiên của Cộng-hòa Đại-Hàn vào tháng 7.

Ngày 15-8-1948, ba năm sau cuộc giải-phóng Cao-Ly, Chính-Phủ Cộng-Hòa Đại-Hàn long-trọng tuyên-bố đã được thành-lập. Tháng Chạp, Liên-Hiệp-Quốc nhìn nhận Đại-Hàn là « Chính-Phủ hợp-pháp duy-nhất đại-diện Quốc-Gia và dân-tộc Cao-Ly ». Tháng giêng 1949, các nước Mỹ, Anh, Pháp, Tàu và nhiều quốc-gia bạn khác lần lượt nhìn nhận Chính-Phủ Đại-Hàn.

Đảng Cộng-Sản ở miền Bắc cũng thành-lập một chế-độ ở Pyongyang, dưới sự chỉ-phối của Liên-Sô, xác-nhận sự chia đôi đất nước ở VI-tuyến 38. Đề làm rung-chuyên nền-tảng của Đại-Hàn và gây xáo-trộn tại đây, nhiều gián-điệp do chế-độ bù-nhĩa miền Bắc tung ra len lỏi vào miền Nam trước ngày chiến-tranh Triều-Tiên bùng nổ.

Cuộc Cách-mạng của Sinh-viên.

Trong nhiều năm, nguyên Tổng-Thống Lý-Thừa-Văn đã tận-tâm tận-lực trong cuộc chiến đấu giành độc-lập. Sau khi được bầu làm Tổng-Thống, ông đã góp một phần quan-trọng vào việc củng-cố nền tảng của Cộng-Hòa mới và đẩy lui xâm-lăng Cộng-Sản.

Tuy nhiên, ông trở nên độc-tài về các vấn-đề chánh-trị.

Trong cuộc bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống ngày 15-5-1960, Đảng Tự-Do, lúc bấy giờ đang cầm quyền, dùng tất cả các phương-tiện để bầu Lý-Thừa-Văn. Đảng ấy đã chi-phí đến 15 tỷ hwan, dùng những hệ-thống vô-tuyến bất-hợp-pháp để gây ảnh hưởng với cử-trì, tổ ra gian-lận trong việc đếm phiếu, gây ra những cuộc biểu-tình của sinh-viên lan rộng trên toàn-quốc.

Ngày 19-4-1960, tất cả sinh-viên các trường Đại-học và Cao-Đẳng ở Hán-Thành nổi-dậy ðạt, lôi-cuốn quần-chúng ða theo. Tổng-Thống Lý-Thừa-Văn tuyên-bố quyết-định từ-chức ngày 26-4-1960; chấm dứt nền thống-trị độc-tài của đảng Tự-Do.

Thân thể và sự-nghiệp Tổng-Thống Lý-Thừa-Văn có ít nhiều điều tương-đồng với Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm.

Huh-Chung được ủy-nhiệm thành-lập một chánh-phủ chuyên-tiếp ðề Quốc-Gia vượt qua tình-hình lộn xộn trầm-trọng và nạn trống rỗng Chính-trị sau khi chế-độ Lý-Thừa-Văn sụp-đổ.

Sau khi xét lại Hiến-Pháp ðề chuẩn-bị thành-lập một chế-độ lập-pháp lưỡng-viện và một chính-phủ Đại-nghi, bãi-bỏ những ðạo-luật tồ-tệ của chế-độ trước, Quốc-hội bị giải-tán.

Sau cuộc tổng-tuyển-cử ngày 29-7-1960, Thượng-Nghị-Viện và Hạ-nghị-viện được thành-lập.

Đệ-Nhi Cộng-Hòa.

Yun-Posun được bầu làm Tổng-Thống Đệ-Nhi Cộng-Hòa, lãnh-đạo một chính-phủ đại-nghi được sáng-lập lần đầu tiên trong lịch-sử Đại-Hàn với John-M-Chang là Thủ-Tướng.

Chính-phủ mới bất-lực và không thể-hiện được những ðiều cam-kết chánh-trị.

Cơ cấu vốn mỏng manh của chế-độ mới suy yếu hơn nữa, vì đảng Dân-Chủ cầm-quyền ở trong tình-trạng phân-hóa, chia ra làm 2 nhóm già và trẻ, rồi nhóm già tách rời ðể thành-lập đảng Tân Dân-Chủ.

Thảm-trạng xã-hội càng ngày càng bi-đát, nhất là vì biểu-tình lên-miền, bạo-lực hoành-hành, học-đường xáo-trộn, giáo-sư ðòi hỏi thành-lập nghiệp-đoàn. Thảm-trạng chánh-trị càng ngày càng lan rộng, các sinh-viên càng ngày càng cực-đoan ðến nỗi chủ-trương thương-thuyết với sinh-viên Cộng-Sản ðể tìm ðường lối thực-hiện thống-nhất đất-nước.

Cách-Mạng ngày 16-5-1961.

Ngày 16-5-1961, hàng ngàn binh-sĩ cách mạng trong quân-đội Cộng-Hòa, do Tướng Phác-Chánh-Hy cầm ðầu, phát-động một cuộc ðào-chấn ðội 2 giờ sáng, tuyên-bố hành-động ðể diệt-trừ tận gốc nạn tham-nhũng, bất-lực của chế-độ trước và củng-cố lập-trường chống Cộng của Quốc-gia.

Hội-đồng Kiến-quốc Tối-cao tập-trung cả ba quyền Hành-pháp, Lập-Pháp và Tư-pháp. Trong 2 năm 7 tháng cho đến khi trao quyền-hành cho chính-phủ dân-sự của nền đê-tam cộng-hòa, chính-phủ quân-nhân quyết-định một loạt biện-pháp quan-trọng: loại trừ chính-khách thời nát, diệt-trừ tệ-đoan xã-hội, tái-sinh-hóa tinh-thần quốc-gia, khĩa dân-chúng tận-tâm tận-lực đoàn-kết, kiến-quốc và chông Cộng.

Đê-Tam Cộng-Hòa.

Tướng Phác-Chánh-Hy, Chủ-tịch Hội-Đồng Kiến-quốc Tối-cao, tuyên-bố ý muốn trả Chính-quyền cho các nhà chính-trị dân-sự và người ta lại được phép hoạt-động chính-trị vào tháng Giêng năm 1963, các biện-pháp cần-thiết được chuẩn-bị để tái lập chính-phủ dân-sự.

Sau khi giải-ngũ, tướng Phác được bầu làm Tổng-Thống Chính-phủ dân-sự, thành-lập sau cuộc bầu cử Tổng-Thống ngày 15-10-1963, và cuộc tổng-tuyên-cử ngày 26-1 thiết-lập Quốc-hội nhất-viện.

Dưới sự lãnh-đạo của Tổng-Thống Phác, đảng Dân-chủ Cộng-Hòa chiếm được khá nhiều ghế ở Quốc-hội để ổn-định tình-hình chính-trị.

Nhiều biện-pháp đã được áp-dụng từ ngày Thành-lập Đê-Tam Cộng-Hòa, mà biện-pháp quan-trọng nhất là sự thi-hành Đê-Nhật kế-hoạch Ngũ-niên đầu-tiên (1962-1966). Đê-Nhị kế-hoạch Ngũ-Niên đang được thực-thi, tiền-liệu sự độc-lập kinh-tế của đất nước vào năm 1970.

Một sự thực-hiện, đáng chú-ý là việc ký-kết một hiệp-ước bình-thường-hóa mối bang-giao với Nhật-Bản. Hiệp-ước ấy không những tăng-cường nền an-ninh quốc-tế ở Viễn-Đông trước mối đe-dọa của Cộng-Sản, mà còn góp một phần rất lớn vào công-cuộc phát-triển Kinh-Tế.

Trong lãnh-vực ngoại-giao, Chính-Phủ cũng ghi được những thành-công đáng kể. Một số Tòa Đại-Sứ được thiết-lập ở Đông-Nam-Á, ở Âu-Châu, Phi-Châu và Châu-Mỹ La-Tinh, theo Chính-sách ngoại-giao đa diện để mở rộng khả năng ngoại-giao, trước kia tập-trung vào Mỹ-Quốc và vài

nước lớn. Sự thành-lập những Tòa Đại-Sứ ở những nước gọi là trung-lập có một tầm quan-trọng đặc biệt.

Tháng chạp năm 1964, Tổng-Thống Phác đi thăm Cộng-Hòa Liên-Bang Tây-Đức và tăng-cường sự hợp-tác kinh-tế giữa hai nước đều bị cắt đứt.

Tổng-Thống Phác đến thăm vào tháng 2 năm 1966 các nước Mã-Lai-Á, Thái-Lan, Trung-Hoa Dân-Quốc, trao đổi ý kiến với các nguyên-thủ Quốc-Gia về nhiều vấn-đề chung. Như vậy, tại vùng Đông-Nam-Á, lập trường chông cộng của Đại-Hàn trở nên mãnh-liệt hơn; các tương-quan kinh-tế giữa những nước đang mở mang được mở rộng, cải tiến.

III. VAI NÉT ĐẠI-CƯƠNG VỀ VĂN-HÓA.

Sự tôn-trọng văn-hóa là một truyền-thống Cao-Ly từ ngày xa xưa, cũng là một truyền-thống Việt-Nam, từ khi nước nhà mang tên là Văn-Lang cách đây mấy ngàn năm.

Các kho-tàng Quốc-gia.

Đại-Hàn có nhiều kho-tàng Quốc-Gia có một tầm quan-trọng văn-hóa đặc-biệt.

Trong các kho-tàng ấy, người ta kể những dinh-thự, sách vở, tài-liệu, họa-phẩm, điêu-khắc-phẩm, mỹ-phẩm tiêu-công-nghệ. Người ta gọi kho-tàng Quốc-gia những sản-phẩm thực-hiện từ thời rất xa xưa, được coi như tiêu-biểu hiếm có, kỳ-thú, tuyệt-hảo về phương-diện mỹ-thuật, quan-trọng và hữu-ích để hiểu biết lịch-sử.

Tổng số kho tàng Quốc-gia lên tới 770, trong đó 121 kho tàng có một tầm quan-trọng văn-hóa tốt bực, 400 kho tàng khá quan-trọng, 138 di-tích lịch-sử và 111 món kỷ-niệm.

Mỹ-thuật.

Người Cao-Ly ngày xưa có một hình thức nghệ-thuật thô-sơ mà di tích hiếm hoi chỉ để lại những dấu hiệu nghèo nàn, mặc dầu người ta đã tìm thấy những thạch-trùng thuộc về thời-đại ấy, nhất là ở Tây-Bắc bán-đảo. Sự thành-lập bồn địa-phận Hoa-Kiều dưới thời Hán du-nhập vào Triều-Tiên nghệ-thuật Trung-Quốc mà những vết tích được khám phá ở vùng lân cận *Pyongyang* là vùng có thị-trấn *Lolang*, một trong 4 địa-phận Hoa-Kiều nói trên.

Người nước Hàn thấu triệt nghệ-thuật của Tàu và biến-hóa thành một nghệ-thuật bản-Quốc. Ảnh-hưởng của Văn-hóa Trung-Hoa thật là vĩ-đại, nhưng người ta lầm lẫn nếu coi nghệ-thuật Cao-Ly là một bản sao đơn-giản của nghệ-thuật Trung-Quốc.

Dưới thời Kokuryo (37 trước Tây-Lịch - 666 sau Tây-Lịch), nhiều sự tiến bộ được thực-hiện trong hội-họa ở những tường lăng-tăm. Họa-pháp mạnh bạo và tiến-bộ của các bích họa phản chiếu tinh chất Quốc-Gia của thời-đại Kokuryo.

Phật-giáo du-nhập vào đất nước, là một nguồn phong-phú thí nghiệm văn-hóa đối với dân-tộc Triều-Tiên có tinh-thần sáng-tác dồi-dào. Các bức họa và chùa chiền là những thí-dụ hùng hồn của nghệ-thuật và trí tưởng-tượng sáng-tạo. Những công-trình hội-họa và kiến-trúc tại các Vương-Quốc Bekjé, Silla và Silla thống nhất trình-bày những quan-niệm phức-tạp và một nghệ-thuật cao-siêu. Nghệ-thuật Bekjé quan-trọng đặc-biệt, vì ảnh-hưởng lớn lao đến nền văn-hóa và văn-minh Nhật-Bảo và đến sự lan truyền Phật-Giáo. Nghệ-thuật Phật-Giáo đạt tới tột đỉnh dưới thời Silla thống-nhất, khi Phật-giáo chiếm ưu thế trên toàn-Quốc.

Vương-Quốc Koryo (918-1302) thừa-hưởng nghệ-thuật của Silla và bồi-bổ nền văn-hóa. Công-trình nghệ-thuật chính-yếu của thời ấy là đồ sứ, đặc-biệt là đồ-sứ màu lục lợt. Màu sắc thanh tao và nét vẽ mềm mại trong những đồ sứ ấy có một vẻ đẹp nghệ-thuật tuyệt-vời mà kỹ-thuật hiện tại không bắt chước được,

Nghệ-thuật xuống dốc một cách tổng-quát dưới Triều-đại Yi. Sự ủng hộ mãnh liệt Khổng-giáo thay thế Phật-Giáo, làm suy-vi các nghệ-thuật kiến-trúc và điêu-khắc. Sự xâm lăng của Nhật-Bản từ 1592 đến 1598 tàn phá một số lớn đền đài. Tuy nhiên, hội-họa và thuật viết chữ (*calligraphie*) thịnh-hành vào thời ấy trong giai cấp quý-phái.

Đầu thế-kỷ 20 mở một kỷ-nguyên mới cho Cao-Ly. Cao-trào của văn-hóa Tây-Phương bắt đầu gây ảnh-hưởng về hình-thức bề ngoài của nghệ-thuật cổ truyền.

Ngày nay, người ta đề cao nền giáo-dục về nghệ-thuật. Nhiều trường đại-học, cao-đẳng mỹ-thuật thu hút những nghệ-sĩ trẻ tuổi. Người ta thành-lập những nhóm nghệ-sĩ để phát triển nghệ-thuật Triều-Tiên.

Chánh-phủ tổ-chức mỗi năm một cuộc triển-lãm quốc-gia về mỹ-thuật trong đó tác-phẩm tiêu-biểu cho tất cả các ngành đều được trưng bày.

Hội họa.

Gia-tài nghệ-thuật về hội-họa nghèo nàn trước thời Yi, trừ các họa-phẩm của Vương-Quốc Kokuryo. Những lăng-tăm bằng đá thời ấy có nhiều bích-họa về nhiều đề-tài. Khi ảnh-hưởng Trung-Hoa xuất-hiện trong những bích-họa ấy, người ta nhận thấy dễ dàng các nghệ-sĩ thời Kokuryo đã biết sử-dụng tinh-hoa văn-hóa Trung-Quốc một cách riêng biệt. Những họa-phẩm của họ có tính-chất tượng-trưng, ích lợi thực-tiến, theo một họa-pháp mạnh bạo, giản-dị, phản chiếu cuộc sinh-hoạt cương-ngự của dân-tộc Cao-Ly thời bấy giờ.

Sự khiêm-khuyết họa-phẩm của các Vương-Quốc Bekjé và Silla không có nghĩa là những xứ ấy không có nghệ-thuật.

Vương-Quốc Kokuryo sáng lập tại triều-đình một văn-phòng nghệ-thuật, nơi đó các nho-sĩ, tăng-gia và có khi cả các nhà Vua đều vẽ đề-tiêu-khiên. Một vài vị Vua là những họa-sĩ tài ba khơi nguồn cảm nghĩ cho những họa-sĩ đương-thời sáng-tác nhiều họa-phẩm giá-trị trong lãnh-vực Phật-giáo và các lãnh-vực khác. Tiếc rằng nhiều họa-phẩm của họ đã bị thất lạc.

Hội-họa được thượng-lưu trí-thức ưa chuộng dưới đời Yi. Họ vẽ chân-dung các nhân-vật trong Hoàng-gia, các nhà quý-phái, các anh-hùng dân-tộc và các tổ-tiên đề diễn đạt tinh-thần tôn thờ tổ-tiên theo đạo Khổng, lúc bấy giờ đang thịnh-hành.

Các họa-sĩ cũng ưa vẽ các phong-cảnh. Những họa-phẩm thời ấy được bảo-tồn ở viện bảo-tàng Quốc-Gia Mỹ-Thuật tại Hán-Thành.

Trong nghệ-thuật hiện-tại, người ta thấy 2 kiểu khác nhau trong hội-họa. Kiểu Cổ-truyền và kiểu Tây-Phương ở đầu thế-kỷ này. Sự phân biệt căn-cứ vào việc sử-dụng khác-biệt, về vật-liệu và kỹ-thuật, chứ không vào đề-tài ý-tưởng. Mỗi kiểu cấu-tạo một khu-vực riêng ở cuộc triển-lãm Quốc-gia Mỹ-thuật. Nền hội-họa Cao-Ly phát-sinh dưới triều đại Yi, với ít nhiều ảnh-hưởng hậu lai. Sự hòa hợp hai lối vẽ đang ở trên con đường tiến-bộ.

Bút-pháp.

Bút-pháp của Cao-Ly có một lịch-sử dài tới 2000 năm từ khi Hán-tư du-nhập vào nước. Thời Tam-Quốc, Kokuryo Bekjé và Silla các kiểu viết chữ Nho bắt đầu vào các nước, di-đồng tùy theo những vùng Trung-Hoa giao-thương với ba nước ấy. Có Mỹ-phẩm bút-pháp trong các nhan-đề bia đá, các lâu-đài và các công-trình nghệ-thuật khác.

Sự thích thú bút-pháp và vẻ đẹp tế-nhị của thuật viết chữ càng ngày càng tăng-giã dưới đời Koryo để tới một mức độ tuyệt-mỹ dưới triều đại Yi. Thời đó, bút-pháp là một phương-tiện phổ-thông để thiết-lập các tài-liệu. Những Nho-sĩ phải làm chủ nghệ-thuật ấy mới được trọng-vọng.

Bút-pháp Cao-Ly độc-đáo nhờ một bút-sĩ nổi tiếng tên là Chusa mở một lãnh-vực hoàn-toàn mới cho nghệ-thuật bút-pháp vượt cả ảnh-hưởng Trung-Hoa. Các tác-phẩm của ông chứng-minh nghệ-thuật tuyệt-hảo của bút-pháp Triều-Tiên.

Sự-ban-hành tự-mẫu ký-âm Hangul năm 1446 báo-hiệu một bút-pháp mới. Tự-mẫu ấy tượng-trưng ba ngôi Trời, Đất và Người. Sự

hòa-hợp 3 ngôi ấy khiến các bút-sĩ sáng-tác nhiều kiểu viết mới. Một kiểu của Triều-đình do phụ-nữ phát-triển theo tự-mẫu ký-âm Hangul, nhờ đó được phổ-biến. Một kiểu khác tân thời hơn, hòa-hợp chữ Nho và tự-mẫu Hangul, 2 phần gần ngang nhau.

Ngày nay, bút-pháp được coi như một nghệ-thuật diễn-tả cá tính. Bút-pháp rất được ưa chuộng ở Đại-Hàn : Các tác-phẩm bút-pháp có một phong riêng biệt tại cuộc triển-lãm mỹ-thuật hàng năm ; chính Tổng-Thống Phác-Chánh-Hy, những lúc nhàn rỗi, cũng tiêu-khiển với nghệ-thuật bút-pháp.

Điều-khắc.

Điều-khắc Cao-Ly liên hệ mật thiết với Phật-Giáo từ khi Tôn-Giáo này du-nhập vào đất nước. Triết-lý Phật-Giáo khiến việc tạc tượng ở các chùa trở nên cần-thiết, và khả-năng nghệ-thuật của dân-tộc có chỗ trọng-dụng. Cho nên điều-khắc gần như một nghệ-thuật tôn-giáo thể-hiện trong các tượng, các kiểu trang sức ở đền chùa. Vật-liệu sử-dụng thường là đá, cũng có khi là đất sét, gỗ và đồng đỏ mạ vàng.

Người ta thấy một kiệt-tác thuộc nền điêu khắc cổ trong tượng Phật ở Seuk-Koulam (một động đá) tạc năm 752, gần Kyongjon, kinh-đô của Vương-quốc Silla. Động đá giả tạo được xây dựng với những tầng đá hoa cương. Suốt trên tường vòng tròn bên trong, có những hình chạm nổi mỹ-diệu hình dung các đệ tử của Phật. Ngoài những tượng Phật, có những phiến đá ở lằng tằng chạm trổ đề tường-niệm tổ-tiên quá cổ.

Những năm cuối cùng thời Silla và Koryo, Phật-Giáo suy-vi dần dần và đồng thời, nghệ-thuật điêu-khắc cũng xuống dốc theo. Nghệ-thuật ấy mất hẳn dưới triều đại Yi rất ưu đãi Khổng-Giáo. Sau khi Phật-Giáo bị cấm, điêu-khắc biến mất.

Điều-khắc kiểu Tây-Phương được đưa vào Cao-Ly năm 1930. Từ đó, điêu-khắc càng ngày càng được dân ưa- chuộng. Những nghệ-sĩ trẻ

tuổi học hỏi về điêu-khắc trong các trường Đại-học và Trung-học. Phần nhiều những nghệ-sĩ ấy theo sự hướng dẫn của các nhà điêu-khắc siêu-việt.

Những cuộc triển-lãm tư về điêu-khắc và ngành điêu-khắc tại cuộc Triển-lãm Quốc-Gia Mỹ-Thuật thu hút nhiều người ngưỡng mộ, và muốn học tập ngành ấy.

Kiến - trúc.

Nền tảng của kiến-trúc Cao-ly là gỗ, với vật-liệu phụ thường được xữ-dụng là đá và đất sét. Người ta nhận thấy tính chất người Triều-Tiên trong hình-thức căn bản của ngôi nhà : hình vuông, hình các chữ T, L hay U. Nền nhà thường bằng đá trên đó người ta đặt những cột chống đỡ mái nhà bằng gỗ. Mái nhà hơi cong ở 4 góc. Tường được trát đất sét trên sườn bằng mây. Bức tường mỏng ấy che chở khỏi lạnh khả công hiệu và giữ sức nóng bên trong.

Hệ thống sưởi gọi là *Ondol* có lẽ là một hệ thống duy nhất ở thế giới. Những ống lò sưởi, đặt dưới sàn bằng đất sét, phủ giấy, dẫn khi trời nóng từ bếp đến hay từ những lò lửa khác. Chắc rằng người ta đã phát minh hệ thống sưởi ấy từ ngày xa xưa để phòng sự lạnh buốt về mùa đông. Hệ thống sưởi ấy cũng được quan-niệm bởi các kiến-trúc-sư Tây-phương đặt trên sàn những ống sưởi ngoài ngoèo dẫn hơi nóng hay điện. Hai hệ-thống đều là cách « sưởi dẫn nóng » rất đồng-nhất ở quan-niệm cơ-bản.

Lòng sùng đạo Phật góp phần vào sự tô-điểm các chùa-chiền. Bên cạnh những đặc điểm chính yếu là sự đối xứng hoàn-toàn và đường nét êm dịu, những điêu-khắc-phẩm và họa-phẩm phức tạp có màu sắc chói lọi là những yếu tố mỹ-thuật trong và ngoài đền chùa. Những trang-trí mỹ-diệu hòa-hợp với nhiều đền chùa bằng đá được xây cất thành cả một khu có hệ-thống. Đền Boulgouk sa gần Kyongjou là một công trình lớn lao trong nền kiến-trúc cổ xưa của Hàn-Quốc.

Kiến trúc tân tiến được du nhập vào Cao Ly bởi những vị truyền-giáo xây-dựng các nhà thờ và nhà ở theo kiểu Tây-Phương. Không bao lâu, nhiều công-trình xây cất khác được thực hiện. Ngày nay, các kiến-trúc-sư Đại-Hàn đáp-ứng được nhu cầu đất nước và giải thoát nền kiến-trúc tân-tiến Cao-Ly khỏi sự chi phối của nền kiến-trúc ngoại-quốc như thời nền kiến-trúc này mới du-nhập vào nước.

Đến năm 1950, kiến trúc được coi như một kỹ-thuật hơn là một hình-thức nghệ-thuật. Chỉ đến năm 1957, cuộc triển-lãm quốc-gia mỹ-thuật mới tiếp nhận những bức vẽ kiến-trúc. Từ ngày ấy, nhiều kiến-trúc-sư trẻ tuổi du-học ngoại-quốc và những họa đồ tân-tiến của họ được sửa đổi bởi những ảnh hưởng thuần-túy Cao-Ly nên rất được ưa chuộng trong và ngoài nước.

Văn - chương.

Hình thức cổ xưa nhất của văn-chương Cao-Ly là lối thơ cổ kèm theo âm-nhạc và khiêu-vũ, mà các bài hợp thành một thi-phẩm dành cho các nghi-lễ tôn-giáo. Một vài tài-liệu hiện-hữu chứng tỏ rằng hình thức cố-định về thơ xuất hiện dưới đời Silla, đầu kỷ-nguyên Tây-Lịch. Những thi-ca cổ xưa hơn thất-lạc trong cuộc truyền-khẩu từ thế-hệ này sang thế-hệ khác.

Thời Silla, người ta mượn chữ Nho để viết hình-thức mới về thơ gọi là *Hyangga*, chữ Nho dùng để phiên-âm những tiếng Cao-Ly, không có liên-hệ đến ý-nghĩa của tiếng Cao-Ly, tựa hồ chữ Nho dùng để phiên-âm tiếng Việt cũng không có liên quan đến ý-nghĩa của tiếng Việt. Người ta còn giữ được 25 bài thơ thuộc loại ấy trong gia-tài văn-hóa Triều-Tiên.

Một hình-thức khác, không cổ-xưa bằng, gọi là *Shijo*, phát-triển vào thời Koryo. Hình thức thơ ấy là một tiết 3 câu, ngắn hơn thơ tứ-tuyệt của ta, dần dần thịnh-hành nhờ những đề tài lãng mạn và hướng

về thiên nhiên. Sự thịnh hành ấy vẫn còn, và thường thường những thi sĩ hiện tại diễn đạt nguồn cảm-hứng của họ bằng lối thơ ấy.

Sự phát-minh tự-mẫu Cao-Ly phát-triển mãnh-liệt những hoạt-động văn-chương ở thế-kỷ 15. Những đề tài chủ-yếu vào những ngày đầu của Triều-đại Yi, cho chúng ta thấy sự chông đỏi trào phúng những giai-cấp thượng-lưu đương thời. Thời vàng son của tiểu-thuyết cổ điển bắt đầu ở thế-kỷ 17. Nhiều tác-phẩm mới được xuất bản. Tác phẩm thu hút nhiều độc-giả nhất có lẽ là cuốn *Tchoun-hyangjon* (xuân hương), một truyện tình giữa một thiếu-niên quý-phái và một ca-vũ-nữ chuyên-nghiep thuộc về một giai cấp thấp kém. Tiểu-thuyết cổ điển dần dần mất sự ra chuộng của dân chúng vào cuối triều-đại Yi, ngay trước khi văn-hóa Tây-Phương du-nhập Hàn-Quốc.

Khuynh hướng về văn-chương Tây-Phương do *Lee-In-Jik* phát động năm 1900. Những tiểu-thuyết mới khác biệt với tiểu-thuyết cổ-điển ở chỗ nhiệt-thành soi sáng quần-chúng về tư-tưởng và nguyên-tắc Tây-Phương. Những tiểu-thuyết ấy có ít giá trị về phương-diện văn-chương; tuy nhiên, cũng quan-trọng và có ý nghĩa ở chỗ bác được nhọc cầu giữa văn-chương cổ-điển và văn-chương hiện tại.

Một thời văn-chương rất phồn-thịnh tiếp nối thời ấy. Nhiều văn-sĩ mới nổi bật lên, nhiều tác-phẩm mới tràn ngập độc giả, nhiều tạp-chí lưu-hành khắp nơi, nhiều bài thơ theo lối Tây-Phương được dân chúng hoan nghênh.

Nhưng người Nhật gây một thời đại đen tối trong văn-chương Cao-Ly cũng như trong các lãnh-vực sinh hoạt khác. Ngôn ngữ Triều-Tiên bị loại trừ. Những hoạt động văn-chương kín-đáo bị coi như nguy hiểm và bị loại bỏ dần dần. Tác-phẩm văn-chương trở nên những lời thoát cho tinh-thần độc-lập, kháng-chiến.

Tuy chiến-tranh Hàn-Quốc bùng nổ và giảm sút mức xuất bản một thời gian, nhưng nhiệt-tâm sáng tác vẫn tăng gĩa. Ngày nay, tất cả những hình thức văn-chương được hưởng ở Đại-Hàn một sự tự-do và những điều kiện rất tốt đẹp.

Số ấn-phẩm tăng gĩa rất nhiều. Nhiều giải-thưởng văn-chương thu-hút những văn-sĩ trẻ vào những cuộc thi do những tác giả đầy hứa hẹn tổ-chức. Những cuộc trao đổi văn-hóa được thiết-lập giữa các Văn-sĩ nhờ trung-gian của nhiều tổ chức văn-hóa quốc-tế, như Trung-Tâm Văn-Bút Đại-Hàn (tương tự Trung-Tâm Văn-Bút Việt-Nam) và công cuộc dịch-thuật dài hạn nhiều tác-phẩm ra ngoại ngữ.

Kịch - nghệ.

Ngày xưa, kịch-nghệ Cao-Ly bắt nguồn ở nghi lễ tôn-giáo, cũng như ở các nước khác. Người ta có thể tìm thấy hình thức cổ xưa của kịch nghệ Triều-Tiên trong những buổi trình diễn mặt nạ. Những buổi ấy bắt đầu từ thời Silla và truyền qua các triều đại Koryo và Yi.

Đề tài chủ yếu là sự chế-giễu các tu-sĩ và các giai-cấp quyền-quý. Đó là một lối thoát tình cảm cho những nỗi bất bình của các giai cấp bị áp chế.

Kịch-sĩ đều là đàn ông, che mặt với mặt nạ bằng gỗ bằng giấy hay bằng trái bầu. Hình thức thay đổi từ miền này sang miền khác nội dung kéo dài từ 5 đến 12 hồi, với sự tham gia của nhiều kịch sĩ, tối đa là 29. Cuộc trình-diễn kéo dài suốt đêm.

Một hình-thức quan-trọng của kịch-nghệ Hàn-Quốc là tuồng múa rối. Tuồng này trình-diễn với búp bê bằng gỗ, có âm-nhạc kèm theo. Đề tài luôn luôn là sự chế nhạo những nhà sư và giai-cấp quyền-quý.

Kịch-nghệ mới du-nhập với văn-hóa Tây-Phương vào đầu thế-kỷ 20. Những vở tuồng độc đáo tới từ Âu-Châu. Những hoạt-động của tân Kịch-nghệ ít được dân chúng mến chuộng cho đến khi viện Ssu. khảo Kịch-nghệ được những nhân-vật tận tâm thành lập và từ đó kịch-nghệ phát-triển.

Sự thiết-lập Quốc-gia Kịch - trường được Chính - phủ ủng - hộ, khuyến-khích theo chiều hướng duy-tân kịch-nghệ. Nhiều vở kịch độc

đáo đã được trình-diễn và dịch ra ngoại-ngữ. Tương lai kịch-ngệ Đại-Hàn được tượng trưng bởi sự xây cất mới đây Trung-tâm Kịch-ngệ tại Hán - Thành.

Âm - nhạc.

Thời thượng-cổ, âm-nhạc liên-hệ mật-thiết với nghi-thức tôn-giáo. Ca-vũ kèm theo lời cầu nguyện. Khi người ta tập-hợp để cử-hành nghi-lễ tôn-giáo, có những hội hè và ca-vũ kéo dài nhiều ngày.

Hình-thức cổ xưa của âm-nhạc Cao-Ly đã tiến triển bằng cách đồng-hóa những ảnh-hưởng ngoại-lai qua nhiều thế-kỷ thành một hình-thức thanh-nhã hòa-hợp ngày nay.

Hiện âm-nhạc Triều-Tiên chia làm hai nhạc-thể khác nhau, cổ-nhạc lưu-truyền qua lịch-sử trước sự du-nhập tân-nhạc; tân-nhạc là một nhạc thể phức-tạp xuất-hiện ở Đại-Hàn vào tiền bán thế-kỷ 20.

Cổ nhạc chia làm hai nhóm khác nhau: ngành A. ak, nghĩa là âm-nhạc thanh-lịch, âm-nhạc của triều-đình mà người ta hòa-tấu tại cung-điện nhà Vua nhân dịp nghi-thức, yến tiệc và lễ-nghi quân-cách. Những bản khi-nhạc hay thanh-nhạc được sáng tác bởi những nhạc-sĩ thuộc một nhạc-phòng được bảo-tồn cẩn-thận dưới triều-đại Yi.

Triều nhạc được bảo-vệ bởi viện Quốc-Gia Cổ-nhạc do Chính-Phủ sáng-lập để khuyến-kích việc sưu-khảo âm-nhạc truyền-thống.

Ngành dân-nhạc, gọi là Sok ak, diễn đạt tình-cảm dân-tộc trong nhiều hình-thức khi nhạc hay thanh-nhạc.

Âm-nhạc Cao-Ly căn cứ vào một âm-giai gồm có 5 âm-phù.

Thường thường âm-điệu chậm-rãi ôn-hòa trong triều nhạc và nhanh nhẹn nhộn-nhịp trong dân nhạc. Âm-điệu ba thì trong dân-ca điền-hình khác hẳn âm-điệu trong âm-nhạc Nhật-Bản hay âm-nhạc Trung-Hoa.

Âm-nhạc Tây-Phương được các nhà Truyền-giáo du-nhập vào Đại-Hàn dưới hình-thức Thánh-Ca. Âm-Nhạc ấy tìm thấy yếu tố thích-nghi ở chỗ dân-chúng háng say tiếp nhận mọi hình-thức văn-hóa Tây-Phương,

nhân phát-triển nhanh-chóng trong nhiều trường dạy Tây-nhạc.

Nhiều người tốt nghiệp các trường âm-nhạc trong và ngoài nước. Bước tiến lớn nhất được thực hiện sau cuộc giải phóng 1945. Các cuộc độc tấu, hòa-âm và ca-kịch đã chiếm một lãnh-vực quan trọng trong văn-hóa. Âm-nhạc cổ-điền có nhiều thịnh giả nhờ máy lưu-thanh du nhập vào năm 1930.

Hiện nhiều trường đại-học giảng-dạy về âm-nhạc. Tại Hán-Thành, có hai dàn-nhạc với đầy đủ nhạc-khí. Những buổi trình-diễn định-kỳ của 2 dàn-nhạc ấy và những buổi trình-diễn khác có hòa-tấu các bản-nhạc Tây-Phương và Đại-Hàn thường thu hút quảng-đại quần-chúng. Nhiều ca-kịch được sản xuất mỗi năm. Đại-Nhạc hội quốc-tế khánh-thành tháng 5 năm 1962 tại Hán-Thành, cho thấy rõ ảnh-hưởng sâu đậm của Tây-nhạc tại Đại-Hàn.

Khiêu - vũ.

Khiêu-vũ Cao-Ly chắc bắt nguồn ở nghi-lễ tôn-giáo kèm theo ca hát. Một sự khám-phá mới trong một nhà mồ Kokuryo cho biết một bích-họa hình dung một nhóm người khiêu-vũ. Từ thời xa xưa nhất, khiêu-vũ luôn luôn là một khía cạnh rất quan-trọng trong đời sống dân-tộc Triều-Tiên. Chính trong khiêu-vũ, niềm vui, nỗi buồn, những tình cảm khác, biểu lộ một cách hồn nhiên. Thời Tam-Q.ốc (thế-kỷ thứ nhất trước Tây-Lịch - Thế.kỷ thứ 7 sau Tây-Lịch), khiêu-vũ phát triển trong mối tương-quan với âm-nhạc triều-đình về tổ-chức nhiều buổi hội hè. Những vũ-sĩ, nhất là phụ-nữ, được triều-đình nhà Vua nuôi dưỡng. Triều-vũ thường-thường chậm-chạp, đượm nữ-tính, làm nổi bật những vẻ đẹp mắt d ãn ra trong nhiều điệu bộ thanh-lịch hơn là trong sự tự do biểu lộ.

Trái với triều-vũ, dân vũ có nam-tính, linh-động, mau-lẹ, phản chiếu sự tự do biểu lộ hoàn-toàn. Dân-vũ của nông-phu có lẽ tiêu biểu chân tho dân vũ.

Sự khác-biệt căn bản giữa khiêu-vũ Đại-Hàn và khiêu-vũ Tây-Phương là khiêu-vũ thứ nhất nhằm diễn đạt cảm-xúc bên trong còn khiêu-vũ thứ nhì nghiêng về vẻ đẹp bề ngoài. Trong nghệ-thuật thứ nhất, các vũ-nhân thường đứng bất động ở bề ngoài trong khi họ diễn tả vẻ đẹp bên trong bằng những cái nhún vai tế-nhị. Một điểm khác biệt nữa là sự quan trọng dành cho phần trên của thân thể. Chân thường dẫu đi trong một cái váy dài và chỉ cử động theo phần trên của thể-xác, chứ không biểu lộ kỹ-thuật khiêu-vũ như trong vũ-khúc Tây-Phương.

Khiêu-vũ mới đã đến Đại-Hàn vào năm 1920. Nhiều vũ-nhân đã học ở Ngoại-Quốc những hình thức và những kỹ-thuật tân-kỳ. Nhiều nhà tiên phong đã pha trộn những kỹ-thuật Tây-Phương trong nhiều vũ-cờ-truyền để sáng tạo kiểu cách riêng biệt theo lối chế biến của họ. Ngày nay, khiêu-vũ cờ-truyền và khiêu-vũ tân tiến đều được dân chúng ưa thích.

Nhiều cuộc thi đã được mở ra cho các vũ-sĩ trẻ tuổi và người ta tổ-chức những cuộc biểu-diễn để họ có dịp trình-tài.

VI. KẾT - LUẬN

Trong thế-giới.sử, thật khó lòng tìm thấy 2 quốc-gia ở trong cảnh ngộ tương đồng như Đại-Hàn và Việt-Nam Cộng-Hòa.

Cao-Ly và Việt-Nam đều là 2 bán đảo, hai bao lơn trông ra Thái-Bình-Dương, ở Đông-Nam-Á.

Cả 2 nước đều bị Trung-Hoa đô-hộ trong nhiều thế-kỷ và đều chịu ảnh hưởng sâu-xa của Trung-Quốc.

Tuy nhiên, cả hai nước đều có tinh thần bất khuất và đều giữ được cá tính Văn-Hóa của mình. Nếu Triều-Tiên có một nền Văn-Hóa lâu hàng ngàn năm, thì Việt-Nam cũng có 4.000 năm văn hiến.

Trong giai đoạn gần đây, ở hậu bán thế-kỷ 19 và tiền bán thế-kỷ 20, cả hai Quốc-Gia đều bị thống trị trong một thời gian tương đối ngắn :

nước bạn bởi một cường quốc Á-Châu, nước ta bởi một cường Quốc Tây-Phương.

Nhưng sau đệ nhị thế-chiến, vẫn nhờ tinh thần bất khuất và tinh hình quốc-tế thuận lợi, Đại-Hàn và Việt-Nam Cộng-Hòa lại gỡ được ách nô lệ, lấy lại được chủ quyền, giành được độc-lập.

Rồi một điều đại bất hạnh đã đến ; cả hai quốc-gia đều chịu đựng một cuộc chiến tranh kéo dài thể thâm ; cả hai bán đảo đều bị chia đôi ; vì tuyến 38 chia cắt Cao-Ly thành Bắc Cao và Đại-Hàn ; vì tuyến 17 chia Việt-Nam thành Bắc Việt và Việt-Nam Cộng-Hòa. Nếu Bắc-Cao và Bắc-Việt đều quản quai dưới chế độ độc-tài Cộng-Sản, Đại-Hàn và Việt-Nam Cộng-Hòa đều theo đuổi chủ nghĩa Quốc-Gia, lý tưởng tự-do dân-chủ.

Suốt trong bài tiểu-khao trên, tác-giả đã nêu lên rất nhiều điểm tương tự giữa Đại-Hàn và Việt-Nam Cộng-Hòa trong phạm vi văn-hóa, phong-tục và nhiều lãnh vực khác.

Như vậy, Đại-Hàn và Việt-Nam Cộng-Hòa quả là 2 nước có biết bao điểm giống nhau ; phải chăng những điểm ấy là những dữ-kiện, những yếu-tố tự nhiên và nhân bản vạch ra cho 2 Quốc-Gia một đường lối chung, hợp tình, hợp lý, hợp cảnh !

Riêng về văn-hóa, trí-thức Việt-Nam mong và tin rằng hai dân tộc Hàn-Việt có thể thông cảm, hợp tác trong tình hữu nghị càng ngày càng vững bền, mật thiết.

thế quân bình văn-hóa việt-nam

Khóa Hội-Thảo về « sự hợp-tác giữa các Quốc-gia vùng Á-Châu và Thái-Bình-Dương » do Trung-tâm Văn-hóa Xã-hội Hán-thành tổ-chức ngày 18-23/5/1969.

- V. N. có 2 Đại-diện tại khóa Hội-thảo nói trên :
- 1 Đại-diện tham-dự với tư-cách « chính-thức »

để nói lên quan-điểm của Chính-phủ : Ông Nguyễn Đăng Thực, nguyên Khoa-trưởng Trường Đại-học Văn-khoa, chuyên-viên tại Viện Khảo-cổ.

Ông Thực đã trình luận-đề : « Thế quân bình Văn-hóa Việt-Nam ».

- 1 Đại-diện tham-dự với tư-cách một học-già (scholar) để nói lên quan-điểm cá-nhân của mình : Cô Đặng-Phượng-Nghi, Giám-Đốc Nhà Văn-Khố và Thư-viện Quốc-gia.

Cô Nghi đã trình luận-đề : « Việc thiết-lập một cơ-quan sưu-tầm và thông-tin liên quan đến Văn-Hóa Xã-Hội cho vùng Á-Châu Thái-bình-Dương ». L. T. S.

Trước khi vào đề nên giải-thích hai chữ văn-hóa theo như chúng tôi đã nhận định. Từ trước đến nay người ta đã đưa ra nhiều định-nghĩa cho hai chữ văn-hóa, nhưng hiếm vì định nghĩa nào cũng đi xa căn bản thực-tế của văn-hóa là hoàn-cảnh địa-lý lịch-sử và có tính-cách trừu-tượng tinh-quan, chẳng khác gì những phiến ảnh mà người ta đứng ở trên bờ sông để chụp lấy giống sự-vật biến đổi không ngừng. Bởi vì đã nhiều định-nghĩa quá, mà theo thiên-ý của chúng tôi chưa thấy một định-nghĩa tổng-quát và xác-thực, cho nên hai chữ văn-hóa hiện nay lưu thông trong dân gian thì không được nhất-trí cho lắm.

Có người hiểu văn-hóa là trình-độ học-vấn, có người hiểu văn-hóa là văn-học, nghệ-thuật, có người hiểu văn-hóa là chủ-nghĩa, là ý-thức-

hệ, lại cũng có người hiểu văn-hóa là văn-minh. Rồi người ta vội hô-hào nên khoa-học hóa, thế-giới hóa, dân-tộc hóa. Tất cả những ý-nghĩa trên đây đều không thích-hợp cho cái vấn-đề « Thế quân-bình của văn-hóa Việt-Nam ». Vậy chúng tôi xin phép đưa ra một định-nghĩa, rút ở trong tư-tưởng truyền-thống Á-Đông là lời Thoán ở quê Bì của Chu-Dịch :

« Quan thiên văn dĩ sát thời biến. Quan nhân văn dĩ hóa thành thiên hạ ».

Nghĩa là : « Nhìn hiện-tượng trên trời để xét sự biến-đổi của thời-tiết.

Nhìn hiện-tượng của nhân-quần xã-hội để hóa nên thiên hạ, thay đổi thế-giới ».

Theo nghĩa đen thì chữ Văn ở trong câu Thoán-từ này là cái đã hiện ra cho mắt thấy tai nghe, có tương-quan với vật khác. Và chữ Hóa có ý-nghĩa làm cho đổi khác theo mục-đích nào. Ý-nghĩa của Văn thì tĩnh, mà ý-nghĩa của Hóa thì động.

Người ta không thể định-nghĩa văn-hóa mà xa lìa xã-hội nhân-quần cùng hoàn-cảnh đã kết-tinh ra nó. Sự thực văn-hóa là phương-diện sinh-hoạt của xã-hội nhân-loại. Nhân-loại, như nhà hiền-triết Hy-Lạp đã nói là một giống vật có xã-hội tính. Nhưng cảm-thú cũng sống thành đoàn-thể có cấp-trật hân hoai. Nào phải chỉ có giống người mới có xã-hội tính. Giống người có khác với cảm-thú, thực ra không phải xã-hội tính, mà là ở cách điều-hòa thích-ứng với hoàn-cảnh tự-nhiên, với thiên-thời, địa-lợi để sinh-tồn và tiến-hóa. Cảm-thú muốn sinh-tồn cũng phải thích-ứng với hoàn-cảnh tự-nhiên, với khí-hậu địa-lý. Nhưng chúng chỉ biết thích-ứng một cách thụ-động, còn người ta đã luôn-luôn đem tri thông-minh, đem nghị-lực sáng-suốt để làm chủ-động trong sự thích-ứng với hoàn-cảnh tự-nhiên, biến-hóa trở-lực thành trợ-lực, đổi bãi sa lầy thành cánh đồng ruộng lúa. Cách đây bốn trăm năm, khi dân Việt miền Bắc bắt đầu di-dân vào đất Hoan-Châu, thì bấy giờ Hoan-Châu chỉ là nơi hoang-vu. Ngày nay nó đã nghiêm-nhiên là kinh-thành diêm-lệ, phong-cảnh hữu-tinh, khiến khách du-lịch phải đem lòng lưu-luyến sống

Hương núi Ngự. Đây là văn-hóa, mà chỉ loài người mới có tài văn-hóa ấy mà thôi, tuy cũng sống thành đoàn như các giống cầm-thú.

Nếu xã-hội tính không phải là đặc-tính riêng của nhân-loại, thì phải chăng kỹ-thuật là đặc-sản của nhân-loại, nhờ đó mà nhân-loại đã biến-hóa hoàn-cảnh bất-lợi ra điều-kiện thuận-tiện cho nó. Nói như vậy thì chúng ta quên rằng đàn ong có tài kiến-trúc chẳng kém gì các kiến-trúc-sư. Và khi loài người ở trình-độ ăn-lông ở-lỗ, thì ong kiến đã biết làm tổ khéo-léo. Nhưng trải qua mấy nghìn năm, loài người đã tiến-bộ từ trình-độ đào lỗ đến trình-độ xây dựng đền đài nguy-nga hoa-mỹ, mà tổ kiến tổ ong thì không có gì thay đổi. Vậy sở dĩ nhân-loại mỗi ngày một tiến-bộ là vì nó khác cầm-thú ở chỗ biết quan-niệm trước khi thực-hành. Do đây mà nó tích-lũy được kinh-nghiệm, học-tập của tiền-nhân để mỗi ngày một phát-triển tri-thức, mở rộng kiến-vấn. « Nhật tân, nhật tân, hựu nhật tân ». Nghĩa là: « Ngày một mới, ngày một mới, lại ngày một mới. » (Sách Đại-Học).

Vậy nhân-loại sở dĩ có văn-hóa là nhờ nhân-loại biết quan-sát, có tư-duy, có học-tập, biết tích-lũy những kinh-nghiệm đã qua và có khả-năng sáng-tác. Đây là chỗ phân-biệt xã-hội nhân-loại với xã-hội cầm-thú. Và cái đặc-tính văn-hóa ấy rất phổ-biến cho xã-hội nhân-loại, đặc-tính biết quan-niệm trước khi hành-động.

Nhà Nhân-Loại Học, Giáo-Sư Herskovits viết:

« Tất cả các nhóm người đều tìm kiếm cách-thức để sinh-tồn. Chúng đạt mục-dịch ấy bằng các phương-cách kỹ-thuật để đối-phó với hoàn-cảnh tự-nhiên của mình và để thu-lượm ở chính hoàn-cảnh ấy lấy những phương-tiện nhu-cầu và để hoạt-động hàng ngày. Bằng cách này hay bằng cách khác, chúng phân-phát những cái chúng đã sản-xuất, và chúng có một hệ-thống kinh-tế để thu được nhiều kết-quả với những khả-năng có hạn của mình. Tất cả các nhóm người đều đặt cho tổ-chức gia-đình, hay cho những cơ-cấu tổ-chức rộng lớn hơn, căn-cứ vào huyết-thống hay vào liên-hệ khác. Không một xã-hội nào sinh-hoạt trong sự hỗn-độn vô chính-phủ. Không có một xã-hội nào

lại không có một triết-lý về nhân-sinh, không có một ý-niệm về nguồn-gốc và vận-hành của vũ-trụ, và những lý-thuyết về cách-thức điều-khiển các thế-lực siêu-nhiên, để nhằm tới những mục-dịch mong muốn. Để tóm-tắt các phương-diện của văn-hóa, chúng ta thêm vào đây « nào khiêu-vũ, ca-hát, kể-truyện, nghệ-thuật, vẽ, nặn, mục-dịch đem lại thỏa-mãn mỹ-thuật, ngôn-ngữ để diễn-đạt tư-tưởng và tất cả một hệ-thống những giới-điều cảm-đoán và những lý-tưởng để đem lại cho đời sống ý-nghĩa và ý-vị của nó. Tất cả những bộ mặt văn-hóa cũng như đích thân văn-hóa đều là đặc-sản của tất cả các nhóm người không trừ một nhóm người nào hết. (Bases d'Anthropologie Culturelle).

Vậy văn-hóa là tất cả những cái gì của nhân-loại để điều-hòa thích-ứng với hoàn-cảnh động sinh-tồn. Hoàn-cảnh địa-lý khí-hậu hay là thiên-nhiên, và hoàn-cảnh xã-hội lịch-sử. « Quan thiên văn dĩ sát thời biến » là điều-hòa thích-ứng với hoàn-cảnh thiên-nhiên. « Quan nhân văn dĩ hóa thành thiên hạ » là điều-hòa thích-ứng với hoàn-cảnh xã-hội lịch-sử mà nhân-loại làm chủ-động hóa thành.

Đây là định-nghĩa văn-hóa hết sức tổng-quát mà cũng hết sức xác-thực của tư-tưởng cổ-truyền Á-Đông, vốn đứng ở quan-diểm biến-dịch để nhìn sự-vật một cách hội-thông, chứ không nhất-diện vụ-vật « Thánh nhân hữu dĩ kiến thiên hạ chi chí động nhi quan kỳ hội thông » (Hệ-Từ Dịch). Bậc thánh-nhân có thấy được cái động biến không ngừng của thiên hạ mà nhìn nhận ở phương-diện tổng-quát hội-thông, nghĩa là cả phương diện động lẫn phương-diện tĩnh vậy. Quan-niệm ấy xác-thực vì nó luôn-luôn đi sát với hoàn-cảnh thực-tế, không rời xã-hội để quan-niệm văn-hóa trừu-tượng, và như vậy thì văn-hóa cũng như xã-hội, không thể rời khỏi được hoàn-cảnh địa-lý khí-hậu và lịch-sử là khung cảnh trong đó nó trưởng-thành và khai-triển. Cho nên chúng ta không thể quan-niệm một nền văn-hóa cho dân-tộc này theo như ý người ta muốn, không cần đề ý đến hàng ngàn năm lịch-sử « văn hiến chí bang » với bao nhiêu thế-hệ tích-lũy những kinh-nghiệm chống chọi trên giải đất

« Nam quốc sơn hà Nam đế cư » này vậy. Văn-hóa đã là toàn-diện sinh-hoạt của xã-hội, một mặt nó có tính cách luôn-luôn biến đổi không ngừng, trừ những văn-hóa nào đã chết như văn-hóa Ai-Cập, văn-hóa Can-Đê chẳng hạn. Một mặt văn-hóa có tính cách bền vững, vì nó là cái cây mà gốc rễ mọc sâu trong quá-khứ truyền-thống, ngọn thì vươn lên cái tương lai vô-cùng. Lấy toàn-thể mà nói thì văn-hóa của một xã-hội có tính chất bền-vững, còn lấy từng bộ phận mà nói thì có sự thay đổi biến hóa. Bền vững và thay đổi là hai phương-diện hỗ-tương của văn-hóa. Cho nên ở giai-đoạn lịch-sử nhất định nào, một dân-tộc hay một nhóm người trưng bày ra một thể quân binh của văn-hóa, biểu-thị cái trạng-thái quân-binh của xã-hội, trong đó cá-nhân tìm thấy quân-binh ở tâm-hồn mình, quân-binh giữa cá-nhân với đoàn-thể bên trong xã-hội, và quân-binh giữa xã-hội và hoàn-cảnh tự nhiên của nó. Ấy là thời-đại thịnh-vượng của lịch-sử hay dân-tộc. Ở giai-đoạn suy-đổi của lịch-sử, xã-hội mất quân-binh nội-bộ, cá-nhân khủng-hoảng trong tinh-thần, bởi vì giữa tinh-thần cá-nhân với hoàn-cảnh xã-hội có một sự quan-hệ mật-thiết và hỗ-tương với nhau.

Nhà xã-hội tâm-lý học ngày nay nhận thấy rằng :

« 1. Người ta khó lòng có thể duy-trì sự quân-binh trong tâm-hồn « khi nào thiếu sự thích-ứng giữa cá-nhân với xã-hội.

« 2. Song sự quân-binh của cá-nhân không tất nhiên hoàn-toàn là « sự thích-ứng của nó với đoàn-thể trong ấy nó là một phần-tử. Một sự « khủng-hoảng của tinh-thần cũng có thể là kết-quả của một sự phức-tổng « bảo-thủ quá chặt chẽ đối với thành-kiến tập-tục.

« 3. Sự bền vững của thể quân-binh nội-tại càng được củng-cố « bằng tinh-thần đoàn-kết cộng-đồng, trái lại, sự tan rã của xã-hội, sự « hỗn-độn của văn-hóa, và sự khủng-hoảng mất quân-binh của cá-nhân, « thường hay xuất-hiện đồng thời với nhau. » (Jean Maisonneuve, « Psychologie Sociale).

SỰ KHỦNG - HOẢNG TRONG XÃ - HỘI VIỆT - NAM VÌ MẤT QUÂN - BÌNH VĂN - HÓA

Hiện nay ở Việt-Nam, chúng ta đang đứng trước một cảnh-tượng hỗn-độn của văn-hóa, khủng-hoảng của cá-nhân và tan rã của xã-hội. Mỗi người Việt chúng ta cùng toàn-thể dân-tộc cảm thấy mất thể quân-binh, và từ Bắc chí Nam, các phần-tử ý-thức đang tìm ý-thức một thể quân-binh mới của văn-hóa Việt-Nam, thích-ứng với tình-thế mới. Chúng tôi dù kém cũng xin góp chút thiên-kiến vào vấn-đề to-tát khó-khăn đó quyết-định cho tiền-đồ dân-tộc.

Kể từ ngày Đông Tây gặp gỡ trên mảnh đất này, thì xã-hội Việt-Nam đã bày ra một trạng-thái khủng-hoảng văn-hóa mất quân-binh, con người Việt-Nam mất sự vững vàng trong tinh-thần, bàng-hoảng như con thuyền giữa bề lạc mất phương-hướng. Số là xã-hội Việt-Nam kể hàng ngàn năm đang là một xã-hội nông-nghiệp, sinh-hoạt gần gũi với thảo-mộc thiên-nhiên. Tinh-thần của văn-hóa cổ-hữu là văn-hóa đồng ruộng, nặng chiu về tình-cảm mà ít chú-trọng về vấn-đề lý-trí. Nó muông cũng với tạo-vật chung đồng-hóa cảm-sinh, lấy nguồn sống của cỏ cây thảo-mộc làm ý-nghĩa trường-tồn. Hồn sông, hồn núi, thần lúa, thần cây, Nguyễn-Du với bốn câu thơ réo-rất đã mô-tả một cách linh-động và tín-ngưỡng vạn-hữu Thần lấy nguồn-sống tràn-ngập làm trung-tâm điểm :

Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về ;
Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai.

(Kiều)

Ngày nay ở xã-hội công-thương kỹ-nghệ, người ta dùng thuần lý-trí, thì ở xã-hội Việt-Nam xưa chúng ta nhận thấy người ta đã xử bằng tình. Lời một ông quan xử án mà Nguyễn - Du đã mượn để miêu-tả ra thế quân-bình của văn-hóa đồng ruộng :

*Đã đưa đến trước cửa công
Ngoài thì là lý song trong là tình.*

(Kiếu)

Quân-bình giữa bên lý với bên tình, giữa cá-nhân với đoàn-thể, tình Nhà nợ Nước. Cái xã-hội nông-nghiệp ấy, tổ-chức lấy tiểu đoàn-thể gia-đình làm đơn-vị, quân-bình chủ-nghĩa phân-quyền xã-thôn dân-chủ với chủ-nghĩa tập-quyền quốc-gia dân-chủ. Căn-bản kinh-tế là điền địa, thì phân chia theo phép bán-công bán-tư, vì người nông dân chưa có khuynh-hướng độc-quyền, chưa quên hẳn ý-nghĩa của sự sống không giới-hạn ở trên mặt đất mà còn mở rộng lên với vũ-trụ như câu ca-đạo đã chứng-tỏ :

*Ở đời muốn sự của chung
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.*

Hai giai-cấp chính của xã-hội là Sĩ với Nông cũng chưa quên ý-nghĩa phân-công hợp-tác để trở nên giai cấp đấu-tranh, như Nguyễn-Công-Trứ đã quan-niệm :

Sơ lao-tâm lao-lực cũng một đoàn.

Cho nên kẻ thống-trị với kẻ bị-trị, giới tri-thức với giới cần-lao ở xã-hội Tây-Âu phong-kiến thì cách biệt nhau bằng một vực sâu của giòng-giới, ở xã-hội nông-nghiệp Việt-Nam người ta không thấy có biên-giới nhất-định, nhờ cái nguyên-tắc : « Tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân nhất thị giai dĩ tu thân vi bản. »



ÔNG TỔNG-TRƯỞNG BỘ NGOẠI-GIAO ĐẠI-HÀN
ĐANG TIẾP KIẾN PHÁI-ĐOÀN VIỆT-NAM CỘNG HÒA

Cái xã-hội ấy đang tự-mãn với thể quân-bình văn-hóa đặt căn-bản triết-lý ở chỗ « hợp nội ngoại chi đạo », « ngoài lý trong tình », thì chợt xúc-tiếp với mưa Âu gió Mỹ, liền bị rung động đến tận nền móng khác nào một cây cỏ-thụ bị cơn gió bão lay chuyển tận gốc rễ.

Sự-thực, ngót một thế-kỷ nay xã-hội Việt-Nam sau khi tiếp-xúc với khoa-học Tây-phương đã bị dao động, con người Việt Nam bị khủng-hoảng, dân-tộc Việt-Nam mất quân-bình của văn-hóa cỏ cây « an cư lạc nghiệp ».

Văn minh Đông Á trời thu sạch

Này lúc luân thường đảo ngược ru.

(Tân-Đà)

Câu thơ của thi-sĩ Tân-Đà nặng lòng với thời-thế, thực như đã phô-bầy tất cả tâm-trạng bất-mãn của sĩ-phu Việt-Nam ở thời-đại giao-thời, lòng người cũng như xã-hội chưa tìm thấy sự thích-ứng chính-đáng mà dân-tộc đòi hỏi. Dòng-dã ngót một thế-kỷ, giới sĩ-phu lãnh-đạo dân-tộc giác-ngộ sự hèn yếu của quốc-gia, muốn tìm đường để chỗi dậy. Kẻ Đông-du « Hương-cảng Hoàn-Tân lời lên đường mới ». Kẻ Tây-du học-hỏi « Mạnh-Đức với Lư-Thoa » (Phan-Bội-Châu). Nhưng sau cuộc thế-giới chiến-tranh thứ nhất, nhà lãnh tụ phong-trào Đông-du thất-vọng trở về khuyên chúng ta bằng hai câu Kiều-lây :

Trăm năm tình cuộc vương tròn

Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông. (Kiều)

Và nhà lãnh-đạo phong-trào Tây-du tuy không thất-bại hẳn, nhưng bắt đầu lên tiếng trong đất nước cho đồng-bào lại khuyên chúng ta đi tìm căn-bản đạo-đức Đông Tây.

Đây là tất cả các bài học của các bậc tiền-bối đã đem cả một cuộc đời thử-thách để để lại cho chúng ta, dù chứng tỏ cái bệnh khủng-hoảng của dân-tộc Việt này rất đổi trầm-trọng, căn nguyên của bệnh ấy rất đổi thâm-sâu. Chúng ta muốn tìm chữa bệnh cần phải tìm chữa từ nguồn-gốc, chẳng phải dùng thời-phương mà dò-dẫm ở ngọn-ngành. Thấy Tây-phương hùng-cường mà mình bị thua về máy-móc, chúng ta tưởng có thể vội vàng mượn ngay vũ lực co-giới để cũng trở nên hùng-cường. Đây là chúng ta chỉ bắt chước nơi ngọn. Sự thực cái cây cỏ-thụ là tổ-quốc của chúng ta đã bị mục nát ở tận gốc rễ. Quả nhiên Trung-Quốc Mãn-Thanh với Việt-Nam cận-đại trong khoảng ngót một thế-kỷ nay ngác-ngoại chỉ vì đã làm cái việc bỏ gốc cầu ngọn.

THẾ QUÂN-BÌNH VĂN-HÓA Ở XÃ-HỘI NÔNG-NGHIỆP VIỆT-NAM XƯA

Thật vậy, tất cả vấn-đề khủng-hoảng dân-tộc Việt-Nam chỉ là vấn-đề tìm thích-ứng văn-hóa xã-thôn nông-nghiệp cổ-hữu của Á Đông, với văn-hóa đô-thị kỹ-nghệ của Âu-Tây. Công việc điều-hòa thích-ứng ấy thực vô-cùng khó-khăn như chúng ta đã thấy, ngót một thế-kỷ các bậc tiền-bối kiệt sức thực-hiện mà kết-quả thì mong-manh. Tuy nhiên không phải vì dân-tộc Phù-Tang đã được hóa công nặn bằng thứ đất thô đặc-biệt gì hơn dân-tộc ta mà đã thành-công trong sự điều-hòa Đông-Tây để biến nước họ thành một nước hùng-cường. Dân-tộc Việt-Nam vốn có đức tính thông-minh linh-lợi và cần-cù hiếu-học xưa nay có đủ tư-cách điều-hòa các khuynh-hướng văn-hóa mâu-thuẫn xung-đột như lịch-sử đã chứng minh một cách hùng-hồn. Sống trên một giải đất mà ngày nay các nhà địa-lý học đã mệnh-danh là Ấn-Độ Chi-Na, dân-tộc Việt đã làm tròn sứ-mệnh lịch-sử mà giang-sơn này ngắm-ngắm giao phó. Lãnh-thổ Ấn-Độ Chi-Na hình chữ S này không những chỉ có ý-nghĩa địa-lý, mà nó còn có ý-nghĩa

xã-hội nhân-văn nữa. Lịch-sử mấy ngàn năm của dân-tộc này là lịch-sử dung-hòa của hai nền văn-hóa cổ-kinh Á-Đông, văn-hóa Phật với văn-hóa Khổng. Văn-hóa Phật chủ về nội-hướng vô-vi cốt đi tìm nguồn-gốc tâm-linh cái bản-thể phổ-biến của bản-tính. Văn-hóa Khổng chủ-trương ngoại hướng hữu-vi, cốt thực-hiện cái đức nhân-ái ở hành-động thực-tế xã-hội. Văn-hóa Phật từ Ấn-Độ sang với văn-hóa Khổng từ Trung-Quốc xuống, quả là hai khuynh-hướng văn-hóa cực-đoan mâu-thuẫn, một đảng chủ về Thể, một đảng chủ về Dụng. Một đảng thiên về Đạo, một đảng thiên về Đời, tức như Tây-phương quan-niệm về bản-thể (essence) với hiện-sinh (existence). Đứng giữa hai giao-phong ấy, một là dân-tộc Việt để cho xâm-xé tiêu-diệt mất hết quân-bình vì không có bản-linh hợp-nhất. Một nửa sẽ bị đồng-hóa vào Ấn-độ, một nửa vào Trung-hoa, một nửa đi về Đời, một nửa đi về Đạo. Hai là nó sẽ tồn-tại để còn là một dân-tộc độc-lập nếu nó có thể giải-quyết được sự mâu-thuẫn của hai văn-hóa cực-đoan trên, nếu nó có thể tìm được đến cái chỗ nhất lý « hợp nội ngoại chi đạo » Trải qua Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn chúng ta đã tỏ ra thành công là một dân-tộc có bản-linh, từng viết những trang lịch-sử anh-hùng ở góc trời Đông-Nam-Á này. Được như thế là vì nó đã tìm thấy thấy thế quân-bình văn-hóa xã-hội của nó ở chỗ « ngoài thì là lý song trong là tình » (Nguyễn - Du), hay là như Nguyễn - Công - Trứ tuyên-bố :

Chữ Kiến-tình cũng là Xuất-tình

Trong ống nhòm đồ tiếng hư vô.

Cho nên cụ đã vượt lên trên các hình-thức khác nhau để cốt thực-hiện cái nội dung duy-nhất « hành tàng bất nhị kỳ quan », bởi vì thực-tại đại-đồng vượt lên trên các quan-điểm nhận-thức.

Nhờ ý-thức cái bản-linh duy-nhất quân-bình ấy, nhờ cái quan-niệm trung-hòa hợp nội ngoại, tình lý hỗ-trợ bổ-túc ấy mà dân-tộc Việt-Nam cho tới nay vẫn còn cá-tính để thâu-hóa sáng-tạo.

Trần-Thái-Tôn nửa đêm bỏ cung điện ngai vàng lẩn-lộn lên thác xuống ghềnh tìm vào núi Yên-Tử để hỏi một vị Đạo-Sĩ về Chân-Lý Phật. Vị Đạo-Sĩ ấy là Quốc-Sư Phù-Vân lại trả lời cho nhà Vua rằng : « Sơn bản vô Phật duy tôn hữ tâm. Tâm tịch nhi trí thị danh chân Phật. Kim Bệ-hạ nhược ngộ thứ tâm, tác lập địa thành Phật vô khả ngoại cầu ». Nghĩa là : « Trong núi vốn không có Phật, Phật có ở tại nơi tâm. Tâm trong sạch mà biết ấy là Phật thật. Nay Bệ-hạ nếu thấy được cái tâm ấy tức thì thành Phật, không phải uống công tìm ở bên ngoài. »

Và sau nhân quần-thần thống-thiết van nài, nhân việc quân Nguyên đe dọa vào lãnh-thổ, cho nên Vua Trần-Thái-Tôn lại trở về ngôi báu để vì dân vì nước. Từ đây trở đi nhà Vua vừa làm bổn-phận nhân-sinh bảo-vệ sơn-hà xã-tắc, nhưng không lúc nào ngài quên những nỗi niềm tâm-tư cho đến khi đọc thấy câu ở kinh Kim-Cương : « Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm ». « Nên không chấp vào đâu mà nảy sinh ra cái tâm của mình. »

Nhà Vua bèn khoát-nhiệm tự-ngộ, lấy cái triết-lý truyền-thống của dân-tộc Việt-Nam, đem tâm-đạo để phụng-sự cho đời làm căn-bản cho thể quân-bình của văn-hóa đồng-ruộng. Cho nên ngài mới kết-luận về tinh-thần Phật-giáo Việt-Nam rằng :

« Trăm thiết vị Phật vô Nam Bắc, quân khả tu cầu. Tinh hữu trí « ngu đồng tư giác ngộ. Thị dĩ quần mê chi phương tiện, minh sinh từ « chỉ tiếp kính đã, ngã Phật chi đại giáo đã, nhậm thù thế chi quyền « hành, tác tương lai chi quý phạm giả, tiên thánh nhân chi trọng trách « đã. Cổ tiên đại thánh nhân dĩ đại sư vô biệt, tác tri ngã Phật chi giáo, « hựu giả tiên thánh nhân dĩ truyền ư thế ».

Nghĩa là :

« Trăm trọng bảo Phật-tính không phân ra phương Nam hay « phương Bắc, thầy đều có thể nên tìm. Bẩm-tính của con người có kẻ « thông, kẻ ngu, thầy đều nhờ đấy mà hiểu biết. Bội vậy cho nên lấy

« phương-tiện để dẫn-dụ cho đám u-mê, soi sáng con đường tắt về điều « sống chết, ấy là giáo-lý chính của Phật. Còn trách-nhiệm trọng-yếu « của các bậc thánh-hiền là cầm-cân này-mực công-lý cho đời sau, vạch « khuôn-mẫu cho tương-lai. Cho nên bậc tiên đại thánh-nhân hành-động « xã-hội với bậc nội-hướng trăm-tư không có gì phân-biệt. Dù biết giáo- « lý của Phật lại phải nhờ tay tiên-thánh để truyền ra cho đời. »

(Trần-Thái-Tông, *Thiền-Tông Chi-Nam*)

Trần-Thái-Tông thực đã vạch rõ nhân-cách khuôn-mẫu ở Việt-Nam bằng một triết-lý tâm-linh thực-hiện, đem cả cuộc đời để chứng-minh cái thể quân-bình văn-hóa Việt-Nam xưa, lấy mục-tiêu ở sự điều-hòa thích-ứng tinh-thần văn-hóa xã-hội phương Bắc với tinh-thần văn-hóa tâm-linh phương Nam. Thể quân-bình ấy lập-cước ở tình yêu sáng-suốt và tích-cực hành-động. Ngài không những là bố-đức của Thiền-tông Việt-Nam, Ngài cũng là kim-chỉ-nam cho nhà Nho hành-động chân-chính nữa vậy. Cái tư-tưởng thực-hiện đạo ở trong và đức ở ngoài ấy đã có ảnh-hưởng chói-lọi vào nhân-cách của Huyền-Trân Công-Chúa, vì vận-mệnh sinh-tồn của dân-tộc mà hiến thân vàng ngọc để phối-hợp Bắc-Nam, để đồng-hóa hai nền văn-hóa cò-kinh Ấn-độ Chi-Na trên đất này. Công cuộc đồng-hóa ấy không phải không có sự hy-sinh đau-đớn, như đã bộc-lộ ở bài hát réo-rất u-buồn này :

Nước non ngàn dặm ra đi

Cái tình chi

Mượn màu sơn phấn

Đền nợ Ô - Lý

Xót thay vì

Đương độ xuân thì

Độ xuân thì

Số lao đao hay là nợ duyên gì

Má hồng da tuyết

Cũng liêu như hoa tàn trắng khuyết
 Vàng lộn theo chì
 Khúc ly ca sao còn mừng tượng nghe gi
 Thấy chim hồng nhận bay đi
 Tài lai lẳng
 Hường dương hoa quì
 Dẫn một lời Mân-Quán
 Như chuyện và như nguyện
 Đặng vài phân
 Vì lợi cho dân
 Tình đem lại mà cần
 Đẳng cay muốn phân.

Sự hy-sinh ấy của Huyền-Trần Công-chúa tuy đau-đớn cho cá-nhân nòng, nhưng đã đánh dấu một sự đồng-hóa vĩ-đại của hai dân-tộc, một sự phối-hợp phong-phú của hai nền văn-hóa Chiêm Việt, để kết-tinh ra đất Hoan-Châu mà hơn hai trăm năm về sau đã là đất Thần-kinh văn-vật của Đức Thế-Tò, sau khi hoàn-thành công-cuộc thống-nhất Đại-Nam.

Cái ý-thức-hệ lãnh-đạo của Vua thời Trần thích-ứng với hạ-tầng cơ-cấu của xã-hội Việt-Nam xưa. Thực vậy, tổ-chức chính-trị kinh-tế của xã-hội Việt-Nam trước thời Pháp-thuộc căn-cứ vào hệ-thống tổ-chức trái-ngịch và trùn-lớp lên nhau. Ở bên dưới là một xã-thôn dân-chủ tự-trị phân-quyền mà bản-vị là gia-tộc, như ngạn-ngữ nói : « Trong họ ngoài làng ». Ở bên trên xã-thôn là hệ-thống quân-chủ chuyên-chế tập-quyền. Hai hệ-thống căn-bản trái-ngịch nhau, hệ-thống dân-chủ phân-quyền thuộc về xã-hội khai-phóng, hệ-thống quân-chủ tập-quyền thuộc về xã-hội bế-quan. Cả hai đều tịnh-bành trải qua các giai-đoạn thịnh-suy của lịch-sử hàng ngàn năm, thời nội-chiến cũng như thời ngoại-xâm. Số dĩ như thế được là nhờ có một hệ-thống kẻ sĩ đứng ở giữa hai thế-lực trên kia để điều-giải với một đường lối chính-trị giáo-hóa để phụng-sự dân-tộc.

Cái cơ-sở dân-chủ xã-thôn ấy rất thích-hợp cho sự bền-vững của xã-hội nông-nghiệp Việt-Nam, cho nên một chính-trị gia Pháp đã công-nhận :

« La commune présente un mécanisme particulièrement intéressant, et on comprend sans peine qu'une organisation si complexe, si démocratique, où « jamais un notable ne peut agir seul, qui existe traditionnellement depuis la plus haute antiquité, ne doit pas être touchée sous peine de désorganiser le pays. L'instrument est vieux, il est bon, il convient au peuple. »

(Pierre Pasquier, « L'Annam d'autrefois », Essai sur la constitution de l'Annam avant l'intervention française. Paris, Société d'Édition, 1930).

Ý-thức-hệ của cái tổ-chức xã-thôn ấy đã do cái Đình-làng hay Nhà làng của mỗi làng làm tiêu-biểu. Ở đây dân làng hội-hợp lúc đình-dám, ở đây ban lãnh-đạo là hội-đồng kỳ-mục bàn việc làng, và ở đây cũng là nơi thờ Thành-Hoàng của làng. Nhờ cái hiệu-lực của sự khéo-hợp-nhất đời sống vật-chất với đời sống tinh thần cho nên dân-chủ xã-thôn đã giúp cho dân-tộc Việt-Nam chóng thành-công trên đường Nam-tiến, Việt-hóa cả nước Chàm lẫn nước Thủy-Chân-Lạp là đất Nam Việt-Nam hiện nay vậy.

Đề có một ý-niệm tổng-quát về cơ-cấu xã-hội Việt-Nam xưa, xin nhìn bản-đồ sau đây :

Đồ - biểu

A. Hệ-thống Quân-Chủ Tập-Trung Chính-Quyền

Khu-vực	Chính - Quyền	Thờ - tự	Chủ - từ
Chính- Quyền	VUA	1. Đền Nam-Giao Sơn-Xuyên Thờ Trời-Đất	2. Đền Xá-Tác (Tò- Tịch-Điền Quốc) Thần-Linh
	Tứ-Trụ Triều-Đình Cơ-Mật-Viện Nội-Các Tôn-Nhân-Phủ		

QUỐC-ĐO	Quan - chức		3) Miếu; Văn-Miếu Võ-Miếu Y-Miếu	VUA
	VĂN (tả) Lục - Bộ	VÕ (hữu) Ngũ-Quân		
	1. Lại	Đô.Thống		
	2. Hộ (tài-chánh)	Thống-Chế		
	3. Lễ (học)			
	4. Binh			
	5. Hình			
	6. Công			
	Tam-viện			
	1. Sử-Quán			
	2. Hàn-Lâm-Viện			
	3. Quốc-Tử-Giám			
TỈNH	Tổng-Độc Bổ-Chính Án-Sát Đốc-Học	Đề-Độc Lãnh-Binh Hiệp-Quản	1. Đền-Xã-Tác-Chùa 2. Miếu Thần-Linh Văn Võ 3. Đền Bạch-Hồn	Tổng-Độc
PHỦ HUYỆN	Tri-Phủ Tri-Huyện Tri-Châu Giáo-Thụ Huấn-Đạo	Đội Cai	Văn-Chi	Tri-Phủ Tri-Huyện
<i>B. Hệ-thống Dân-Chủ Phân-Quyền Tự-Tri</i>				
TÒNG XÃ-THÔN	Kỳ-Mục Lý-Dịch Công-Cử Chánh, phó tổng Chánh, phó lý Tiền, thứ chi Điểm Trưởng thôn, xóm	Tuần-Phiên Trương Tuấn	Văn-Chi Đình Chùa Miếu Chúng-Sinh	Tiền-Chi Chánh-tổng Lý-Trưởng

C. Hệ - thống Thân - Tộc

TỘC HỌ	Trưởng-Tộc Gia-Trưởng	Từ-Đường (Nhà thờ họ) Bàn thờ Tổ-Tiên	Tộc Gia Trưởng
--------	--------------------------	---	-------------------

THỂ QUÂN-BÌNH MỚI NGÀY NAY DUNG-HÒA
CÁC VĂN-HÓA TRÊN CĂN-BẢN TÂM-LINH THỰC-HIỆN.

Như thế đủ thấy dân-tộc Việt-Nam không kém gì dân-tộc Nhật-Bản về khả-năng điều-hòa thân-hóa các khuynh-hướng mâu-thuẫn có quan-hệ sinh-tồn của dân-tộc. Nhưng ngót một thế-kỷ nay trong các cuộc tiếp-xúc Á-Âu, so với dân-tộc Phù-Tang, thì chúng ta đã thua kém xa, chúng ta chưa tìm được thể quân-bình văn-hóa trong sự dung-hòa Đông-Tây có khả-năng sáng-tạo và do đấy dân-tộc Việt-Nam cận-đại đã bày ra trạng-thái khủng-hoảng mất quân-bình.

Số là cũng như bên Trung-Quốc, sĩ-phu lãnh-đạo ở xã-hội Việt-Nam khi phải đương đầu với một nền văn-hóa công-nghiệp Âu-Tây, thấy người hùng-mạnh mà mình yếu-hèn, thì tưởng làm nguyên-nhân của sự hùng-mạnh kia ở tại máy-móc cùng đầu.óc khoa-học cơ-giới. Thế rồi chúng ta bèn rũ sạch tàn-tích của quá-khứ, tất-cả nền đạo-học truyền-thống cổ-hữu, cho đó là nguyên-nhân của sự thất-bại. Chúng ta đã lầm. Và theo thiên-ý của chúng tôi thì tinh-thần đạo-học Việt-Nam cũng như ở Trung-Quốc đã suy-đổi từ vài ba thế-kỷ, cái học nghĩa-lý đã mất, cái học mà Trình-Tứ đã nói rõ ở câu :

« Phòng chi tác di lục hợp, quyền chi tác thoái tàng ư mật. Kỳ vị vô cùng « giai thực học dã, »
Nghĩa là :

« Phòng ra thì đầy vũ-trụ, thu vào thì nấu ần ở thân tâm. Ý vị của nó vô cùng, đều là cái học vụ-thực vậy. »

Chúng ta đã bỏ mất nguồn-gốc làm người từ lâu, để chìm đắm vào cái hình-thức vỏ, thực như lời cảnh-cáo của Phan-Tây-Hồ từ ngót thế-kỷ rồi mà quốc-dân nào đã thức-tỉnh :

Đời chuộng văn chương,
 Người tham khoa-mục ;
 Đại-cổ, tiểu-cổ, suốt tháng dùi mài,
 Ngũ-ngôn, thất-ngôn, quanh năm lẩn lóc ;
 Ngóng hơi thở của quan-trường, để làm văn-sách, Chích có thể
 phải mà Thuần có thể sai,
 Nhật dãi thừa của người Tàu để làm từ-phủ, Biều thì phải từ,
 Ngẫu thì phải lục ;
 Tiu.tít những phởng danh.lợi, chợ Tề chực đánh cắp vàng ;
 Lo-thơ bao kẻ hiền-tài, sân Sở lưỡng buồn dâng ngọc ;
 Ấy chẳng riêng gì kẻ vị thân-gia, tham lợi lộc ;
 Mà lại đến cả mấy ngàn kẻ quần chùng áo rộng trong một nước,
 Lùa vào mấy ngàn vạn nơi hắc-âm địa-ngục ;

(Phủ : Lương-Ngọc Tất-Danh-San)

Vậy chúng ta đã mất cái đạo-học căn-bản là cái « học làm người » để chuyên-trị vào cái học trí-thức kiến-văn, thì dù có noi theo được cái học cơ-giới của người, cũng lại chỉ thêm lợi-khi đề tự hại lẫn nhau. Chúng ta đã quá chìm-dắm vào cái học từ-chương chúng ta lại tưởng lầm là đạo-học chân-chính. Rồi chúng ta nghĩ rằng đạo-học không thể đi đôi với khoa-học. Vậy muốn trở nên văn-minh như Âu-Mỹ, chúng ta phải phủ-nhận hết thầy tày-tích của văn-hóa cổ-truyền. Sự-thực chỉ trong các nước ở Á-Châu, một dân-tộc Nhật-Bản đã đồng-hóa mau lẹ văn-minh khoa-học Tây-phương mà không tổn-hại gì đến cái đạo làm-người của họ. Và lạ thay, chính họ xưa kia cũng là nước độc-nhất hưởng-ứng cái Tâm-học của họ Vương, trong khi ở Trung-Quốc thì ruộng-rẫy, mà Việt-Nam

thì không ai đề ý, như thế đủ thấy rằng càng giữ được cái học tâm-linh thực-học cổ-truyền, thì càng mới có thể thấu-hóa hiệu-nghiem nền văn-hóa khoa-học Âu-Mỹ để hóa thành một nền văn-hóa phong-phú vậy.

Vậy vấn-đề đồng-hóa Đông Tây tỏ ra chặt.vặt gian-nan ở Việt-Nam cũng như ở Trung-Quốc thì không phải vì « Đông là Đông mà Tây là Tây » như người ta đã nói, mà chính vì chúng ta đã bỏ mất cái chân-chính Đông-phương cổ-truyền là đạo-học thực-hiện của chúng ta, chúng ta đã không tìm vào nguồn-gốc của sự đồng-hóa mà chỉ vụ bắt chước bề ngoài. Chúng ta đã không dám tin lời của Lục-Tượng-Son :

« Đông-hải hữu thánh-nhân xuất, thứ tâm đồng, thứ lý đồng.

« Tây-hải hữu thánh-nhân xuất, thứ tâm đồng, thứ lý đồng. »

Nghĩa là :

« Bề Đông thánh-nhân ra đời thì tâm ấy một, lý ấy một.

Bề Tây có thánh-nhân ra đời thì tâm ấy một, lý ấy một. »

Cái nguồn-gốc đồng-hóa là gì ? Chính là cái thực-thể tâm-linh, là nhân-tính phổ-biến, đạo-trời với đạo-người đồng-nhất ở thế ; trí-thức khoa-học với tình-cảm luân-lý tổng-hợp làm một ở trung-tâm siêu-thức của nhân-loại, một nhân-loại đầy đủ cả tình, ý và trí, một con người tự-do trong tinh-thần và tự-do ngoài xã-hội. Ở đây chúng ta mới có được cái cơ-sở để dung-hòa Đông Tây dựng kiến-thiết ở mình một tin-tưởng vững chắc.

Trình-Y.Xuyên đáp thư cho Chu-Trương-Văn có một đoạn về cái học thực-học :

« Tâm thông hồ đạo, nhiên hậu năng biện thị phi, như tri quyền « hành di hiệu khinh trọng. Mạnh-Tử sở vị : « tri ngôn thị dã ». Tâm « bất thông ư đạo nhi hiệu cổ nhân chi thị phi, do bất tri quyền hành « nhi ước khinh trọng, kiệt kỳ mục lực, lao kỳ tâm trí, tuy xử thời trúng « diệc cổ nhân sở vị ức đặc lữ trúng, quân tử bất quý dã. »

Nghĩa là :

« Tâm cảm-thông với đạo-thề rồi sau mới có thể phân-biệt phải trái, như cân cân để so-sánh nặng nhẹ. Mạnh-Tử bảo : « thấu biết lời nói » là thế vậy. Tâm không cảm-thông với đạo-thề mà so-sánh lẽ phải trái của người xưa thì khác nào không cân cân để ước-lượng nặng nhẹ, mồi sức mắt, một tâm trí, tuy cũng có lúc trúng, nhưng cũng « như cò-nhân bảo « ớc đoán thường trúng ». Người quân-tử không « qui gi điều ấy vậy. »

(Trích ở *Cận-Tư-Lục*)

Chính nhờ ở cái học tâm-thông đạo-thề ấy mà ở xã-hội nông-nghệp Việt-Nam xưa người ta đã tìm thấy thế quân-bình văn-hóa, quân-bình giữa xã-hội với thiên-nhiên, giữa cá-nhân với đoàn-thề, giữa tâm với vật, giữa tình-cảm với lý-trí, quân-bình căn-cứ vào nguyên-lý siêu-nhiên. Bởi vì thừa ày dân-tộc Việt-Nam đã trở về được Nguồn-sông vũ-trụ, là nguồn-gốc của Tam-Giáo Đông-Nguyên cho nên đã bao-trùm được các phương-diện mâu-thuẫn khác nhau của các văn-hóa du-nhập. Cái bi-quyết của sự dung-hòa các tư-tưởng khác nhau để tìm lấy nguồn sinh-lực sáng-tạo, không để rơi vào thông-bệnh triết-trung của hình-thức bề ngoài (eclectisme), khiến cho mất cá-tính mà không còn sinh-khí, ấy là tìm cách cảm-thông với đạo-thề đến cái duy-tinh duy-nhất ở vũ-trụ, ở nhân-quân và ở tại chính bản-thân mình, ngược dòng về đến tận suối tâm-linh. Đến đây mới có được nhơn-giới thông-quan nhất-quán để vừa cảm-thông với cá-tính đặc-thù, vừa không cố-chấp hẹp-hòi. Và càng đi ra bề rộng của thiên-sai vạn-biệt lại càng cần phải lặn sâu vào bên trong như Lão-Tử đã nói : « kỳ xuất dĩ viễn, kỳ tri dĩ thiên » càng đi ra ngoài càng xa, cái biết của nó càng hẹp ». Chúng tôi thiết-tưởng đây là cơ độc-nhất để cho chúng ta dung-hòa được cái đặc-tính văn-hóa Đông tây ngày nay vậy.

Cuộc cách-mệnh kỹ-nghệ đầu thế-kỷ 19 ở Tây-Âu đã biến thế-giới thành một hệ-thống tương-quan giữa các khu-vực xưa kia biệt-lập tự-túc đến nay đều phải lệ-thuộc lẫn-nhau về kinh-tế, chính-trị và văn-

hóa thì mới có thể phát-triển. Kỹ-thuật tối-tân đã giải-quyết vấn-đề giao-thông trên không, trên bộ, dưới biển một cách vô-cùng thuận-tiện khiến cho thế-giới nghiệm-nhiên thống-nhất về phương-diện thực-tế. Nhưng vì trình-độ sinh-hoạt phát-triển quá chênh-lệch, cá-tính văn-hóa của các dân-tộc chưa được mở-mang, cho nên sự hợp-tác kém phần thành-thật và phong-phú vì còn thiếu một ý-thức thế-giới thống-nhất tức là một đạo-tâm đại-đồng để cho các dân-tộc thông-cảm với nhau.

Phương chi cuộc cách-mệnh chính-trị tiếp theo cuộc cách-mệnh kinh-tế của thế-kỷ 19 đã xô xã-hội Âu-Tây vào chế-độ tự-do cạnh-tranh quá-trớn, đưa đến sự độc-quyền và khủng-hoảng kinh-tế. Người ta quen lấy sức người mà chếm-đoạt thiên-nhiên, coi thiên-nhiên với người như hai thù-địch. Trong quốc-gia thì người tranh-đấu với người, giai-cấp với giai cấp, trên thế-giới thì dân-tộc chiến-tranh với dân-tộc, hết thầy chỉ biết « giao trình lợi » như lời Mạnh-Tử xưa kia đã nói, cho nên một trăm năm sau cuộc đại cách-mệnh chính-trị ở Pháp thì xã-hội kỹ-nghệ đã mất thế quân-bình nội-tại.

Ngày nay từ thế quân-bình cố-hữu của văn-hóa nông-nghệp, chúng ta bắt-buộc phải tìm một thế quân-bình mới cho văn-hóa Việt-Nam, tất-nhiên chúng ta phải dung-hòa văn-hóa xã-thôn nông-nghệp với văn-hóa đô-thị kỹ-nghệ, vì xã-hội Việt-Nam cũng sẽ kỹ-nghệ hóa. Không phải xã-thôn nông-nghệp của Á-Đông với đô-thị kỹ-nghệ của Âu-Châu có tính cách mâu-thuẫn xung-đột ở tại căn-bản tổ-chức của chúng đâu. Cả hai tổ-chức, một đảng có khuynh-hướng vật-lý vận-động của cơ-khí, một đảng có khuynh-hướng sinh-lý vận-động của cỏ cây, chỉ là những cách-thức của nhân-loại điều-hòa thích-ứng với hoàn-cảnh để sinh-tồn, lẽ tất-nhiên chúng đều muốn tôn-trọng quyền sống của người. Sở dĩ chúng bày ra hiện-tượng mâu-thuẫn ngày nay là vì bước đầu của đô-thị kỹ-nghệ đã làm đường, dựng cá-nhân thành một thế-lực độc-lập trợ-trợ đem nhân-tạo với thiên-nhiên đối-lập thành hai thế-lực thù-địch, đem tâm ly-khại với vật, lý-trí ly-khại với tình-cảm, coi lý-trí với tín-ngưỡng như không

thê cộng-tồn. Và như thi-hào Ấn-độ R. Tagore đã nói: « Nhân-loại đô-thị đã sống trong quan-niệm thế-giới phân chia và qui-định. »

Cũng vì những lý-do trên đây, một thi-hào Pháp, Lamartine từng đóng vai lãnh-tụ chính-trị trong cuộc cách-mệnh Pháp (1830), đã kết-luận về J. J. Rousseau (Lư-Thoa) nhà lý-thuyết của Pháp-quốc đại cách-mệnh 1789 với Khổng-Phu-Tử, nhà hiền-triết chính-trị cổ-đại của Á-Đông :

« Tôi phản đối Lư-Thoa đề bênh-vực Khổng-Tử mặc dầu người ta có tuyên-bố cái định-luật tiến-bộ không ngừng, tiến-bộ mia-mai « thường đi xuống hơn là đi lên, từ chủ-nghĩa tâm-linh xã-hội của « Khổng-Tử đến chủ-nghĩa duy-vật của Xã-Uớc. »

(Lamartine, *Par Retrouvés*, Nhà xuất-bản Andrer-Delpuech).

Vậy nhất-định là văn-hóa quốc-gia Việt-Nam tự-do độc-lập ngày nay phải đồng-hóa với văn-hóa đô-thị Âu-Tây, hướng theo cái lý-tưởng tiêu-chuẩn của văn-hóa nhân-loại hiện-thời mà R. Tagore đã tuyên bố :

« Cái bản-ngã vô-hạn của nhân-loại chỉ có thể hoàn-thành trong « cái đại hòa-điều của tất cả các dân-tộc thế-giới. »

Hay là như Gandhi đã quan-niệm về một nền giáo-dục lý-tưởng :

« Muốn có một nền giáo-dục hoàn-bị ngày nay thì sự nghiên-cứu « có hệ-thống những nền văn-hóa Á-Đông cũng thiết-yếu như sự nghiên-cứu các khoa-học Âu-Tây. »

Nhưng văn-hóa Việt-Nam tương-lai sẽ tránh những vết xe đổ của Âu-Tây cận-đại. Từ tổ-chức xã-thôn đến chế-độ bán xã-hội hóa điền-địa quốc-gia, Việt-Nam sẽ kỹ-nghệ hóa theo Âu-Tây nhưng không nhắc lại cái bệnh tự-do cạnh-tranh vô-ý-thức. Văn-hóa Việt-Nam ngày nay sẽ khoa-học hóa, nhưng không làm cho trí-thức khoa-học gián-đoạn với nguồn-gốc tâm-linh truyền-thống. Văn-hóa Việt-Nam ngày nay quan-niệm con người đầy đủ, con người hoàn-toàn cả trí lẫn tình là một cá-nhân bất phân với đoàn-thê, sống trong xã-hội mà giai-cấp vẫn giữ ý-nghĩa phân-công hợp-tác, sống trong quốc-gia dân-tộc không biệt-lập với thế-giới. Sống trong vũ-trụ mọi vật « các đặc kỳ số » có đủ điều-kiện để « toại kỳ sinh » trong cái đại-hòa-điều « trung hòa » Trời-Đất-Người hay là vũ-trụ, thiên-nhiên, nhân-loại luôn-luôn hỗ-động tương-sinh. Đây là một quan-niệm lý-tưởng vừa hợp-lý của lý-trí khoa-học, vừa hợp-tình của tình-yếu nhân-loại...

việc thiết-lập một cơ-quan sưu-tầm và thông-tin liên-quan đến văn-hóa và xã hội cho vùng á-châu thái-bình-dương

Trong hiện đại, thông-tin đã trở thành một nguyên-liệu quốc-gia sống động và một phẩm-vật quốc-tế căn-bản. Số lượng ấn-phẩm về bất cứ đề-tài nào cũng quan-trọng đến nỗi riêng một cá-nhân có danh cả đời cũng không đọc hết được những tài-liệu liên-quan đến một vấn-đề ti-tiêu nhất.

Những sinh-hoạt sản-xuất của con người có thể vô hiệu nếu không căn-cứ trên một nền thông-tin tương xứng. Bởi vậy, sự thiết-lập những cơ-quan sưu-tầm thông-tin để giúp mọi việc khảo-cứu chóng thấy tài-liệu cần-thiết mà không bị ngăn cản vì lý-do ngôn-ngữ hoặc biên-cương là một sự đòi hỏi chính đáng. Nhưng một cơ-quan độc nhất không thể phụ-trách việc cung-cấp tài-liệu trên khắp lãnh-vực, mỗi môi trường riêng biệt cần có một cơ-quan sưu-tầm thông-tin riêng. Đến nay mọi cố gắng để thành tựu những trung-tâm thông-tin đều hướng về khoa-học. Văn-hóa Xã-hội học gần như bị lãng quên, ngoại trừ tại vài quốc-gia như Pháp, Ấn v. v... (Nhà Khoa-học Nhân-văn, Ba-Lê ; Trung-tâm khảo-cứu Khoa-học Nhân-văn, Tân-Đề-Ly). Nhưng nếu sự tiến-bộ kỹ-thuật tại một quốc-gia là điều-kiện thiết-yếu cho sự phát-triển của quốc-gia đó, thì sự bành-chướng Văn-hóa và sự thông cảm giữa nhân-loại phải được coi như mục-đích tối hậu của nhu-cầu phát-triển vậy.

Đối với những người ý-thức được sự kiện đó, sáng kiến thiết-lập một cơ-quan sưu-tầm thông-tin về Văn-hóa Xã-hội tại Hán-thành của Tổ-chức Á-Châu Thái-Bình-Dương đáng được nhiệt liệt hoan nghênh,

Việc thiết lập cơ-quan trên sẽ giải quyết nhiều khó khăn do sự phân tán và tàng-trữ khắp nơi tài-liệu thông-tin gây ra. Nếu được thực hiện trên lãnh- vực quốc-gia nó sẽ gặp nhiều trở ngại về tài-chính và vật-chất, nhưng vì được đặt trên các căn-bản quốc-tế nó được hưởng sự hợp-tác và đóng góp tự-do của các cơ-quan quốc-gia trong phần sự khai-thác và tăng cường các tài-liệu liên-quan đến Văn-hóa Á-Châu Thái-Bình-Dương.

Theo định nghĩa, sưu-tầm thông-tin là một hoạt-động có cứu cánh :

- sưu-tầm các nguyên-liệu thông-tin,
- ghi chép những chi-tiết bày tỏ trong đó,
- phổ-biến các chi-tiết đến những người cần đến nó.

Ngoài ra, phải tìm cách tàng-trữ theo phương-pháp thích nghi những nguyên-liệu thông-tin đó.

Lẽ dĩ nhiên, không một cơ-quan sưu-tầm thông-tin nào có thể đảm nhiệm việc sưu-tầm đầy đủ những nguyên-liệu hiện hữu trong môi trường chú trọng đến, nhất là với một ngân-khoản eo hẹp. Bởi vậy mới đầu cơ-quan chỉ nên cố gắng thủ đắc bằng thể-thức nhượng tặng, hoán dịch hay thu mua các tác-phẩm tiêu-biểu và căn-bản nhất cùng những tài-liệu chưa hề công bố và phát hành như các bản tường trình và thuyết trình trong những khảo-luận hội hay trong các cơ-quan hữu trách, hoặc những tài-liệu hãy còn trong tình-trạng chưa ấn-loát như các thủ bút và chứng-thư, hoặc những bản sơ kết nghiên-cứu hay đồ-vi và tài-liệu hiện lưu dụng hạn chế mà thường dân không thể tìm đâu ra được. Cơ-quan ấy cũng cần thu thập các sách tham-khảo căn-bản, thư-mục, thư-tịch (nhất là các thư-tịch quốc-gia và thư-mục của ủy-ban sưu-tầm tài-liệu xã-hội học quốc-tế). Có thể mới theo dõi được những ấn-phẩm hiện hữu và luôn luôn thông suốt được tình-trạng của các sưu-tập địa phương ngõ hầu thực hiện sự hồi mọi những tài-liệu thiếu sót cần được bổ-túc. Ngoài ra, vì lẽ tài-chính eo hẹp (nhất là lúc sơ-khởi), cơ-quan sưu-tầm thông-tin Văn-hóa Xã-hội Á-châu Thái-Bình-Dương cần áp-dụng một chính sách thủ đắc tiết kiệm, bằng cách tìm mua trước nhất những tài-liệu mà các nước hội-viên chưa hề có hoặc không đều có.



HAI ĐẠI - DIỆN CỦA VIỆT - NAM CÔNG - HÒA

Theo đúng nghĩa cơ-quan sưu-tầm thông-tin Hán-Thành phải cố gắng « tập trung ý-thức » toàn thể văn liệu sách báo dính liu đến Văn-hóa và Xã-hội Á-Châu Thái-Bình-Dương, một việc không dễ chút nào vì thư-tịch học tại vùng này còn quá sơ-khai thấp kém. Mặc dầu các nước hội-viên sẵn sàng hợp tác, sự hợp tác của họ sẽ không đáng bao nhiêu nếu chính họ không thấu rõ tình trạng sản-xuất sách báo tại xứ họ. Bởi thế, Trung-tâm Văn-hóa và Xã-hội Á-Châu Thái-Bình-Dương cần phải mở một cuộc điều-tra về trạng-thái thông-tin trong lãnh-vực Văn-hóa Xã-hội tại các quốc gia hội-viên, nhiên hậu cố võ việc án-hành thư-tịch và đồng thời thiết-lập, nếu cần, một chi-nhánh của cơ-quan sưu-tầm thông-tin Hán-Thành tại mỗi quốc-gia.

Tài-liệu phải được đăng-ký và ghi chú ngay sau khi nhập cơ-quan. Công việc rất phức tạp này định đoạt sự thành công của cơ-quan, và đòi hỏi ở nhân-viên thừa hành một kiến-thức chuyên-môn để phân loại, lập chỉ phiếu, và khái lược những chi-tiết chính-yếu của tài-liệu. Ngay việc lựa chọn phương pháp phân loại đã cả là một vấn-đề gai góc : khung phân-loại tổng quát như CDU (classement décimal universel), Bliss và Colon, tuy được thông-dụng, đều không tiện cho khoa-học nhân-văn và đang bị thay thế bởi một số khung chuyên-môn như khung Kyle và HRAF (Human relation Area file) hay một khung đặc biệt được soạn ra theo « lời phân tích khía cạnh » phản ánh nhu cầu của người sưu-tầm và loại tài-liệu hữu-dụng. Phương-pháp mới này thích đáng nhưng phải có một nhóm nhân-viên đủ khả năng cao kiến về sưu-tầm thông-tin mới soạn được khung thích-hợp. Nếu Trung-Tâm Văn-hóa Xã-hội Á-Châu Thái-Bình-Dương muốn có một cơ-quan chỉ-đạo sưu-tầm thông-tin thì phải đỡ đầu và giao ngay cho một nhóm chuyên-viên Thư-viện nghiên-cứu việc soạn thảo đó khi còn thì giờ.

Việc chuẩn-bị tài-liệu tại một cơ-quan sưu-tầm thông-tin đòi hỏi nhiều công phu trong sự đăng-ký hơn tại một Thư-viện vì cơ-quan phải cung-cấp mau chóng và đầy đủ thức tin cho sưu tầm gia. Cũng như ở

Thư-viện, mỗi tài-liệu được đăng-ký trên một thẻ phiếu với đầy đủ chi tiết tham khảo cần thiết cho sự nhận biết và khai-thác. Ngoài sự phân tích hình thức đó, phiếu sưu-tầm lại có ghi thêm sơ lược ý-kiến thiết yếu của tài-liệu. Nội dung sơ lược tùy theo quan hệ của tài-liệu mà diễn tả ngắn hay dài. Có nhiều cơ-quan sưu-tầm thông-tin chủ-trương tưởng thuật từ mi nội-dung để thay thế việc tham khảo tài-liệu chính, nhưng nếu muốn khai thác mau dễ, phần sơ-lược cần được vắn tắt gọn gàng. Nên lưu ý rằng không phải chỉ sách báo tàng trữ tại cơ-quan mới đáng kể. Vì nơi đây có nhiệm-vụ sưu-tầm tất cả thông-tin về lãnh- vực văn-hóa và xã-hội, nên những nguyên-liệu không thu-thập cũng phải được đề ý tới, làm sao cho có một chỉ phiếu rõ ràng về mỗi bản tài-liệu kiểm duyệt. Phiếu chỉ dẫn này sẽ được soạn nhờ các chi tiết gặt hái trên các quảng-cáo sách báo, mục lục, v. v... Về phiếu báo-chí, sự ghi chú phải cẩn thận hơn nữa. Báo-chí phải được đăng-ký và sắp xếp riêng, mỗi bài báo phải được coi như một tác-phẩm riêng biệt và đồng thời được ghi chú hết như vậy. Sở dĩ có sự thận-trọng này là vì tin tức và ý-kiến mới mẻ nhất thường được đề-cập trong tạp-chí, và vì thông-tin phần lớn liên-quan đến những vấn đề thời-sự, hiện-trạng của các sự kiện, điều mà các sưu-tầm gia hay tham- khảo nhất. Đề lọc những tin-tức này cứ 5 năm lại đảo lại các phiếu; nhưng tạp-tục này chỉ tất yếu trong việc sưu-tầm tài-liệu khoa-học thối, không mấy cần-thiết trong lãnh- vực văn-hóa xã-hội.

Vì phức-tạp nên chuẩn-bị tài-liệu đặt ra nhiều vấn-đề quan-trọng:

— Các phiếu in thành nhiều bản được sắp xếp trong 4 tủ khác nhau theo tên tác-giả, nhan-đề, đề-mục và địa-thể. Cách xếp theo địa-thể chỉ áp dụng cho tạp-chí. Trong các tủ kể trên, tủ đề-mục được tham- khảo nhiều nhất nên phải được quan tâm đến nhất. Và để thực-hiện mục-tiêu của Trung-tâm Văn-hóa Xã-hội, một bảng đề-mục thích ứng cần được soạn thảo, không thể sao lại một bảng đề-mục sẵn có được.

— Đề các chỉ phiếu được tương đồng và tránh sự biệt dạng quá lớn giữa các phiếu, cơ-quan sưu-tầm thông-tin về văn-hóa xã-hội Á-châu

Thái-bình-dương cần phải hợp tác với Ủy-ban nghiên-cứu xã-hội học (CIDSS) và cơ-quan định chuẩn quốc-tế (ISO) để qui những tiêu chuẩn viết tắt và phiên âm theo mẫu-tự la-tinh các ngôn-ngữ đặc biệt trong vùng (hán tự, văn tự, thổ tự).

— Trong địa hạt văn-hóa xã-hội, các ý-tưởng khái niệm và cương yếu thay đổi nghĩa theo từng tác-giả, gây khó khăn cho nhân viên phụ trách việc phân loại và lượng ước chất tính của tài-liệu. Để giúp họ cũng như để phát huy ngành ngữ thuật học, Trung-tâm Văn-hóa Xã-hội Á-Châu Thái-Bình-Dương nên triệu tập tại cơ-quan sưu-tầm thông-tin một nhóm chuyên-viên có phạm sự phân tích các tư-tưởng qua những sách báo tàng trữ ngõ hầu tìm những định nghĩa tư-tưởng đó, và tiến tới việc trước-tác một cuốn từ-điển về Văn-hóa Xã-hội học cho vùng Á-Châu Thái-Bình-Dương.

— Các văn liệu được viết bằng nhiều tiếng khác nhau; để có thể phân triết rõ ràng, nhân viên phụ trách việc đăng-ký, nhất là những người phụ trách việc giải lược văn kiện, phải có một học vấn tương đồ cao trong lãnh vực văn-hóa xã-hội và phải hiểu biết ít nhất hai sinh-ngữ, sinh-ngữ dùng tại Trung-tâm tức Anh-văn, và một sinh-ngữ dùng trong tài-liệu. Vì lẽ cơ-quan sinh hoạt bằng các tài liệu địa phương nên sự khó khăn có thể giải quyết được bằng việc tuyển dụng nhân viên trong các quốc-gia hội-viên. Ngoài ra, Trung-tâm Văn-hóa Xã-hội cũng nên cử vài các nhà xuất-bản đăng 1 bản mục-lục hoặc sách dẫn bằng hai thứ tiếng kèm theo tác-phẩm ấn hành.

Việc cuối cùng và cốt yếu của cơ-quan sưu-tầm là phổ-biến tin tức đến người sử-dụng. Để đáp ứng công-tác này cơ-quan cần được trang-bị máy phóng hình và vi-phim để cấp cho người sử-dụng những tài-liệu cần thiết mà chính bản hoặc phó bản được lưu giữ tại cơ-quan. Cơ-quan cũng nên nghĩ đến việc dành một ngân-khoản cho việc lập bên cạnh Ban đăng-ký, một ban phiên dịch gồm những nhân-viên đủ mọi quốc tịch có nhiệm-vụ dịch các tài-liệu đòi hỏi (phiếu, nội-dung sơ-lược, trích

doãn văn, bài báo, v.v. . .) theo sự yêu cầu của sưu tầm gia. Ban này sẽ không làm việc trùng với ban phiên dịch của Sở Văn-hóa Xã-hội của Trung-tâm vì mục-đích của ban sau cũng này khác hẳn, nhằm sự phiên dịch toàn bộ tác-phẩm danh tiếng của các quốc-gia hội-viên. Tuy nhiên, ban phiên dịch của cơ-quan cũng phải liên lạc mật thiết với ban sau này cũng như với các trung-tâm phiên dịch quốc-tế khác để biết rõ những tài liệu đã và đang được dịch.

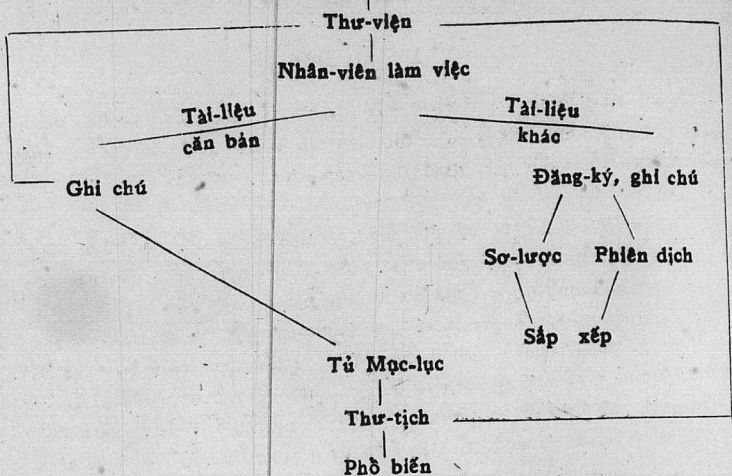
Cơ-quan phổ biến tin tức không phải chỉ đóng một vai trò thụ động trong việc trả lời những điều do người sử-dụng đặt hỏi mà còn phải giữ một vai trò hoạt động bằng cách đón ý các sưu tầm gia và cung cấp cho họ tài liệu tham-khảo trước khi họ hỏi đến. Muốn vậy càng sớm càng hay, cơ-quan sưu-tầm thông-tin của Trung-tâm Văn-hóa Xã-hội Á-Châu Thái-Bình-Dương cần phát-hành mỗi tam-cá-nguyệt 1 tập « *Lược giản Văn-Hóa và Xã-hội Học tại Á-châu Thái-Bình-Dương* », tức 1 tờ báo giải tích, dùng để đăng những kết quả thường xuyên của Ủy-ban đăng-ký và kiểm kê theo gương Trung-tâm tài-liệu của Phi-châu da đen (C.A.D.A.N.), những sách báo mới phát hành liên quan tới Văn-hóa Xã-hội tại vùng Á-châu Thái-Bình-Dương. Ngay từ bây giờ, cơ-quan có thể xuất-bản một cuốn sách nhỏ mục kê: 1) các công và tư sở (như Thư-viện, Đại-học, và hiệp-hội) có thành tích về văn-hóa xã-hội học (kể cả các cơ-quan ngoài vùng Á-Châu Thái-Bình-Dương); 2) danh-tính các nhà chuyên-môn về ngành này; 3) những công-trình đang tiến hành; 4) và những tin tức bất định (như hội-nghi, hội-thảo, v.v..) liên hệ. Sự khilem khuyết một cuốn sách chỉ dẫn tương tự quá trầm trọng nên việc xuất-bản trên không thể trì chử được nữa.

Cơ-quan sưu-tầm thông-tin còn làm được một việc hữu ích khác là ấn-hành các thư-tịch. Tỉ dụ như mục-lục các báo-chỉ liên-quan đến Văn-hóa Xã-hội xuất-bản tại vùng Á-Châu Thái-bình.dương, mục-lục chung các báo chí thế-giới liên-quan đến vấn-đề Văn-hóa Xã-hội hiện tàng trữ tại Thư-viện các quốc-gia hội-viên, mục-lục các bản phiên dịch (từ tiếng

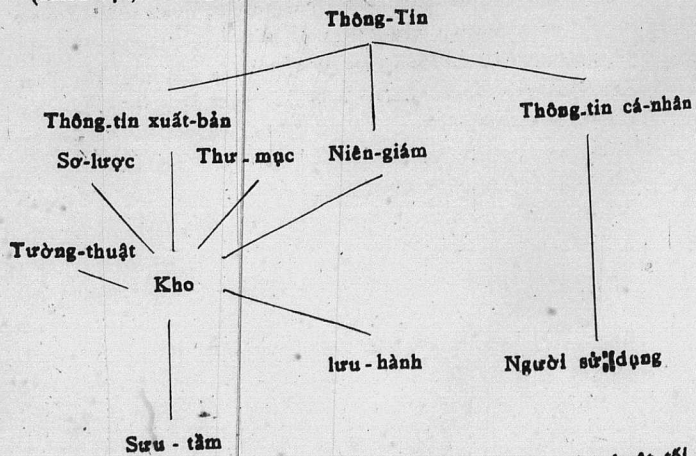
ngoại-quốc sang tiếng địa-phương hay ngược lại) các sách báo liên quan đến Văn-hóa Xã-hội. Riêng cuốn thư-tịch sau này sẽ được bổ túc thường xuyên bằng một « thư-tịch dịch thuật tập-san ».

Thủ-đắc, chuẩn bị và phổ biến tài liệu thông tin, là những công việc tương đương với mọi giai đoạn hoạt động của trí não. Bởi vậy cơ-quan sưu-tầm thông-tin có thể được coi như một trí não tuyền trạch. Giống như trí não, cơ-quan sưu-tầm thông-tin phải hoạt động nhanh chóng và dai dẳng, không quên những điều đã thu tập, trung thực và có thể năng tu phục những yếu tố đã ghi nhận, chỉnh đốn theo trật tự trong khuôn khổ hợp lý, và sẵn sàng phổ biến những ý thức đã sưu-tầm được. Muốn đạt được sự hữu hiệu trên song song với sự tăng gia sách báo cùng người sử-dụng, cơ-quan sưu-tầm thông-tin Văn-hóa Xã-hội Á-Châu Thái-Bình-Dương phải trữ-liệu việc máy móc hóa các phương thức hoạt động và đặt ngay vấn đề nghiên-cứu, cùng các cơ-quan quốc-tế quan tâm đến việc sưu-tầm tài-liệu khác, một ám hiệu chọn lọc và các qui thức đặc-biệt cần thiết cho sự phân tích tài liệu bằng máy điện-tử. Dầu sao đi nữa, sự tổ-chức cơ-quan phải hợp lý và lập theo một sơ-đồ trên có thể được phác họa như sau :

Nguyên-liệu thông-tin hay tài-liệu



Sơ-đồ thông-tin (trích trong Thư-viện Tập-san của Ủy-hội Quốc-tế, tập 19, q. 1-2, tháng 1-2/1965).



Sơ-đồ thông-tin (chiều ngang)

(trích trong BC. Vickery, kỹ-thuật tối tân về sưu-tầm, Ba-Lê, Dunod, 1962).

Tổ-chức kể trên cố gắng trừ bỏ mọi trung gian ngăn cách giữa sử-dụng và thông-tin, cho nên đòi hỏi ở nhân-viên cộng sự rất nhiều khả-năng, nhất là ở cấp chỉ-huy. Người này phải có căn-bản sâu rộng về thư-viện học hoặc sưu-tầm học (nghĩa là phải tới trình độ TS hay ít ra cũng đã dày kinh nghiệm) và có kiến thức quảng đại về văn-hóa các quốc-gia hội-viên. Những đặc tính trên rất cần thiết vì cơ-quan đặt trên bình diện quốc-tế. Nhưng đọc văn kiện thiết lập cơ-quan sưu-tầm chỉ thấy đòi hỏi ở người Giám-thủ một học thức tương đương với tú-tài về Thư-viện học và người Giám-thủ này bị đặt dưới quyền của một nhân-viên không am hiểu gì về hoạt-động thông-tin và thư-viện. Như thế đủ hiểu rằng Ban Quản-trị Trung-tâm không lãnh hội được đúng lẽ tầm quan-trọng của cơ-quan sưu-tầm thông-tin. Ngoài ra, cũng theo văn-kiện nói trên, cơ-quan sưu-tầm thông-tin chỉ được coi như một phần nhỏ của cơ-quan sưu-tầm thông-tin. Nếu cứ kéo dài mãi sự lầm lỡ kể trên và không mau mau tu sửa sự tổ-chức để phát huy cơ-quan, Trung-tâm Văn-hóa Xã-hội không thể hoàn thành được sứ-mệnh thông-tin khoa-học quốc-tế. Ngoài những nhiệm-vụ gánh vác kể trên, trong việc giao dịch với các cơ-quan sưu-tầm thông-tin quốc-gia hiện hữu hay sẽ thành lập theo cùng mục-đích, cơ-quan sưu-tầm thông-tin Hán-thành còn phải giữ vai trò lãnh đạo về vấn đề kỹ-huật sưu-tầm và nhất là trên phương diện thủ-mã tài-liệu. Thật vậy, trước khối lượng khổng lồ của các văn-kiện được xuất bản và sự eo hẹp của ngân-khoản điều hành, một chương trình thủ-đắc cần được hoạch định để tránh sự thừa-trùng và giúp việc bổ-túc một số sưu-tập thay vì thu thập rất nhiều bộ sách không đầy đủ. Và kế hoạch này chỉ có thể do một cơ-quan quốc-tế thấu hiểu tình-trạng thông tin sách báo của các quốc-gia hội-viên thực hiện. Một khi trưởng thành, cơ-quan sưu-tầm thông-tin về văn-hóa xã-hội Á-Châu Thái-Bình-Dương sẽ có thể khuyến-trưng trong phạm vi bằng cách tổ-chức và khích lệ những khóa học tập về sưu-tầm học và những công trình nghiên-cứu về Văn-hóa Xã-hội, xuất-

bản những sách chỉ dẫn và cầm nang có mục đích phổ cập trong dân-gian nền văn-hóa của các quốc-gia hội-viên (thí dụ sách báo giới thiệu những tác-phẩm nghệ-thuật danh tiếng nhất của các quốc-gia hội-viên) v. v...

Sự thành công của cơ-quan sưu-tầm thông-tin Văn-hóa Xã-hội hội Hán-Thành sẽ định đoạt sự thiết lập một số cơ-quan sưu-tầm thông-tin khác của Tổ-chức Á-Châu Thái-Bình-Dương. Nhưng sự thành công đó cũng như tương-lai của cơ-quan còn tùy thuộc sự sáng suốt của Ban Quản-trị cũng như Ban Giám-Đốc Trung-Tâm.

✦

SỰ HỢP-TÁC GIỮA CÁC QUỐC-GIA Á-CHÂU THÁI-BÌNH-DƯƠNG TRONG PHẠM-VI VĂN- HÓA XÃ-HỘI.

Trước sự thu hẹp của thế-giới và sự mở rộng của nền bang giao quốc-tế do sự tiến-triển của các phương-tiện giao-thông gây ra, sự phát-triển sinh-hoạt quần-chúng cũng như sự văn hời hòa-bình cần có sự tương-thân tương-trợ giữa các quốc-gia. Vì lẽ đó nên sau đệ nhất thế-chiến, các tổ-chức quốc-tế nhằm mục-dịch hợp-tác thì nhau ra đời, hoặc mở rộng cho mỗi quốc-gia, hoặc hạn-chê cho một số quốc-gia tùy theo địa-thể, khuynh-hướng chính-trị, v.v... Riêng tại vùng Á-Châu Thái-Bình-Dương, các quốc-gia đã cảm thấy cần có một sự hợp-tác chặt-chẽ trên mọi lãnh- vực để tiến tới sự thành lập một khối tự-lập tự-cường có thể đương đầu với mọi khó khăn hay khủng hoảng có thể xảy ra, và do đó đã hợp lại thành một tổ-chức cộng-đồng Á-Châu Thái-Bình-Dương (ASPAC). Để cụ-thể hóa mục-dịch hợp-tác nói trên, ngày 1-8-1968, nhân Hội-nghị thứ ba của tổ-chức tại Canberra, các Ngoại-Trưởng đại-diện Chính-phủ đã thỏa hiệp thành lập tại Hán-Thành một Trung-Tâm Văn-Hóa Xã-Hội Á-Châu Thái-Bình-Dương (ASPAC CULTURAL AND SOCIAL CENTRE). Các Ngoại-Trưởng đã đặt ưu-tiên cho sự hợp-tác Văn-Hóa vì lẽ Văn-Hóa là một địa-hạt tương-đối ít chịu ảnh-hưởng các cuộc tranh chấp hiện tại và có nhiều cơ phát huy sự hiểu biết và thông-cảm giữa các quốc-gia nhất.

Thực ra, Trung-tâm Văn-Hóa Xã-Hội Hán-Thành không phải là cơ-quan độc nhất chú trọng đến sự hợp-tác Văn-Hóa Xã-Hội giữa các quốc-gia trong vùng Á-Châu Thái-Bình-Dương. Tại Đông-Kinh đã có một trung-tâm nghiên-cứu Văn-Hóa miền Đông Á-Châu (Centre for East Asia

Cultural Studies), tại Tân-Đê-Ly có Trung-tâm nghiên-cứu Văn-Hóa Đông-Nam-Á (Research Centre for Regional studies), tại Karachi có trung-tâm phát-triển sách báo Á-Châu (Centre for Asian Book development program), tại Vọng-Các có chi-phòng Đông-Nam-Á của cơ-quan phát-triển giáo-dục Á-Câu (Regional Office of Education in Asia), tại Ma-ni có Viện giao-thông quán-chúng (Mass Communication Institute) và tại Kuala Lumpur có Viện Nghiên-cứu Lịch-sử Đông-Nam-Á (Institute for SEA Historical Research) cùng văn-phòng của Tổ-chức Văn - khố Đông-Nam-Á (SARBICA): đây là không kể những tổ-chức quốc-tế đặt trụ-sở tại Âu-Mỹ như Unesco, Asia Foundation, Asian Society và một số cơ-quan nghiên-cứu Văn-hóa Á-châu Tây-phương mà quan trọng nhất là Trung-tâm Đông-Tây (East-West Centre) tại Honolulu; và các cơ-quan đó đang hoạt-động ráo-riết với nhiều thành quả khác nhau. Nhưng Trung-tâm VHXH Hán-thành là cơ-quan đầu tiên do chính các quốc-gia trong vùng ÁCTBD đứng lên thiết-lập và đại-thọ kinh-phí, và cũng là cơ-quan duy-nhất có tham-vọng dự vào toàn diện sinh-hoạt văn-hóa trong vùng.

Trước khi thực-thự bắt tay vào công-việc, ban Giám-đốc trung-tâm đã thấy cần phải tổ-chức một khóa hội-thảo về sự hợp-tác trong phạm-vi VHXH giữa các quốc-gia vùng ÁCTBD, đề hội-y các đại-diện các nước hội-viên và một số chuyên-viên, học-glá trong và ngoài vùng về sự thực-thí chương-trình hoạch-định. Sau năm ngày thảo-luận các hội-thảo-viên không đưa ra được đề-nghị gì mới lạ hơn những điều đã ghi trong điều-lệ của trung-tâm; nhưng họ đã giúp ban Giám-đốc phân-tích và đặt lại vấn-đề một cách rõ ràng.

Vì phát-động, chấn-hưng, cổ-xúy Văn-hóa tại các nước trong vùng ÁCTBD, ngõ hầu nâng cao sinh-hoạt xã-hội quần-chúng, là một công-cuộc hoàn-toàn thuộc phạm-vi quốc-gia, một cơ-quan quốc-tế như Trung-tâm VHXH Hán-thành chỉ có thể góp công vào công-cuộc đó một cách gần-tiếp với tư-cách một cơ-quan trung-gian, liên-lạc và phối-hợp. Val trò bao-hàm các công-tác sau đây :

1) Khuyến-động sự trao-đổi giữa các quốc-gia hội-viên.

— Sự trao-đổi ý-kiến được lưu-ý đến trước tiên vì đối-thoại có tác-dụng làm nảy nở sáng-kiến và là lối giao thông truyền cảm nhất. Ngoại trừ Úc và Tân-tây-lan là hai quốc-gia thuộc văn-minh Tây-phương tất cả các nước trong vùng ÁCTBD đều đang phải đương đầu với một cuộc khủng-hoảng tinh-thần trầm-trọng trong dân-gian do sự xung-đột giữa nền văn-hóa cổ-truyền và nền văn-minh Tây-phương nói trên gây ra. Đề giúp giới hữu-trách tìm kiếm và áp-dụng những biện-pháp dung hòa sự Âu-Mỹ hóa quốc-gia và sự bảo-vệ và duy-tri những nét độc-đáo cổ-truyền, Trung-tâm nên tạo cho các chuyên-viên, học-glá những cơ-hội gặp-diện và đổi kinh-nghiệm với nhau, bằng cách tổ-ohra những khóa hội-thảo về những đề-tài có ích-lợi chung: hoặc một đề-tài có tính-cách kỹ-thuật như « các phương-pháp bảo-tồn di-tích văn-hóa cổ-truyền », hoặc một đề-tài có tính-cách khảo-cứu như « nghệ-thuật Phật-giáo tại các quốc-gia trong vùng ÁCTBD », hoặc một đề-tài có tính-cách thời-sự như « sự đồng-hóa các dân-tộc thiểu số ».

— Một phương-cách tăng-gia sự tiếp-xúc giữa công dân các quốc gia hội-viên đáng được trung-tâm khuyến khích trao-đổi cá-nhân. Sự trao-đổi này có thể nằm trong khuôn-khó những thỏa-uớc song hoặc đa-phương ký kết giữa các quốc-gia hay các công, tư-sở. Những giáo-sư, sinh-viên, học-sinh thuộc một quốc-gia hội-viên nào muốn tìm hiểu về Văn-hóa hoặc muốn học tiếng một quốc-gia hội-viên khác, có thể được quốc-gia này (hay một cơ-quan tại quốc-gia đó) đại-thọ chi-phí ăn ở và cho dạy hay học tại xứ họ trong một thời-gian từ 6 tháng đến 2 năm. Văn nghệ-sĩ cũng vậy, có thể được cấp học bổng đề xuất-ngoại và lưu-trú trong một thời-gian tương-tự tại một quốc-gia hội-viên bạn để học hỏi văn-hóa nước họ và tìm một nguồn cảm hứng mới qua sự đối-chất với một khung cảnh khác biệt. Chương-trình trao-đổi cần dành ưu-tiên cho những người trẻ tuổi vì dư-âm của những năm tháng sống tại nước ngoài bền-bỉ trong trí não họ hơn. Các giáo-sư trẻ tuổi có óc nhu-thuận hơn các giáo-sư nhiều

tuổi và họ sẽ đóng góp lâu hơn cho sự hợp-tác giữa các quốc-gia. Riêng về học-sinh, vì họ là những thiếu-niên chưa có mây thành-kiến, họ dễ thụ-cảm và sẽ giúp nhiều cho tinh thần-hữu quốc-tế sau này.

— Tuy nhiên, sự trao-đổi các sản-phẩm văn-hóa vẫn là thể thức hỗ-trợ được ưa-chuộng nhất. Từ mười năm nay, nhiều thỏa-ước song phương về sự trao-đổi ấn-phẩm giữa các thư-viện quốc-gia đại-học, và công-cộng vẫn được áp-dụng triệt-đề. Nhưng những thỏa-ước đó còn quá ít, cần được pháp-thức hóa và phổ-biến rộng-rãi. Vì văn-hóa phải phục-vụ quần-chúng, sự trao-đổi văn-hóa cũng phải hướng về các phương-tiện giao-thông quán-chúng như vô-tuyến truyền-hình, vô-tuyến truyền-thanh, nghĩa là phải có một kế-hoạch trao-đổi băng phim (băng nhạc, phim về sinh-hoạt xã-hội, thắng-cảnh . . .) giữa các quốc-gia hội-viên. Ngoài ra, Trung-tâm có thể tổ chức hay bảo trợ trình-diễn ca vũ nhạc kịch và triển lãm hội-họa điêu-khắc lưu-động để giới thiệu một cách sống động văn-hóa các quốc-gia hội-viên với quần chúng. Công-tác này rất khó thực-hiện vì tốn-phí quá cao và vì sự chuẩn-bị kỹ-thuật quá công-phụ, nhất là về phần các bảo-tàng viện.

2/ Phổ-biến tin-tức về VHXH đến các quốc-gia hội-viên.

— Hiện nay, tại mỗi quốc-gia trong vùng ÁCTBD, thông-tin về các quốc-gia liên-bang gần như không có. Có thể nói rằng dân chúng vùng ÁCTBD biết rõ về tình hình các nước Tây-phương hơn là tình trạng của một nước bạn trong vùng. Để bù đắp sự khiếm-khuyết trên, Trung-tâm VHXH Hán-Thành nên khuyến-cáo các quốc-gia hội-viên tu chỉnh các sách giáo-khoa làm sao cho sinh-viên học-sinh có một khái-niệm rõ-ràng hơn về các nước trong vùng ÁCTBD, nhất là về phương-diện VHXH. Sự hiểu-biết về vùng sẽ có tác-dụng khiến các thanh thiếu-niên cảm thấy rằng buộc với tương-lai của vùng, một điều rất quan-trọng đối với sự sinh-tồn của tổ chức ÁCTBC. Các sách báo băng phim đặc thù qua sự trao đổi cũng đóng góp nhiều vào sự thông-cảm giữa các quốc-dân.

— Một yếu-tố cần-bản để tìm hiểu là nghiên-cứu. Nhưng muốn nghiên

cứu cần phải có tài-liệu mà với tình-trạng bộc-phát của ngành xuất-bản hiện nay, không một quốc-gia nào có đầy đủ tài liệu để tham khảo cả. Để giúp các sưu-tầm-gia, Trung-tâm VHXH Hán-thành nên thiết-lập ngay tại trung-tâm một cơ-quan sưu-tầm thông-tin có mục-dịch cung-cấp tài-liệu hoặc giải-đáp thắc-mắc cho bất cứ ai đến thăm hỏi về một vấn-đề liên-quan đến VHXH ÁCTBD. Hồi sơ-khởi, cơ-quan này chỉ nên chú-trọng vào việc thu-thập (và khuyến-kích sự soạn-thảo) các tài-liệu tham khảo cần-bản như thư-mục, thư-tịch v. v. .

Phổ-biến tin-tức không đủ, Trung-tâm VHXH Hán-thành còn có phận-sự phổ-biến trong và ngoài vùng những tác-phẩm văn-nghệ của các quốc-gia hội-viên bằng cách xuất-bản một số sách chỉ-dẫn và bảo-trợ các công-tác dịch thuật. Vì Anh-văn được dùng làm chuyên-ngữ tại Trung-tâm nên các sách chỉ-dẫn cũng như sách dịch sẽ được in ra tiếng Anh. Đó là một điều rất bất lợi đối với các quốc-gia vùng ÁCTBD (ngoại trừ Úc và Tân-tây-lan) vì, mặc dầu mọi nước đều chủ-trương chính-sách song-ngữ tại học-đường, chỉ có một thiểu-số dân-chúng thông-thạo Anh-văn. Bởi lẽ đó, Trung-tâm VHXH ÁCTBD nên lưu-ý đến việc phiên-dịch các tác-phẩm tiêu-biểu của mỗi quốc-gia từ ngôn-ngữ địa phương này sang ngôn-ngữ địa-phương kia, và đề việc phiên-dịch các sách báo địa-phương sang Anh-văn cho các cơ-quan quốc-tế khác.

Ngoài ra, để giúp các học-glá theo dõi những công-trình văn-hóa đang tiến-hành, Trung-tâm VHXH Hán-thành nên ấn-hành một cuốn cẩm-nang kê-khai danh-tính và địa-chỉ các cơ-quan công và tư hoạt-động về Văn-hóa và Xã-hội trong hay cho vùng ÁCTBD, các tư-nhân có thành-tích về ngành này cùng những chi-tiết linh-tinh liên-hệ.

Công-việc dự-định cho Trung-tâm thật nhiều, mà ngân-khoản điều-hành dành cho nó lại tương đối quá ít (\$ US 160000 tức 19.000.000 \$ VN). Vì vậy, Trung-tâm phải đắn đo trước khi bắt đầu một chương-trình gì. Đồng thời Trung-tâm cũng phải liên-lạc chặt-chẽ với các cơ-quan Văn-hóa khác để tránh sự trùng việc cũng như đề lập và hoàn-thành dự-án chung.

Cũng như trên bình diện quốc-gia, muốn phát-triển Văn-hóa, chính-quyền không thể đứng ra làm Văn-hóa hoặc chỉ-dẫn văn-hóa, mà chỉ có thể khuyến-khích sự nghiên-cứu và sáng-tác bằng cách cung-cấp đầy đủ phương-tiện cần-thiết và gây cơ-hội thuận-tiện cho mọi công-dân trên phương-tiện quốc-tế, Trung-tâm VHXH Hán-thành không thể đảm-nhiệm việc khảo-cứu hoặc sáng-tác, mà chỉ có thể tạo mọi cứu cánh đưa đến sự thông-cảm và hợp-tác giữa các quốc-gia hội-viên. Mong mọi sự hợp-tác giữa các quốc-gia vùng ACTBD không phải là hy-vọng xây dựng một nền Văn-hóa duy nhất chung cho vùng ACTBD, vì đó là một điều không thể thành hình được bởi mỗi nước có một nền văn-hóa riêng biệt; ý nghĩa của ước-vọng đó là nhắc cho chúng ta biết rằng bên cạnh sự khác-biệt chắc-chắn có những điểm hoàn-toàn tương đồng, và Văn-hóa một nước có thể chịu ảnh-hưởng của Văn-hóa một nước khác mà vẫn có thể phát-triển một cách độc-đáo được nếu sự giao-ngộ giữa hai nền Văn-hóa xảy ra trong tình thân-mật và không-khí thông-cảm.

✱

phương-pháp-luận về xã - hội-học

Xã-hội-học là khoa-học nghiên-cứu những sự kiện xã-hội. Những sự-khien đó có thể cắt-nghĩa bằng những hệ thức, những định-luật. Thuyết quyết-định trong xã-hội-học được người ta bắt đầu lưu-ý tới từ đầu thế-kỷ 19 do Auguste Comte. Khoa xã-hội học có từ đó.

Cũng có người cố gắng rút sự kiện xã hội về những sự kiện sinh-vật-học hay tâm-lý-học. Deirkeim trái lại có công vạch rõ tính-chất đặc thù của sự kiện xã-hội và chủ-trương nghiên-cứu xã-hội theo phương-pháp chứng nghiệm. Mặt khác, xã-hội học Đức-quốc chống đối việc đồng hóa sự kiện xã-hội với sự vật thông thường mà đầu cho một cuộc tranh luận theo đó thì nhà xã-hội cũng bị lôi cuốn vào sự diễn biến xã-hội, tức ở trong khoa-học của mình.

Do đó, có những thứ xã-hội cách-mạng — mát-xít và xã-hội học toán-học chống đối nhau và cho ta thấy xã-hội học hãy còn ở trong một phạm vi chật hẹp cần-phải được bổ-túc bằng những khoa-học khác.

I. BẢN CHẤT VÀ NGUỒN GỐC XÃ-HỘI-HỌC

Muốn tìm hiểu đối-tượng và bản chất của Xã-hội-học, ta hãy so sánh Xã-hội-học với Sử-học.

1° Xã-hội-học và Sử-học

A. Hai khoa-học đó khác nhau như thế nào? Theo một quan-điểm hiện thực chặt hẹp thì hai khoa-học đó cũng một đối-tượng; nghiên

cứu xã-hội con người. Thật là một sự lầm lẫn tẻ nhạt. Có những dị biệt căn bản không thể chối cãi giữa hai học khoa đó.

Trước hết, *đối tượng của Sử-học xếp đặt theo thứ tự thời gian*, các phần biệt lập nhau (triều Trần khác triều Lê) và các biến cố là độc nhất không tái sinh. *Đối-tượng của xã-hội học trái lại xếp đặt theo thứ tự ngoài thời gian* trong đó các phần sống chung với nhau, đặt kề nhau và kinh-nghệm được nhắc đi nhắc lại. Thí-dụ : Nghiên-cứu hiện tượng tôn-giáo. Sử-gia cho thấy chỗ độc-đáo của tôn-giáo cổ xưa (chẳng hạn, tôn-giáo thờ loài-vật — totémisme) đối với tôn-giáo kim thời (chẳng hạn, Công-giáo, Phật-giáo). Xã-hội-học gia đi tìm một khái niệm xã-hội về tôn-giáo, cố gắng khám phá ra những định-luật chi phối hiện tượng tôn giáo nói chung, khái-niệm và định-luật cho cả tôn-giáo cổ thời lẫn kim thời.

Mục đích của hai khoa-học cũng khác. Sử-học nghiên-cứu xã-hội trong *viễn tượng quá khứ*, tức là nhằm lập lại một cuộc diễn biến lịch-sử Xã-hội-học nghiên-cứu xã-hội con người trong *viễn tượng định-luật* (perspective de la légalité), tức là nhằm quy định một hệ-thống định-luật về xã-hội. Một đảng có mục-đích lập lại một cuộc tiến hóa đã qua, một đảng quy-định trong cuộc tiến hóa đó một lời cắt-nghĩa phổ-quát ; một đảng chú ý tới mọi sự kiện kể cả sự kiện bất thường, một đảng chỉ nắm lấy những sự kiện chính yếu mà ý nghĩa nhắc đi, nhắc lại nhiều lần.

$$\text{Sử-học} = \frac{\text{Biến - cố}}{\text{Hệ thức}} ; \text{Xã-hội học} = \frac{\text{Hệ thức}}{\text{Biến - cố}}$$

B. Hai khoa-học đó bổ túc cho nhau như thế nào.

Trên đây là những điểm dị biệt trên lý thuyết. Trên thực tế, trong sông cuộc sưu-tầm, hai khoa-học đó tiếp-súc trao đổi nhau.

Trước hết sử-học rất cần đến xã-hội-học. Thật thế, việc cắt-nghĩa bằng nguyên-nhân trong sự học. Về điểm này, tưởng cũng nên nhắc lại cuộc tranh-luận hồi đầu thế-kỷ này giữa Simiand và Selgnobos.

Selgnobos cho rằng trong lịch-sử mỗi trường hợp riêng cần phải có một lời cắt nghĩa riêng. Simiand, trái lại, cho rằng chính cái giá trị của việc giải thích lịch-sử là ở chỗ việc giải thích đó đã áp dụng một hệ-thức có giá trị phổ-quát vào một trường hợp riêng (nói khác đi : đề lấy nguyên-lý cắt nghĩa hậu quả).

— Sau nữa, có thể nói xã-hội-học phát xuất từ sử-học. Sử-học cung cấp tài liệu để dựa vào đó, xã-hội-học khám-phá và nêu ra định-luật. Và cũng là trong những mâu-thuẫn của sử-học mà nhà xã-hội-học nhận thức được định-luật này hay định-luật khác.

Định-nghĩa xã-hội-học : Khoa-học về những định-luật cho biết cái kiến-trúc bên trong của những nhóm đoàn nhân-loại (từ đó có hai khoa : Giải-phẫu xã-hội và Thê-chất xã-hội), sự tiến hóa bên trong và tương quan giữa các nhóm-đoàn đó với nhau (từ đó có các khoa : Sinh-lý xã-hội-học, Động-học và Tĩnh-học xã-hội).

2° Nguồn gốc của xã-hội-học.

Phải đến thế kỷ 19, xã-hội mới được thành lập với Auguste Comte. Trước đó, xã-hội học cũng có những tiền trang đáng kể, qua những trạng thái kế tiếp đó người ta thấy « Thuyết quyết định trong khoa xã-hội-học được xác nhận ngày một mạnh mẽ và thúc đẩy môn học có như thế nào ».

A. *Thời cổ xưa*, hầu như chưa có xã-hội học. Cuốn La République của Platon chỉ là cuốn triết-học thuần-luận về chính-trị. Cuốn Politique của Aristote cũng không hơn xa một cuốn công dân giáo dục, trong đó người ta cũng nhắc được một số tư tưởng hay, chẳng hạn « Chính trị chẳng đào-luyện người một cách độc đoán ; chính trị chấp nhận con người theo bản chất thiên-nhiên và cố gắng rút ra ở đó cái hay cái đẹp ». Phải khác kỷ (les stoiciens) cũng đưa vào việc khảo-sát những vấn-đề chính-trị, xã-hội, luật-pháp ý niệm về Luật-pháp Thiên-nhiên (Droit Naturel) vươn lên luật pháp của con người để làm nền tảng cho luật pháp đó.

B. Thế kỷ 18. Đây là thời kỳ của những phát-mình khoa-học và những cuộc du-lịch lớn lao. Người Âu-châu có dịp tiếp-xúc với các xã-hội và dân-tộc khác. Ý-thức so-sánh các xã-hội đó với nhau phát-sinh. Nhiều tác-phẩm được viết nêu về các xã-hội đó. Chẳng hạn Jean Demeunier với cuốn « Tinh lý của những phong tục tập quán của các dân-tộc » (1778), Lafitan với cuốn « Phong-tục của Mọi châu Mỹ so-sánh với phong tục thời thái-cổ (1724). Vico viết triết-học về sử-học (có ý nghĩa quan-trọng là : vươn lên trên những cuốn sử viết, người ta còn phải tiến tới một cái gì cao hơn). Kinh-tế học cũng phát-triển theo hướng thực nghiệm với Jean Bodin và Adam Smith.

Nhưng về những nguyên-lý đầu gây dựng cho xã-hội học sau này, ta phải kể công của Montesquieu, Jean J. Rousseau và Condorcet. Montesquieu trong cuốn « Tinh-lý của pháp luật — Esprit des Lois — 1748 » nhận định : « Luật lệ và phong tục không phải tình cờ mà có, mà là sự cần-thiết tự nhiên » (có nghĩa là : người ta có thể cắt-nghĩa được sự xuất hiện của định chế này hay định chế khác). J. J. Rousseau trong cuốn « Khế-ước xã-hội — Contrat Social, 1762 » cũng ghi nhận « Luật-pháp là biểu thức của ý chí tập thể ». Condorcet trong cuốn « Phác-họa lịch-trình tiến bộ của trí óc nhân-loại — Esquisse d'un tableau historique des progrès de l'esprit humain, 1794 » chú-trọng nghiên-cứu xã-hội loài người như nghiên-cứu xã-hội loài vật như con ong, con hải-lý.

C. Thế kỷ 19. Nhà kinh-tế học Saint Simon trong cuốn « Hồi ức về những khoa-học về con người — 1813 » cũng xác nhận « Sự tiến-bộ là một sự kiện không lệ thuộc vào chúng ta ». Nhưng rồi người đặt nền móng chính cho khoa xã-hội học là Auguste Comte (1798-1857). Theo Auguste Comte thì sự cần-thiết tự-nhiên chi phối cả nhà làm luật. Kể đến là « luật ba trạng thái » đã có một công dụng lớn trong các khoa sử-học, xã-hội học, kinh-tế học : trí óc con người đã trải qua ba thời kỳ là thời kỳ thần-học, thời kỳ siêu-hình và thời kỳ thực-nghiệm. Ông lại chia những định-luật xã-hội ra làm hai loại : định-luật sống chung (lois de coexistence) và định-luật kế-tiếp (lois de succession), từ đó người ta có 2 ngành : Tĩnh và Động-học về xã-hội.

II. XÃ-HỘI HỌC LÝ-THUYẾT

Có hai trào lưu tư-trường đại để chống nhau ta cần xét lần lượt :

I. Tư trào Pháp quốc.

Công lao đầu trong Xã-hội học Pháp quốc là của Durkheim. Trước khi trình bày học thuyết của ông, hãy nói ít điều về các môn phái khác.

A. Thuyết sinh vật-học trong xã-hội học. Thuyết này do René Worms đề xướng trong cuốn « Cơ thể và xã-hội » năm 1896. Nguyên-tắc căn bản là : Xã-hội là một cơ thể. Vậy người ta có thể nghiên-cứu xã-hội như nghiên cứu một cơ thể với các bộ-phận, các chức vụ của bộ phận đó. Cái nhâm của thuyết sinh-vật học là quên tính cách con người trong sự kiện xã-hội học. Chỉ cần 2 yếu-tố trí sáng và ý-thức của con người vào là những hoạt-động xã-hội của con người đã có những bản chất phức-tạp vô cùng không thể nghiên-cứu với những phương-pháp thông thường của sinh vật học.

B. Thuyết tâm-lý-học trong xã-hội học.

Thuyết này do Gabriel Tarde đề xướng trong những : Khảo về những định luật trong sự bắt chước (1890), Nghiên-cứu tâm-lý xã-hội (1898). Theo Tarde thì « xã-hội học cũng chỉ là một thứ tâm-lý học phóng đại », Mọi biểu lộ xã-hội đều có nguồn gốc trong tâm-lý cá nhân. Cá nhân phát-mình và xã-hội bắt chước. Xã-hội là một tập hợp cá nhân đang bắt chước lẫn nhau. Cái nhâm của thuyết tâm-lý học là đã lỵ trong một cái vòng luân-quần. Tâm-lý học không phải đã có trước xã-hội học để tạo ra nó. Nếu tâm-lý học giúp đỡ tác-động xã-hội học thì ngược lại xã-hội học cũng giúp đỡ và tác-động tâm-lý học. Và giả thử rằng tâm-lý học có trước, thì việc suy từ tâm-lý-học ra xã-hội học người ta cũng gặp nhiều rủi ro nhầm lẫn : nhầm lẫn trong việc suy từ tâm-lý cá-nhân ra tâm-lý tập thể, từ tâm-lý tập thể đến những hệ thức bất biến của xã hội học. Suy luận như thế thường lại dễ đi đến chỗ ngây

biện và chỉ có cái bề ngoài là sự thật mà thôi. Rút lại, các nhà luận lý cho rằng phái tâm-lý học đã nhầm lẫn ngay từ trong những định-luật để phân loại các khoa học (erreur de classification).

C. Thuyết thực-nghiệm của Durkheim.

a. Sự kiện xã-hội - Khởi đầu Durkheim nhận định lại về bản chất của sự kiện xã-hội. Theo ông thì sự kiện xã-hội có tính-cách đặc thù. Trật tự xã-hội là một trật tự riêng biệt không thể đồng hóa với trật tự sinh-lý hay trật tự tâm-lý được. Trật tự xã-hội không phải chỉ có ở bề ngoài. Một định chế xã-hội bao giờ cũng bao hàm một ý nghĩa sâu xa bên trong nó. Người ta không thể chỉ dừng ở một thứ xã-hội học hình thức (sociologie formelle) quá giản lược, trừu tượng và thiếu sức sống. Một toàn bộ không đồng nhất với tổng số các phần, nó còn là một cái gì cao sâu hơn nữa và có những đặc tính riêng khác với đặc tính của các phần mà nó tập hợp lại.

Vậy xã-hội không phải chỉ là một tập hợp cá nhân. Xã-hội gồm những định chế chẳng? - Phải, nhưng sau những định chế (pháp luật, ngôn-ngữ, phong tục, tập quán...) còn có một cái gì khác nữa: những tương quan để bảo tồn những định chế đó, để cho chúng có một sức mạnh, có một ý tưởng sâu xa. Về tầm quan trọng của những tương quan, thí dụ sau đây chứng tỏ điều đó: dưới thời Đức chiếm Pháp kỳ Đại chiến II, chế độ Vichy không được đại đa số quốc dân Pháp công nhận, người ta sống trong thứ tự-do thậm vọng và hỗn loạn.

Durkheim cho rằng những tương-quan đó không phải là những sự kiện thể chất mà chỉ là những ý tưởng: những tinh-cảm những lẽ lối suy nghĩ và hành động, một lẽ lối quan niệm công-lý chẳng hạn... Và mặc dầu chỉ là những ý tưởng thuộc tâm trí con người, những tương quan đó không có tính cách cá nhân mà trái lại có tính cách tập thể và cưỡng bách:

Sự kiện xã-hội có tính cách tập thể tức là không phải có tính cách

cá nhân; nhưng cũng không có tính-cách phổ-quát (universel) hay tổng-quát (général). Không có tính-cách phổ quát đại-dồng: phép tính cộng, trừ, nhân, chia có tính cách phổ-quát đại-dồng, nhưng một đạo-luật thì chỉ được tác tạo nên cho một nhóm người nhất định (quốc gia) không có tính cách tổng-quát: trong một nhóm đoàn nhất định sự kiện xã-hội không phải bao hàm tất cả mọi cá nhân không trừ một ai, chẳng hạn, sự kiện ngôn-ngữ trong một nước đâu có phải ai ai cũng sử dụng khi mà còn những người câm, người ngu, con nít?

Sự kiện xã-hội-học có tính cách cưỡng bách. Những định chế xã-hội được duy trì là nhờ ở các thứ trừng phạt (hay chế tài), và nhờ cả một thứ quyết-định-thuyết tự-nhiên (déterminisme naturel) ngoài cả ý muốn con người. Chẳng hạn những sự kiện kinh-tế và ngôn-ngữ được tiến hành hầu như ngoài cả ý muốn của cá nhân. Về chế tài, cũng có hai hình-thức: hình thức có tổ-chức (tòa-án) và hình thức không tổ-chức (luơng tâm, dư luận).

b. Phương-pháp xã-hội-học.

Từ những nhận định trên kia về sự kiện xã-hội, Durkheim đưa ra đại cương phương-pháp chứng nghiệm sau đây:

1. Coi sự kiện xã-hội như sự vật.

Đây là hệ luận của nhận định trên kia: sự kiện xã-hội là những sự kiện tập thể. Và đây cũng là điểm tranh luận đề các nhà xã-hội học Đức quốc chống đời học thuyết Durkheim. Theo Durkheim, sự kiện xã-hội là sự kiện tập thể, vậy không thể dùng điều-tra cá nhân được. Một cá nhân có thể vừa không biết việc lại vừa chủ quan thiên lệch. Sự kiện xã-hội phải được nắm lấy từ ngoài bằng những tài liệu, nhất là những tài liệu viết (documents écrits). Tài liệu viết lại càng cần thiết hơn nữa khi ta khảo sát những sự kiện đã qua, trong quá khứ.

2. Mượn sử học, nhất là sử học đối chiếu.

Nhà xã-hội học tất nhiên không viết sử, mà ở trong sử học đi tìm xác định tinh lý của sự vật, đi khám phá những định luật phổ quát. Thí dụ: nghiên-cứu *chế-độ chính-trị đại-nghị*. Chế độ đó xuất xứ ở Anh-quốc, từ thủ tục « *empeachment* » theo đó các viện có thể loại trừ một bộ-trưởng mà nhà vua không thể can thiệp vào được.

Người ta đối chiếu lịch sử Anh với lịch sử các nước khác cũng có chế-độ đại-nghị để từ đó tìm ra một hệ thức chung cất nghĩa quá trình xuất hiện và thành lập của chế-độ đại-nghị.

3. Mượn khoa nhân chủng học.

Có nhiều xã-hội chưa có lịch sử mà chỉ có những huyền thoại. Khi ấy người ta không thể dùng lịch sử được. Người ta phải khảo-sát tại chỗ hoặc khai thác những pho du-ký viết ra về những xã-hội đó. Sau lại có khoa nhân-chủng học nghiên-cứu riêng những xã-hội bán khai, chưa được kỹ-nghệ hóa. Trong những xã-hội này cũng có những định chế có thể đem so sánh với định chế của những xã-hội tân tiến. Chẳng hạn Durkheim cho biết cái tổ-chức « *clan* » trong xã-hội cổ thời còn thờ loài vật (*clan totémique*) cũng có những điểm giống như tổ-chức gia đình của chúng ta.

4. Dùng thống kê học. Thống kê học là khoa nghiên-cứu và diễn-tả các hiện tượng bằng con số và bảng đồ thị. Trong khoa xã-hội học Durkheim cho rằng phương-pháp thống kê có thể dùng thay cho phương-pháp biến thiên song đồng trong vật-lý học thông kê có 2 công dụng:

— Công dụng khám phá: giúp ta nối kết hai hiện tượng biến thiên song đồng, chẳng hạn giữa giá than lên cao và tiền công thợ mỏ cũng được tăng cao.

— Công dụng đồ thị giúp ta có một cái nhìn quán xuyên và cụ thể về sự biến thiên của một hay nhiều hiện-tượng. Tất nhiên người ta phải có những kỹ-thuật riêng để thành lập những đồ thị cho được tính

tường và dễ hiểu.

Tuy nhiên, việc sử dụng thống kê học cũng gặp nhiều khó khăn: nhiều khi những giả thiết (*données*) của thống kê không được xác thực (kê điều tra không biết lối điều tra; người trả lời không biết lối trả lời hoặc chủ tâm nói dối); những con số của thống kê nhiều khi không được sử dụng được trực tiếp, người dùng còn phải dẫn giải và tổng hợp các con số.

2. Tư trào Đức quốc.

Trong khi các nhà xã hội học Pháp, tiếp sau A.Comte hướng mạnh về phương-pháp chứng nghiệm, thì các nhà xã-hội học Đức, tiếp sau Dilthey, hướng về chủ nghĩa nhân bản. Một hiện tượng về con người không thể đơn thuần coi là một hiện-tượng thiên-nhiên, đầu hiện tượng đó có tính chất đặc thù. Sau đây kê một vài thuyết chính:

A. Tonnies với khoa điển hình học (*typologie*).

Trong cuốn « *Cộng đồng Xã-hội* », khoảng 1944, Tonnies trước hết cũng chủ trương rằng đối tượng của xã-hội-học là sự vật. Nhưng sự vật ở đây khác sự vật của Durkheim: đó là những *thực thể nhân tính*, những *kiểu mẫu tương quan*. Những *kiểu mẫu* hay *điển hình* (*types*) này được phân chia dựa vào sự phân biệt căn bản về tâm lý giữa 2 thứ ý chí của con người là *ý chí sâu xa* và *ý chí chọn lựa*. Ý chí sâu xa xác-định nên *kiểu mẫu cộng đồng* (*communauté*) như gia đình hay vợ chồng; và ý chí chọn lựa chỉ xác định nên *hội xã* (*société*) trong đó có sự trao đổi bằng khế ước. Trong cộng đồng cá nhân thành một nhóm chặt chẽ và tự cảm thấy sống trong chính « *nhà mình* »; trong xã-hội người ta có cảm tưởng như sống trong « *đất lạ* ».

B. Max Weber và những điển hình lý-tưởng. Đến Max Weber thì ý niệm về một thứ *kiểu mẫu* (*điển hình*) lý tưởng mới được kiện toàn và trở nên tinh tường. Trước hết, Max Weber cho rằng xã-hội học cốt yếu có *tính cách lý hội*. Nhưng xã hội học khác tâm-lý học

ở chỗ : Tâm lý xét toàn bộ đời sống tri-tuệ, còn xã hội học thì giới hạn vào những kiểu mẫu thuần lý mà những phản ứng cá nhân chỉ là những sai lệch, những khuấy động — (Cũng như nói : tập thể có một lối cảm nghĩ chung, cá nhân có thể có một lối cảm nghĩ khác với lối chung đó). Cho nên những điển hình ở đây không phải là những điển hình về hình thức như Tonies, cũng không phải là những ý tưởng tập thể (mọi người hình dung như thế). Những điển hình theo Weber là những khuynh-hướng, những ý lực, những tư trào chúng xác định nên một trạng thái xã-hội nhất định.

C. Max Scheler với khoa xã-hội học hiện tượng. Xã-hội học của Scheler lại còn nhân bản hơn nữa. Trong cuốn « Bản-chất và hình thức của thiện cảm » (Nature et Formes de la Sympathie), Scheler nêu nguyên-tắc : « Con người có thể có ý-thức trực tiếp về kẻ khác. Vậy có thể có một sự hòa hợp trọn vẹn giữa Anh và Tôi. Đây không phải chỉ là sự truyền nhiễm. Quả chúng, vốn chưa phải là một xã-hội, thương lấy nhau. Trá lại trong một khối cộng đồng, cái kinh-nghiệm sống chung với nhau lâu dài khiến cho cá nhân có thể ý thức trực tiếp trọn vẹn toàn bộ khối cộng đồng của hẳn ta. Nếu mới nhất thống che có tính cách giả tạo, phiến diện, hình thức, thì con người mới chỉ làm nên một hội xã (société). Có mỗi đoàn-kết tinh thần thì con người lập thành được một tập thể (personne collective). Thí dụ : gia đình (cộng đồng) ; công ty hợp tư (hội xã) ; đoàn thể tôn-giáo (tập thể).

30 Monnerot với phong trào chống Durkheim.

Mấy thuyết của xã-hội học Đức quốc cho ta hiểu rõ thêm về phong trào chống học thuyết Durkheim. Trở lại nước Pháp. Một nhà xã-hội học mới, ông Jules Monnerot là người chủ-trương bài Durkheim sâu sắc và rõ rệt hơn cả. Trong cuốn « Những sự kiện xã-hội không phải là sự vật », năm 1946, Monnerot chủ trương một thứ xã-hội học nặng về hiện tượng học và chủ nghĩa nhân bản. Ông khơi đi từ ý tưởng mỗi chủ thể

(mỗi cá nhân) là một « thân phận làm người » vào một không gian và một thời gian nào đó. Xúc cảm tính của con người cũng là một phương tiện để nhận thức. Xã-hội chỉ có thể nhận thức được, sống trải được là do ý thức cá nhân. Vậy thì sự kiện xã hội, lãnh hội bằng ý thức, không phải là sự vật và phương-pháp của Durkheim không thể dùng được.

Bỏ ngoài những chỗ quá đáng trong thuyết của Monnerot ta cũng thấy được cái ý nghĩa sâu xa của lời chỉ trích của ông : Theo Durkheim, chúng ta sẽ mâu thuẫn khi vừa chủ trương sự kiện xã hội là sự vật, khi vừa chủ trương đó là những ý tưởng (representations). Hoặc chúng là ý tưởng thì ta phải dùng phương-pháp lý hội ; hoặc là chúng không thể đạt tới bằng lý hội thì khi ấy chúng lại không là ý tưởng nữa.

Nhà xã-hội học cũng là một người của xã-hội. Nhà xã-hội học chỉ có thể đạt tới một sự khách-quan tương đối sau khi nhận rõ rằng những trạng thái xã-hội do cá nhân sống trải là mối gây nối kết xã hội với cá nhân.

III. XÃ HỘI HỌC ĐẤU-TRANH (Sociologie engagée).

Sự thất bại một phần nào của xã-hội học Durkheim do hai nguồn gốc ; trước là người ta quên rằng nhà xã-hội học cũng là một phần tử xã-hội và với tư tưởng rằng xã-hội học có thể khách quan tuyệt đối (nhà xã-hội học ở ngoài xã-hội) ; sau là người ta quên một chân lý thuộc phương-pháp học của mọi ngành học theo đó thì « muốn rõ một trạng thái xã-hội, thì người ta thay thế nó đi, làm nó biến đổi đi ».

Cho nên thêm vào câu chuyện phê bình lý thuyết của Monnerot, là các chủ trương xã-hội học thực tiễn đấu tranh của Marx và Moreno.

1. Thuyết của K. Marx.

Học thuyết Marx là một học thuyết cách mạng. Theo những người Mác-xít thì học thuyết của họ là một kỹ-thuật biến đổi xã-hội được nêu thành một phương-pháp nhận thức (hay nhận thức quan). Người Mác-xít

là người tình nguyện (engagée). Cho nên ông Trần đức Thảo đã cho rằng nhà tư tưởng trường giả không thể hiểu được thuyết Mác-xít bởi lẽ thuyết đó không phải được làm ra cho họ; nói khác đi, thuyết Mác-xít chỉ có thể hiểu được đối với những kẻ nào chấp nhận chương-trình cách mạng của người Mác-xít.

Khái quát về xã-hội học Mác-xít như sau :

A. Đó là một lý thuyết biện chứng.

Sự kiện xã-hội có tính cách đặc thù. Nhưng sự kiện xã-hội không thể lý hội được nếu bị tách rời khỏi những hiện tượng chung quanh, kể cả sự kiện tâm lý. Sự kiện xã-hội không bao giờ ở trong trạng thái tĩnh mà trái lại luôn luôn biến dịch. Mỗi sự kiện bên trong đều chứa chất một mâu-thuẫn, những biến chuyển nối tiếp về lượng sẽ diễn dịch sau một thời-gian nào đó, bằng một biến chuyển lớn lao về phẩm.

B. Đó là một lý thuyết duy-vật.

Sự kiện xã-hội không phải là ý tưởng, mà là những thực thể khách quan ở ngoài ý thức con người. Hạ tầng cơ sở của xã-hội là tương-quan kinh-tế; thượng tầng là văn-hóa chính-trị, tôn-giáo... sản phẩm của hạ tầng và biến chuyển theo hạ tầng...

C. Đó là một lý thuyết cách mạng.

Thực hiện cách mạng đặt định trước, như vậy thuyết Mác-xít nặng về chủ nghĩa duy dụng (prag-matisme).

2. Khoa xã-hội toán học của J. Moreno (Sociométrie).

Đây là thuyết chống Mác-xít. Trong cuốn Who shall survive. New York, 1934, J. Moreno lợi dụng khoa tâm-lý học và toán học về xã hội học gọi là xã-hội toán học.

A. Xã hội toán học là một khoa xã-hội học vi phân (sociométrie → microsociologie).

Ngược lại với Durkheim, khoa xã-hội toán học không nhằm chiếu sáng các chức phận xã-hội trong những nhóm đoàn lớn, mà chỉ trong những nhóm đoàn nhỏ như gia đình, xưởng thợ...

B. Xã hội toán học theo thuyết nhân bản. Ngược lại với Mác-xít, Moreno chú trọng vào những phản ứng cá nhân ở trong nhóm đoàn, đôi ba lúc theo phương-pháp phân tâm học một phần nào.

C. Xã hội học là một thuyết cách mạng — Phương-pháp của Moreno nhằm hai điều :

— Khi thì lập những bản điều tra đề cho người điều-tra sống hòa đồng với kẻ « bị điều tra » để biết thực trạng và phản ứng cá nhân tỉ mỉ ;

— Khi thì thực hiện những cuộc cách mạng nho nhỏ (khởi từ cái nhân, gia đình, xưởng thợ...) để thanh toán một tình trạng xã-hội căng thẳng hay có dấu hiệu tật bệnh.

KẾT LUẬN. Xã hội học ngày nay cũng lâm vào một căn bệnh với sử học : Xã-hội học gia cũng như sử-gia ở trong khoa học của họ.

Hãy còn ngập ngừng về bản chất của đối tượng, ngập ngừng về cách điều hiệp các nguyên-nhân (đi từ riêng tới chung hay ngược lại ?) xã-hội học đòi hỏi được bỏ tức bằng một khoa-học lấy ngay cá-nhân-thể làm đại-đồng-thể.

giấc mơ trong phân tâm học

I. Ý-nghĩa của giấc mơ.

Đố ai nằm ngủ không mơ? tựa một bài hát đã diễn tả được chân-lý sâu xa nhất của con người. Các giấc mơ thường đưa ra những cảnh không thể tưởng-tượng được. Có nhiều người chưa hề biết nủi lại nằm mơ thấy đang leo núi, rơi xuống vực thẳm không đáy. Giấc mơ khác lại đưa người nằm ngủ bay bổng lên mây. Người mơ thấy đi du-lịch trốn chạy những cảnh hỗn độn. Những hoàn cảnh trong giấc mơ thường rất phức tạp và không thể giải thích được. Có những giấc mơ mà khi tỉnh thức ta không dám nhớ lại vì chúng đi ngược lại với tất cả những mẫu mực luân-lý.

Sau đây là một giấc mơ rất thông thường, do những ước muốn thầm kín mà một cô gái đã trải qua :

« . . . Em đang ở trong một căn phòng âm u. Giữa phòng có kê một cái quan tài. Trong quan tài là xác của một đứa bạn em, con Y. Đứa bạn này rất thân với em, chúng em rất thương nhau. . . Trong giấc mơ, em tự nói « Đố ! cũng như lần trước cách đây hai tháng. Lần đó con nó chết . . . »

Giấc mơ ngắn ngủi và có vẻ rất đơn giản. Giấc mơ có vẻ như thật đơn giản vì « cô gái nằm mơ thấy cô bạn chết ! Đâu có gì cần phải giải thích ». Giấc mơ mang nặng một ý-nghĩa mà người con gái biết sẽ không bao giờ dám nhắc lại giấc mơ. Cô gái đã không nằm mơ thấy người bạn chết. Thật ra cô ấy đã ước mong cho người bạn chết ».

Trong đời sống của cô gái đã có những sự kiện xảy đến rất đúng với giấc mơ :

1/ Cô Y có một đứa con nhỏ và trước đó hai tháng đã chết.

2/ Trong đám tang cô gái đã gặp lại anh của Y người mà nàng vẫn yêu thầm nhớ trộm.

3/ Nàng rất mong gặp lại anh của Y nhưng lại không dám tự tiện và đường đột hẹn hò để gặp mặt.

Dựa vào sự kiện này ý-nghĩa của giấc mơ trở nên rõ ràng hơn. Trong vô-thức cô gái ước muốn gặp lại người yêu đã đưa đến kết-luận « nếu con Y chết, anh nó bắt buộc phải quay trở về để lo việc an táng và mình sẽ gặp lại anh ấy ». Trong giấc mơ nổi bật một ước muốn của cô gái : gặp lại người yêu nhờ đám táng của cô Y người bạn rất thân. Không hẳn cô ta cầu cho người bạn chết, nhưng vô-thức đã đưa ra một giải-pháp đi thẳng đến mục đích mà không quan-tâm đến phương-tiện hoặc luân-lý, phong-tục tập quán, vô-thức chỉ tìm và đưa ra con đường ngắn nhất và dễ đạt nhất để đạt mục-tiêu.

Những giấc mơ khi do lý-trí tỉnh-thức suy đoán thường có vẻ vô-lý và kỳ-dị. Bắt đầu kể một giấc mơ ta thường nói « Đêm qua tôi nằm mê kỳ hết sức. Tôi thấy. . . » hay là « Tôi nằm mơ thật vô-lý. Tôi. . . » Nhưng tính cách vô lý này chỉ hiện rõ khi người nằm mơ đã tỉnh thức, không còn ngủ nữa. Khi đang nằm mơ không bao giờ ta thấy giấc mơ vô lý hoặc những hình ảnh đang diễn ra đây về kỳ-dị khó hiểu. Không bao giờ ta ngạc nhiên cả về những gì xảy ra trong giấc mơ, ta sống những sự việc đang xảy ra coi như đây là những sự việc tự nhiên, và hợp lý. Giấc mơ không bao giờ bị lý-trí chi-phối vượt qua mọi lương-trí và đạo-đức. Giấc mơ không bị ràng buộc bởi lý-luận hay phong-tục tập quán vì nó bắt nguồn từ vô thức.

Giấc mơ là kết-quả của bộ óc hoạt-dộng trong giấc ngủ. Khi tỉnh thức mới thấy vô-lý vì lời diễn tả tự-tưởng lúc thức và khi ngủ khác nhau. Mỗi giấc mơ mang một hình-thức đặc-biệt như các giấc mơ sau đây :

Giấc mơ thứ 1. Người nằm mơ là một thanh niên 25 tuổi, độc thân :

«... Tôi đang đi xe đạp và đi về phía một vườn hoa thật đẹp cửa đang mở rộng. Bỗng nhiên tôi thấy bánh xe trước bị hỏng và đang xi hơi lần lần. Tôi xuống xe trong khi người coi vườn tiến về phía tôi. Ông ta là một người lớn tuổi, khi thì mặc đồng phục cảnh-sát, lúc lại mặc áo đồng của lính mục. Ông ta quát tháo âm ỹ. Tôi cảm thấy hết sức nhục nhã và bỏ chạy trốn. Chiếc xe đạp bị tôi bỏ rơi dưới đất và trên tay đang cầm cái bánh xe bị hỏng. Cứ thế tôi gõ cửa một ga-ra. Người thợ sửa xe ra mở cửa, mặc một cái áo choàng trắng... Tôi tỉnh dậy lo sợ và mồ hôi ướt đầm áo».

Giấc mơ thứ 2. Người nằm mơ là một thanh niên 18 tuổi :

«... Tôi đang đi dạo trong một khu vườn toàn hồng bạch. Trước mặt tôi, nằm dưới đất, tôi thấy một khúc cây cong queo, gút mắc. Tôi dùng cành cây đó quật ngã hai ba bông hồng, sau đó tôi cầm cành cây xuống đất một cách tàn bạo... Tôi thức dậy và cảm thấy khoái lạc vì xuất tinh».

Giấc mơ thứ 3. Người nằm mơ là một thiếu nữ 23 tuổi :

«Tôi mặc quần áo đen và đứng trên bờ hồ. Bỗng nhiên tôi cảm thấy đã nhầy xuống nước và đang bơi về phía bờ bên kia. Tôi hoàn toàn trần truồng. Bất thần bờ hồ bừng sáng và trên bờ hồ tôi thấy những di-phước đang vul về ra đầu cho tôi. Tôi đã nằm mơ thấy như vậy cách đây tám ngày và tôi cảm thấy thật hoàn toàn sung sướng, không biết đến bao nhiêu mà kể...»

Giấc mơ thứ 4. Người nằm mơ đàn ông 30 tuổi :

«Tôi đang đứng trên ke của một nhà ga rộng lớn và tôi đang đợi chuyến xe tốc hành để leo lên đầu máy to lớn của nó. Tôi thấy chuyến xe đang đi tới, do một chiếc đầu máy nhỏ xíu và nôi súp de được đốt bằng những cây que... Tôi cảm thấy thật là khổ sở và thức dậy vì đang khóc.»

Mỗi người khi thức giấc, nếu đã trải qua một giấc mơ hãi hùng đều muốn tìm hiểu ý-nghĩa, muốn đoán hậu-quả của giấc mơ ấy. Ai nấy đều tin tưởng giấc mơ mang nặng một ý-nghĩa báo trước một tương-lai sáng lạn hay một tai nạn cần tránh. Trong phân tâm-học, các giấc mơ đều có

ý nghĩa nhưng ý nghĩa ấy không hoàn toàn giống như mọi người tưởng. Ý-nghĩa của giấc mơ thật hiển nhiên vì mỗi người ra khỏi giấc mơ với một trạng thái đặc-biệt : người trong giấc mơ thứ 1 thức giấc vì lo sợ, cậu thanh niên 18 tuổi thức dậy với khối cảm dục-tình, cô thiếu nữ trong giấc mơ thứ 3 cảm thấy hoàn toàn sung sướng, người đàn ông 30 tuổi vì khóc mà thức dậy.

Chúng ta hãy tìm lời giải thích giấc mơ thứ 3 và thứ 4.

Giấc mơ thứ 3. Sau đây là những câu hỏi và trả lời làm sáng tỏ giấc mơ của cô thiếu nữ. Nhờ cuộc đối thoại với cô gái tôi đã tìm được ý-nghĩa về giấc mơ của cô ta :

Câu hỏi

Trả lời

Trong đời sống hàng ngày, cô nghĩ đến việc gì nhiều nhất ? : — Sự trong sạch của tâm hồn hợp với nền luân-lý. Làm sao để lương-tâm đừng cắn rứt.

Tại sao cô lại bận tâm về điều này ? : — Tôi hằng bận tâm về vấn đề trong sạch vì... vì tôi cảm thấy chưa được trong sạch để thực hiện điều tôi muốn làm.

Cô ước mong thực hiện việc gì ? : — Ước vọng duy-nhất của tôi là được mặc áo nhà dòng (nghĩa là đi tu). Muốn đi tu tôi phải tự từ bỏ vật chất và trở nên hoàn thiện hoàn mỹ.

Chắc các bạn cũng đã thấy giấc mơ của cô thiếu nữ trở nên sáng sủa dưới ánh sáng của cuộc đối thoại trên rồi chứ ? Giấc mơ gồm ba yếu tố :

1. Tôi mặc quần áo đen. Yếu-tố đáng chú-ý chính là màu đen. Màu đen là màu u tối, âm u, buồn bã. Nó cũng còn tượng trưng cho tang tóc, khiêm nhường, đau khổ. Quần áo đen trong giấc mơ nhắc nhở nỗi buồn và sự khiêm nhường vẫn ám ảnh cô gái. Nàng vẫn tự cho là chưa được hoàn thiện để vào nhà dòng.

2. Tôi đang đứng trên bờ hồ, cảm thấy đã nhảy xuống nước. Từ Âu sang Á nước vẫn luôn luôn giữ một vai trò quan-trọng trong tôn giáo cũng như triết-học. Trong triết-học Trung-Hoa nước là một trong ngũ-hành : Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Ngũ-hành tương-sinh, tương-khắc sinh ra nhau và tiêu-diệt lẫn nhau để tạo nên vạn vật và con người. Trong đạo Bà-La-Môn, nước chính là để rửa tất cả tội-lỗi, lúc sống cũng như lúc chết. Trên sông Hằng-Hà mỗi năm tín-đồ đến đây để hành hương và tắm rửa công cộng trên sông với những bậc đá xây đã hàng ngàn năm. Trong đạo Thiên-Chúa, mỗi người sinh ra đều được rửa tội. Gần đây chúng ta đã thấy xuất hiện một « Ông thầy Nước lạnh » dùng Nước lạnh để trị bá bệnh.

Nước chính là phương-tiện thông thường nhất để gội rửa tất cả những dơ bẩn. Nước mang ý-nghĩa xóa bỏ những vết dơ của linh-hồn làm cho linh-hồn trở nên thanh-thoát hoàn thiện, hoàn mỹ.

3. Tôi hoàn toàn trần truồng. Quần áo đen đã biến mất những đầu buồn, túi hồ đều đã được gội rửa sạch sẽ. Sự trần truồng thể xác chính là sự lột xác của linh-hồn, vượt qua vật chất để hướng về lý tưởng.

Các yếu-tố quan-trọng đã được phân-tích; sau đây chúng ta đi đến sự giải-thích.

Giấc mơ	:	Ý - nghĩa
Tôi mặc đồ đen	:	— Tôi cảm thấy xấu hổ và buồn vì chưa hoàn thiện, hoàn mỹ.
Tôi đứng trên bờ hồ	:	— Tôi đứng bên cạnh một phương-tiện có thể gội rửa linh-hồn . . .
Tôi đã nhảy xuống nước	:	— Tôi đã sử-dụng phương-tiện sẵn có để tự « lột xác ».
Tôi bơi về phía bờ bên kia, trần truồng.	:	— Tôi hướng về lý-tưởng mong muốn sau khi đã trút bỏ được tất cả những nhớ bần còn bầu vùi vào tôi.
Bờ bên kia bừng sáng	:	— Ánh sáng nội-tâm của tôi đã phát ra ngoài để soi sáng cả vũ-trụ.

Trên bờ nhiều di-phước đang : — Nhờ nước tôi đã hoàn toàn vượt qua được vật-chất, bằng cơ là những người tôi mong mỏi bắt chước đang chào mừng tôi.

Vậy giấc mơ diễn-tả điều gì ? Giấc mơ diễn-tả qua những hình-ảnh phức tạp một sự kiện của vô thức, ước mong sâu xa và mối bận tâm của cô gái.

Giấc mơ thứ tư. Giấc mơ của người đàn ông 30 tuổi được kết hợp do yếu-tố đáng ghi nhớ : một nhà ga. Chuyển xe tốc hành với chiếc đầu máy mạnh mẽ mong đợi. Một chiếc đầu máy với nồi súp de nhỏ xiu, nầu bằng que diêm.

Việc gì làm chúng ta đề ý nhất ? Chuyển xe lửa mong đợi do một chiếc đầu máy to lớn mạnh mẽ, trái lại khi mới xuất hiện thì chiếc đầu máy như đồ chơi của trẻ con. Điều mong đợi trái ngược hẳn với chuyện xảy đến.

Giấc mộng thứ 4. Nhờ sự trái ngược này nên rất rõ ràng. Cuộc đời thoải với chủ nhân của giấc mộng không thật-sự cần thiết để tìm ý-nghĩa của nó. Chúng ta hãy lần lượt phân-tích giấc mơ này.

1/ Một nhà ga rộng lớn. Nhà ga là nơi các con tàu đến và ra đi. Đối với những người ra đi, nhà ga là điểm khởi đầu của cuộc ra đi. Nó còn là bước đầu của một cuộc đời mới. Nó là khởi điểm cho những cuộc viễn du, một tương-lai mà ta mong sẽ sáng sủa hơn cuộc đời cũ. Trong những giấc chiêm bao, nhà ga cũng có những ý-nghĩa trên.

2/ Chuyển xe tốc hành. Đây là những chuyến xe chạy xa nhanh nhờ đầu máy mạnh và ít ngừng ở những ga nhỏ. Nó đưa hành khách đến mục đích một cách mau lẹ và chắc chắn không bị cản trở và có ưu tiên đối với các chuyến xe khác. Trong các giấc mơ, chuyển xe tốc hành giúp người chiêm bao đạt những mục-đích cao xa và đầy tham vọng.

3/ Một chiếc đầu máy to lớn. Đầu máy to lớn thường dùng để kéo những đoàn xe dài ngoằng. Chiếc đầu máy càng to càng mạnh sẽ đưa

đoàn xe lữ hành và hành khách đến mục tiêu một cách chắc chắn. Một đầu máy biểu tượng cho sức mạnh, năng lực, uy-quyền.

Với những điều phân-tích trên chúng ta đã có thể giải thích được giấc mơ thứ tư.

Giấc mơ

Ý - nghĩa

Tôi đang đứng trên ke của một : — Tôi đang mong muốn bắt đầu
nhà ga rộng rãi. : một cuộc hành-trình vào đời để đạt

: những mục tiêu hãy còn xa vời lắm.
Tôi đang đợi chuyến xe tốc : Mục tiêu dù còn xa vời nhưng đó
hành. . . : chắc chắn là những cao vọng. Tôi

: muốn đạt những mục tiêu này một
: cách thật nhanh chóng.

Tôi sẽ lên chiếc đầu máy : Tôi muốn đời tôi cũng như chuyến
to lớn. : xe tốc hành do một chiếc đầu máy

: mạnh mẽ kéo đi. Tôi muốn điều-khiển
: được cuộc đời của tôi với năng lực
: tinh-thần mạnh mẽ hướng về mục
: tiêu đã định.

Tôi thấy chuyến xe vào ga do : Trong thật-tế, thay vì cái năng-lực
một đầu máy nhỏ xíu với : mạnh mẽ, tôi mong đợi, tôi cảm thấy
nồi súp de đốt bằng diêm : tôi chỉ là một con người yếu đuối.
quẹt, kéo. : Tôi sẽ không thể tiến xa được trên

: bực thang xã-hội nhất là năng-lực tinh.
: thần quá yếu kém như nồi súp de
: được đun bằng những que diêm.

Giấc mơ này có nghĩa ra sao? Nhờ giấc mộng, chúng ta biết người đàn ông 30 tuổi có nhiều tham-vọng muốn tiến xa trên bực thang xã-hội. Chúng ta cũng thấy ông ta đã nhìn mình một cách bi-quan. Người yếu đuối, ông ta cảm thấy không đủ khả năng để thực hiện những tham

vọng của mình. Khoảng cách giữa mục tiêu và phương-tiện đã làm cho ông ta khổ sở vô cùng. Mục tiêu cao và năng-lực kém. Người đàn ông đã thức dậy và nhận thấy đang khóc.

Có thể sức khoẻ của ông ta tạm thời suy kém. Nếu bác-sĩ khám nghiệm không thấy triệu chứng bệnh hoạn, chúng ta có thể kết-luận một cách chắc chắn rằng người đàn ông này bị tự ty mặc cảm.

Từ những giấc mơ đã phân-tích, chúng ta đi đến kết luận trong chiêm bao, các sự kiện đều bị thay hình đổi dạng. Giấc mơ đã bóp méo sự thật. Nhưng sự thật bị bóp méo chính là sự thật khi ta thức giấc và tinh táo nghĩa là khi lý-trí hoạt động tích-cực. Giấc mơ có vẻ phức-tạp vì có những hình-ảnh không liên-quan gì đến những ý-tưởng diễn tả. Trong giấc mơ thứ ba, ý-tưởng muốn được diễn tả thật dân dị « Tôi chưa hoàn toàn nên chưa thể đi tu được ». Nhưng hình ảnh diễn tả rắc rối hơn nhiều: Mặc quần áo đen — Nhảy xuống hồ — Bơi lội trên trường. Trong giấc mơ thứ tư, người đàn ông lo sợ không đủ năng lực để thực hiện mục-tiêu. Sự lo sợ này được diễn tả bởi hình ảnh nhà ga, một đoàn tàu do một chiếc đầu máy nhỏ xíu kéo và vô-lý nhất là nồi súp de được đốt bằng những que diêm. Chúng ta thấy nổi bật ngay những câu hỏi: Tại sao trong chiêm bao các ý-tưởng đều phải trá hình bằng những hình ảnh phức tạp? Tại sao lại rắc rối như vậy? Phải chăng trong con người chúng ta có một cơ-quan nào đó bắt buộc các tư-tưởng phải trốn dưới những hình ảnh vô-lý? Phải chăng có một cơ-quan nào đó bắt chúng ta phải bóp méo sự thật? Phân tâm học trả lời có và xác nhận sự kiện này. Chúng ta thấy ngay hậu quả của sự trả lời như vậy: Phải chăng chỉ những người bệnh-hoạn mới nằm mơ, còn những người mạnh khỏe không bao giờ chiêm bao cả. Thật ra giấc mơ không phải là kết quả duy-nhất của một cơ-thể bệnh hoạn. Chiêm bao xuất hiện trong tất cả giấc ngủ của chúng ta không phân biệt tuổi tác, nam nữ, trình độ học vấn hay trạng-thái sức khỏe đúng như câu tục-ngữ đã « đồ si nằm ngủ không mơ? ». Phần lớn giấc ngủ đều có chiêm bao nhưng

chúng ta khi thức giấc chỉ nhớ những giấc mơ nào đã gây cảm xúc nhiều nhất. Nhiều người khi thức dậy cảm thấy lo sợ, vui vẻ, khuyển khích, buồn rầu... Vì những giấc mơ trong đêm. Họ tìm mọi cách để biết ý-nghĩa của giấc mơ. Những người đánh đề lại càng quan tâm đến chiêm bao vì họ trông đợi sẽ đoán được con số giúp họ trở nên triệu phú. Có nhiều bệnh thần kinh bắt đầu xuất hiện sau khi bệnh nhân có một giấc chiêm bao thật đặc biệt. Hình ảnh giấc mơ đã có một ấn-tượng rất mạnh đối với bệnh nhân và ám ảnh đến độ làm cho bệnh nhân mất cả lý-trí không còn phân biệt được đâu là mộng đâu là thực. Trường hợp này chỉ xảy ra khi bệnh nhân đã chứa sẵn những mầm mống bệnh hoạn trong tâm hồn. Các giấc mơ có ảnh hưởng phần nào đến sinh hoạt trong ngày nhưng không phải lúc nào cũng đưa đến cực đoan làm con người trở nên điên cuồng.

Giấc mơ kéo dài bao lâu? Hiện nay khoa-học chưa thể trả lời dứt khoát được mặc dầu đã có nhiều thí-nghiệm. Giấc mơ có thể chỉ xảy ra trong vòng vài giây hoặc lâu hơn nhiều. Giấc mơ nổi tiếng nhất có lẽ là giấc mơ « nói kẻ vàng ». Một thư sinh nằm ngủ thấy cả một cuộc đời trường ốc, vinh-hoa, phú quý, trong khi một nói cháo kê chưa đủ thời giờ để chín. Chắc chúng ta đã từng trải qua giấc mộng tương-tự như sau: Một tiếng nổ lớn đã làm một người đang ngủ giật mình thức dậy. Nếu hội kỹ người ấy sẽ kể một giấc mơ dài: Một ngày lãnh lương, gặp nhiều bạn bè và ăn uống no say. Một cuộc cãi vã đưa đến đánh nhau và cảnh-sát phải nổ súng để can thiệp.

Chúng ta đã thấy giấc mơ có ý-nghĩa. Nhưng ý-nghĩa này có giúp chúng ta đoán trước để tránh hoặc mừng trước không? Trong « Hán Sở tranh hùng » Lưu Bang đã nằm chiêm bao thấy tranh nhau một mặt trời với địch thủ và đã thắng. Các quan cận-thần đã đoán chiến thắng cuối cùng sẽ về Lưu-Bang. Trong « Đoạn Trường Tân-Thanh » chúng ta thấy Thúy-Kiều đã hiện về trong giấc mộng để báo trước kiếp hồng-

nhân đa-truân của nàng. Khoa-học không phủ-nhận có những giấc mộng báo trước tương-lai. Điều này đã được giải thích bởi nguồn gốc của giấc mơ. Chiêm bao bắt nguồn từ vô thức (chúng ta sẽ tìm biết trong phần sau) nên đã đi đến những kết-luận mà khi tỉnh chúng ta không thể suy ra được. Vô-thức tàng trữ tất cả những gì mà ta muốn quên, đã quên. Nó cũng chứa những việc mà ý-thức chúng ta không biết đến vì quá nhỏ chưa đủ đề các giác-quan nhận biết. Nó giống như A-Lại-Da-Thức của nhà Phật, một trong tám thức. Nhờ có đủ tất cả tài-liệu, vô-thức đã trên đoán được phần nào những gì sẽ xảy ra trong một tương-lai rất gần. Nó báo động cho chúng ta qua các giấc mơ.

Phân-tích các giấc mơ vì thế trở nên hết sức quan-trọng. Bắt nguồn từ phần sâu xa nhất của con người chúng ta sẽ tự nhìn qua giấc mơ. Chiêm bao như là một tấm gương giúp chúng ta soi sáng những phần thâm kín mà lý-trí không muốn cho ta nhìn thấy. Nó phản chiếu một cách trung thực tất cả những ước muốn thâm kín, những mặc cảm, cũng như cái gì yếu kém của con người. Nhìn tấm gương đó, chúng ta có lúc sẽ phải rùng mình ghê sợ hay kinh tởm về những ý-nghĩ thâm kín được chôn dấu ở nơi mà chúng ta với con mắt thường không thể thấy được.

Nhưng không phải bất cứ ai cũng có thể tìm ra ý-nghĩa của giấc mơ. Giấc mơ bóp méo sự thật nên nó như một chiếc khóa cần phải có một chìa đúng với nó mới mở được. Tìm ý-nghĩa giấc mơ không phải là « đoán điềm, giải mộng ». Tìm ý-nghĩa giấc mơ phải đi sâu vào những miền sâu xa của con người. Có như vậy mới thấy được chìa khóa thích hợp. Chiêm bao mang nặng cá tính của từng người. Phải biết từng nhân cách mới có thể giải thích đúng ý-nghĩa của giấc mơ.

Giấc mơ của riêng từng người nên phải có một lời giải thích riêng. Việc làm đó dành riêng cho các nhà phân tâm.

giác mộng « kinh sư »
dưới mái chùa « linh mục »

(xin đọc V.H.N.S. từ Số 3 & 4, Tháng 11 & 12, 1967)

Phú-Xuân dưới thời Nghĩa-vương và Minh-vương.

Kim-long chiếm giữ địa-vị một thủ-phủ, tính ra trước sau có tới nửa thế kỷ, từ năm 1636 đến năm 1687. Cái vinh-dự này đã tới lúc phải được nhường lại cho những nơi khác.

Đại-nghiệp của họ Nguyễn, kể từ ngày Tiên-chúa bắt đầu « chinh-phục hoang-vu, ác-địa, đuổi hùm voi để dành chỗ ở » cho đến cuối đời Hiền-vương (1648 - 1687), đã trải qua, trên một thế kỷ, hưng-phát không ngừng. Thủ-phủ, lẽ tự-nhiên, với tầm quan-trọng và cái bề-thể ngày càng lớn-lao của nó, phải cần đến một địa-điểm tọa-lạc hội đủ hơn Kim-long, những điều-kiện, yếu-tố phải có của một thượng-đô, xét về địa-thể cũng như về mặt phong-thủy, cảnh-trí. Có thể Chúa Nguyễn-phước-Trần, tức Anh-tôn Hiếu-nghĩa Hoàng-đế hay Nghĩa-vương, ngay khi còn là Thế-tử, đã lưu-ý nhiều về điểm này. Từ tả-ngạn sông Kim-long, cái nhìn của Chúa đã hướng về vùng Phú-xuân ở phía đông, bên hữu-ngạn, nơi mà các nhà địa-lý thời-danh, từng được ra vào vương-phủ, không ngớt lời ca-tụng về cái đặc-tính giai-thắng của địa-thể.

Nghĩa-vương lên ngôi, thủ-phủ liền được thiên-di qua Phú-xuân. Kim-long, với sự thoái-nhượng này, đã-được đền-bù lại bằng một vinh-dự khác: trị-sở cũ biến thành nơi thờ-phụng Thái-tôn Hiếu-triết hoàng-đế, vị chân-chủ đã từng đem lại cho nó một thời oanh-liệt, vàng son (110).

110— *Đất Việt Trời Nam*. Thái-văn Kiêm (Huê muôn thờ).
Nguồn sông — 1960 — Tr. 334.

Từ tả-ngạn sông Kim-long dời qua phía hữu-ngạn, tọa-lạc ở vùng Phú-xuân, trị-sở mới của chúa Nguyễn đã nằm vào cái vị-trí lý-tướng của kinh-sư sau này (phía Đông-nam kinh-thành Huế).

Với vị-trí mới, thủ-phủ, dưới thời Anh-tôn, được coi như đã tiếp-thu tất cả những cái lợi của các yếu-tố phong-thủy, mà núi sông nơi này có thể cung-hiến, đáng kể trước nhất là sông Hương-giang và ngọn núi Bằng-son.

Ngay từ thuở ấy, ngọn núi Bằng-son — có tên là Ngự-bình kể từ thời Thế-tử Cao-hoàng-đế về sau — đã được chọn làm án trước. Với hình-thể bằng-phẳng, vuông-vức, đột-khởi ở phương Nam, nằm về phía tây-bắc huyện hương-thủy, giữa hai núi đất ở hai bên tả, hữu — Tả Bạt-son và hữu Bạt-son (111) — Bằng-son là một ngọn núi từng được các nhà địa-lý coi như là một thứ « bảo-chướng nguy-nga », đem lại cho thủ-phủ của các chúa Nguyễn ở thời khai-quốc, cũng như cho đế-thành của các vua Nguyễn vào thời trung-hưng, cái hiểm-yếu không kém gì sự hiểm-yếu của đất nước Tấn bên Trung-quốc, cái thế hiểm-yếu có thể giúp cho hai vạn quân của Thiên-tử địch lại một trăm vạn quân của chu-hầu (1). Đặc-tính « bách nhị » này đã được chính vua Thiệu-trị, tức Hiền-tổ Chương hoàng-đế, một phen xa giá quang-lâm, và trước cảnh mùa dâng ngự-từu, tung-hỏ vạn-tuế ba lần của đám quân tiện-xu, đã nhắc đến, với một niềm-tin trọn vẹn, qua mấy vần thơ sau đây, trong bài « Bình-lãnh dâng cao » :

... Thừa ân vũ-trụ thiên-niên tại,
Túng lâm kiến khôn vạn cảnh hàm.
Bách-nhị sơn-hà tăng tráng cố,
Vân-khai thụy khí ái tình lam.

dịch-nghĩa :

... Thừa ân-huệ ngàn năm vũ-trụ còn lâu dài,
Cuộc du-lâm thấy bao-hàm cả kiến khôn muôn cảnh.

111— *Eai Nam nhữt thông chí*— Thừa thiên phủ (tập thượng) Sơn
xuyên : núi Ngự-bình,

« Hai phần trăm » núi sông thêm bền vững,
Mây dâng khi tốt trên dãy núi tình-minh (112)

Cùng với cái thế bảo-vệ của núi, hay của ngọn Bàng-sơn, còn có cái thế hộ-vệ của sông. Và sông là dòng sông Hương hay dòng sông Thơm. Mà thơm là vì:

.... « Cỏ thơm có giống thạch-xương bồ,
Sanh ở hai nguồn Tả, hữu trạch,
Hơi thơm đầm nước, nước trong veo,
Hợp thành sông Thơm chảy róc-rách ..

Vân-bình Tôn thất Lương
(Hương giang hành)

Chính với vị-trí mới của thủ-phủ, sông Thơm hay Hương-giang, cũng như núi Bàng-sơn hay Ngự-bình, càng gặp được cái thế thuận-lợi để chứng-tỏ tất cả sự đặc-lực trong nhiệm-vụ hộ-vệ Đế-thành.

Từ cao mà phóng xuống một cái nhĩa bao quát để thấu tóm cả muôn sải quanh-co, rộng hẹp của dòng sông, cặp mắt đế-vương hẳn phải nhìn nhận Hương-giang — dòng tứ-thủy được chọn để châu hầu kinh-khuyết — quả đã có đủ tác-phong, cung-cách phù-hợp với sự đòi-hỏi của triều-nghi. Ở ngay cái khởi-diêm hình-thành là ngã ba sông Bàng-lãng, dòng sông Thơm uyển-chuyển uốn mình quanh-co giữa ruộng vườn, gò bãi của bao nhiêu lục dã, hoa thôn, qua lăng *Cơ-thánh*, đổ theo phía Đông Hương-uyên-sơn, tức núi Ngọc-trán, lần đến ngã ba sông Long-hồ, tiến tới Lợi-tế-kiều (cầu Bạch-hồ). Và, đến đây, như một cung-nữ đã thành-thuộc triều-nghi, Hương-giang ngừng lại một phút, chliah-túc nghi dung, y-thường, để kính-cần tiến qua trên bốn dặm dài trước kinh-thành, với cái dáng khiêm-cung, khép-nếp và những gót chân hoa rón-rén của đám phi-tần lui tới bên cạnh long-sàn. Qua khỏi quãng lộ-trình nghiêm-

112— *Cổ-đồ Huế*, Thái-vân Kiềm. Văn hóa Tùng thư. Nhà Văn-Hóa bộ Q. G. G. D. Tr. 121, 122.

cần ấy, dòng sông Thơm liền chuyển hướng về phía Tam-giang khẩu Gia-hội, đổ xuống Bao-vinh, Triều-sơn, Thanh-phước, vượt cửa tấn Thuận-an đến ngã mình vào lòng Bè cá (113).

Hiền-diu, từ-tổn, thâm-lặng, khiêm-cung, đó là những đức-tính mà kinh-khuyết đòi hỏi ở một dòng sông hộ-vệ. Để rút được những kinh-nghiệm này, Hương-giang đã phải trả một cái giá khá đắt. Một cánh tay ngà-ngọc của nó, dòng sông Kim-long — xưa kia chảy từ chợ Kim-long đến chợ Kê-vạn, bằng ngang vùng Thành-nội, đổ ra phía Đông theo ngã Đông-thành thủy-quan hiện nay (114) — vốn rất trung-thành hăng-hái trong nhiệm-vụ hộ-vệ thủ-phủ về mặt Bắc, vào lúc Nghĩa-vương đòi trị-sở về Phú-xuân, nghe đâu về sau đã bị yếm trừ ngay dưới thời Nghĩa-vương, lại bị chặt rụng dưới thời Thế-tổ Cao-hoàng-đế, chỉ vì nó không biết khéo uốn mình theo khuôn-phép, còn muốn giữ nguyên cái phong-độ hiên-ngang, man rợ của Khe-thác, và đã dám sỗ-sàng xâm-nhập vào gần nơi cung cấm (115). Bài học quý giá về cung-cách phục-vụ uy-quyền phong-kiến này, Hương-giang đã lĩnh-hội thấu-đáo, và, nhờ thế, nó càng ý-thức rõ được tính cách vừa quan-trọng, vừa khiêm-nhường của vai trò nó đảm-nhận. Đế-thành không đòi hỏi ở nó, cái ồn-ào, hùng-tráng, mệnh-mông. Phận-sự của nó là túc-trực ở đấy, đem cái duyên-dáng của một dòng lệ-thủy dịu-hiền, để hòa-hợp các thức đẹp thiên-nhiên với những công-trình kiến-trúc nhân-tạo của nghiệp vương, nghiệp bá, và cùng với cung-điện, lăng-tăm, thành-quách, đền-đài, diêm chuyết với vẻ trang-nghiêm, thơ-mộng, u-nhã cho nơi kinh khuyết. Hương-giang đã đáp-ứng đúng các yêu cầu này, đã làm vui đẹp lòng Rồng và, do đó đã được nhìn

113— *Đại-nam nhất thống-chí*. Thừa thiên phủ (tập thượng). Sơn xuyên: sông Hương-giang. Tr. 59-60.

114— *Le Canal impérial*. L. Cadrière, Des missions étrangères de Paris — B.A.V.H. 1915.

11 — *Đại-nam nhất thống chí*. Thừa-thiên-phủ (tập thượng) Sơn xuyên: sông Bạch yên. Tr. 60-61. *Le Canal impérial* L. Cadrière, des M.E. de Paris. B.A.V.H. 1915.

nhận là « nhất phái uyên nguyên hộ đế-thành » (116), được chạm hình-ảnh vào nhân-đỉnh (117), dâng trật vào Tự-điền, (118) công-trạng ngang hàng với ngọn núi Bằng-son án-ngũ & phương nam. Cho nên, muốn thấy cái đẹp của dòng sông Thơm, phải nhìn nó bằng cái nhìn của bậc Đế-vương từ trên ngai cửu ngũ nhìn xuống, hay cái nhìn của hạng tao-nhân mặc khách chỉ thích những nét thanh-tú, thơ-mộng hiển-hoà, những cảnh êm-dềm trầm-lặng. Với cái nhìn của khách hải-hồ, từng quen ngắm cái dài thăm thẳm, rộng mênh-mông của trường-giang, cái cảnh « Hoàng-Hà chi thủy thiên thượng lai », hay cái sức tuôn đổ ngang tàng của nước thác dưới ngọn bút của danh họa Vương Duy, thì Hương-giang chỉ là một lạch nước ao-tù, bất động.

Phụ-lực vào cái thế hộ-vệ của núi, sông trên đây, các cồn Thanh-long ở đông-bắc, Bạch-hồ ở tây-nam. Giang-Hến và Giã-viên còn góp thêm phần hiệu-năng tốt lành về mặt phong-thủy.

Chính trên giải đất nằm giữa sông Hương, ở phía nam, và sông Kim-long ở phía bắc, ngay về phía đông-nam kinh-thành hiện nay, đường sá được mở ra, viên tường cung thất được xây cất, ao lớn được đào, nhà cửa mọc lên san-sát, nghi-vệ và cái phong-khí thuần-nhã, văn-vật, nhện-nhúm từ Kim-long, được chuyển về triển khai ở Phú-xuân, làm tăng thêm ảnh-hưởng của nền giáo-hóa thiện-hạnh.

Tuy nhiên các công-tác kiến-trúc cung-thất, phủ-đế, cũng như công-cuộc tu-trúc phủ cũ ở gò Dương-xuân, văn-miếu ở làng Triệu-son

- 116— Câu thơ trong bài « Hương-giang hiếu phiếm » của vua Thiệu-trị, có nghĩa là: một dòng nước có nguồn vực sâu thẳm hộ-vệ Đế-thành.
- 117— Một trong 9 cái đình đức dưới thời Minh-mạng vào năm thứ 17 (1836) và được đặt trước thềm-miếu.
- 118— Tự-điền: điển lễ tế-tự. Theo Thơ kinh: núi sông cũng có trật-tự lớn nhỏ khác nhau, Núi lớn hay ngũ-nhạc, được coi như vị thứ tam-công. Còn bốn sông lớn hay Tứ-độc được coi như vị thứ chư-hầu. Các núi sông khác thuộc trước Bá, tử, nam. Vì trật-tự có khác nhau, nên vật-phẩm cúng tế núi sông cũng tùy theo lớn nhỏ và trật tự mà có khác nhau.

(119) dưới thời này, vẫn giữ theo cái tinh-thần kiêu-ước, chững-mực của thời Thái-tôn.

Nội-vi của vương-phủ rộng chừng một hai dặm, chung quanh có vòng tường thấp. Ngoài vòng tường có hàng rào tre gai. Bên ngoài hàng rào là một dãy trại sừng, gồm nhiều trại lợp bằng tranh, « mỗi trại đều có đặt súng đồng, nặng từ vài trăm cân đến vài nghìn cân, đúc rất tinh-xảo, khảm châu-sa, phi-túy, văn-vẽ sáng ngời » (120). Phía ngoài các trại sừng lại có lũy tre bao bọc.

Thủ-phủ được dời về Phú-xuân giữa cảnh phong-diêu vũ-thuaja. Nơi ngôi chân-chủ vào năm 1687, Anh-tôn Hiếu-nghĩa hoàng-đế hay Nghĩa-vương (1687-1691) được thừa-hưởng một di-sản sung thặng, tráng quan, biểu hiện cả cái thế long-hưng của đại-nghiệp, xét về mọi mặt.

Về phương bắc, hiềm-họa xâm-tính của Đông-kinh không còn là mối đe-dọa trầm-trọng như xưa. Về phương nam, Chiêm-thành, sau cuộc quật-khởi thất bại của vua Bà Thấm, vào năm 1653, và sự thành-lập dinh Thái-Khang cùng phủ Diên-khánh từ dưới thời Thái-tôn, đã chịu khép mình trong cái thế thần-phục và giữ đúng lệ triều-cống hàng năm. Và Chân-lạp, sau cuộc nổi loạn bất thành của Nặc-ông-Thu, vào năm Mậu-thìn (1688) (121) cũng đành yên phận một phiên-bang, biết kiêng-nê uy-đức của Nguyễn-phủ.

- 119— Văn-miếu không rõ được xây cất từ thời nào, chỉ biết dưới thời Minh-vương Nguyễn-Phước-Chu, đã có tại làng Triệu-son, thờ thần tượng, tại nơi dựng miếu Hội-dông vào năm minh-mạng thứ bảy (1826). Về thời Huệ-vương, năm 1706, văn-miếu được dời tới làng Lương-quán, phía hữu-ngạn sông Hương. Đến năm 1770 lại dời đền làng Long-hồ, phía tả ngạn. Qua năm gia-long thứ bảy (1807), văn miếu được xây cất tại xã An-ninh, mai táng thần tượng, cái đề bài vị đề thờ (xem *Le Temple des Lettres par Ứng-Trình*, B.A.V.H. 1917, pages 259-262) — *Đại nam nhất thông chí*, kinh-sv. *Đàn-miếu*: văn-miếu, tr.37,38,39.
- 120— *Hải-ngoại kỷ sự*. Thích Đại-Sán, quyển 1 trang 34. Bản phiên-dịch sử-liệu V.N. Viện Đại học Huế, 1963.
- 121— *Việt nam sử lược*. Trần-trọng-Kim (công việc họ nguyên làm ở xứ nam) Ch. VI. Tr. 350.

Phú-xuân, cũng như Kim-long trước đó, hàng năm kiêu-hãnh tiếp-nhận những số cống thuế quan-trọng, do các đoàn sứ-giã từ Chân-lạp, Chiêm-thành và các man thành-kinh kéo về tiến-dâng. Chỉ riêng Chiêm-thành, số cống thuế đã gồm có tới hai thớt voi, một trăm trâu, một trăm bò, năm trăm cây vải, rất nhiều ngà tượng, gỗ mun cùng nhiều thứ danh mộc khác (122). Vua xứ Chân-lạp, Nặc-ông-Thu, năm 1690, chỉ trong vòng hai tháng, đã tiến cống một số voi có trên 30 thớt (123). Các man thì có ngà tượng, sừng tê-giác, mây song, Kỳ-nam hương, sáp ong, mật ong, không-tước v. v. . .

Dưới thời Nghĩa-vương cũng như Minh-vương, công việc binh-bị, về mặt tổ-chức cũng nhưng thao-luyện, tập dượt, càng hoàn-bị, chu-đáo và nghiêm-nhật hơn trước bội phần.

Để có đủ quân-số cần-thiết, mỗi gia-đình bách-tính, có con trai được mười tám tuổi, phải đưa một người. Nguyễn-phủ tuyển-chọn toàn những người khỏe mạnh. Tân binh phải trải qua ba năm tập-luyện, hoặc về mặt thủy hoặc về mặt bộ, và, sau đó, phải phục vụ cho tới lúc mái tóc điềm sương, nghĩa là vào tuổi lục-tuần mới được giải-ngũ. Trong thời-gian tại-ngũ, ngoài áo quần được cung-cấp, vũ-khí được trang-bị, mỗi binh-sĩ, hàng tháng, còn được nhận một số bạc, gạo và cá mắm đủ dùng (124).

Dưới thời Minh-vương, chế-độ bắt lính càng có phần gắt-gao hơn nhiều. Trong nước trăm thứ thợ nề do quân nhân làm. Mỗi năm vào khoảng tháng ba, tháng tư, quân-nhân đi ra các làng, bắt dân từ mười sáu tuổi trở lên, những người thân-thể cường-tráng, đóng gông lại bằng một cái gông tre hình như cái thang nhưng hẹp hơn, để giải về phủ sung quân. Vào quân-đội

122— *Les Européens qui ont vu le vieux Hué : l'abbé de Choisy*, par L. Cadière des M. E. de Paris. B.A.V.H. 16^{ème} année, no 3 Juillet 1929. P. 114.

123— *Les Eléphants royaux*, par L. Cadière de M.E. de Paris (Provenance des Eléphants de Seigneurs de Hué). B.A.V.H. 1922.

124— *Les Européens qui ont vu le vieux Hué : l'abbé de Choisy* par L. Cadière des M.E. de Paris. B.A.V.H. 1929. P. 116.

rời mỗi người chuyên học một nghề, kể phân-phái đi theo các chiến-thuyền để luyện-tập; có chiến-tranh đem ra đánh giặc, lúc vô-sự ở theo vương-phủ làm xôi, tudi chưa được sáu mươi chẳng được về làng cùng cha mẹ, vợ con đoàn-tụ; hàng năm thân-thích đem áo quần vật thực đến thăm mà thôi (125).

Ngay lúc thương, số sĩ-tốt tinh-nhuệ, có mặt dưới bóng cờ, cũng đã lên tới bốn vạn. Ngoài số một vạn rưỡi quân-sĩ túc-trực thường xuyên, với nhiệm-vụ biên-phòng ở mặt bắc, còn có một vạn được phân-phối cho các Dinh, chín nghìn dành cho vương-phủ, sáu nghìn đặt dưới quyền sử-dụng của Thế-tử, các công-tử (126) cùng các thượng-quan. Ở vương-phủ, thời đó, còn có hai đội kỵ-binh gồm bốn trăm kỵ-sĩ (127). Vào những dịp thao-diễn hay khánh-tiết, y-phục của binh-sĩ trông rất đẹp đẽ, ngoạn-mục. Mỗi đội có một màu sắc riêng hoặc đỏ, hoặc xanh hay vàng. Các đội cận-vệ của Chúa và của Thế-tử mặc toàn đồng-phục bằng nhung, mang khi-giới nạm vàng, nạm bạc (128).

Thủy-quân cũng có một khí-thế hùng-dũng không kém, với những đội chiến-thuyền rất hùng-hậu và tinh-nhuệ. Thuyền lớn và khá dài, mỗi bên có tới 30 mái chèo mạ vàng rực-rỡ, và được trang-bị ba khẩu đại-bác lớn ở đằng mũi, hai khẩu nhỏ ở hai bên (129). Ngoài ra còn có hai cỗ rồng lớn, một mõ gỗ lớn để gõ nhịp bát ngang trên bốn cọc nạm sơn

125— *Hỏi-ngoại kỹ-sư*. Thích Đại Sán, quyển I, tr. 43.

126— Dưới thời các chúa Nguyễn, con trai chúa gọi là Công-tử. Sau khi chúa Nguyễn-Phước-Khoát xưng vương cũng còn gọi như vậy. Theo tu sĩ de Choisy, thế-tử được sử-dụng 5.000 quân-sĩ, đệ-nhi công-tử 3.000, đệ-tam công-tử 2.000.

127— *Les Européens qui ont vu le vieux Hué : l'abbé de Choisy* par L. Cadière, des M. E. de Paris — Note no 54. B. A. V. H. 1929.

128— *Mémoire de Bénigne Vachet sur la Cochinchine*. (Bulletin comm. arch. Indochine 1913, p. 27, trích dẫn trong phần chú-thích bài « Les Européens qui ont vu le vieux Hué » l'abbé de Choisy B. A. V. H. 1929.

129— *Les Européens qui ont vu le vieux Hué : l'abbé de Choisy* par L. Cadière, B. A. V. H. 1929. p. 116.

son ở giữa khoang thuyền. Vò thuyền sơn đen, lòng thuyền sơn đỏ, lóng và bóng-bảy đến soi rõ mặt người. Binh-sĩ thủy-quân lúc thường mặc quần đùi bằng thao trắng, đội nón dậu chóp lóng. Khi chiến-đầu có áo bó sát thân mình, dài tới đầu gối và đội mũ gỗ thép vàng. Mỗi chiến-thuyền có một sắc áo riêng cho quân-sĩ. Ngoài sáu chục binh-sĩ chèo thuyền — có súng hỏa-mai, đoản-đao và cung tên đặt sẵn dưới chân — còn có ba võ-quan điều-khiển, sáu lính pháo-binh, hai lính báo-hiệu. Trong lúc chèo, binh-sĩ đứng thành hàng dài ở giữa thuyền và phải tuyệt-đôi giữ sự im-lặng — trừ lúc nào có lệnh phải cất tiếng hò —, tai lóng nghe tiếng mõ gõ nhịp, mắt phải chăm-chi theo dõi hiệu-lệnh phát ra từ chiếc gậy điều-khiển của vị chỉ-huy. Vì được tập-luyện rất thuần-thục, nên hiệu lệnh được tuân-hành một cách đúng-đắn, rập-ràng, không một tơ-hào đơn sai. Cả một đoàn chiến-thuyền khi tiến, khi thối, tạy qua tả, bắt qua hữu, phân-tán, tập-trung, phóng tên, nã súng, nhất nhát đều nhanh-nhẹn, lẹ-làng, với sức cướp gió vượt sóng khoẻ như ngựa phi trên bộ, chim bay trong không (130) và một khi-thể chiến-đầu đáng khiếp-phục gồm-sự.

Chẳng những lục-quân, thủy-quân được chỉnh-bị chu-đáo, mà cả tượng-binh cũng được tăng-cường hùng-hậu hơn xưa, nhất là dưới thời Minh-vương.

Vì lẽ sức voi đã góp phần rất nhiều vào các chiến-thắng về-vang của quân-đội Nguyễn-phủ, qua các trận truy-kích quân Đông-kinh, chinh-phạt Chiêm-thành, nên việc diễa-tập tượng binh, săn dụ voi rừng được quốc-chúa đặc-biệt chú-trọng. Ở Phú-xuân thuở đó, nhân-dân Thủ-phủ, đem về, thường quen với tiếng chuông báo-hiệu cho khách hành-nhân được biết đề tránh xa đám voi cái kèm voi đực, vừa dụ được ở rừng

130 — *Mémoire de Bénigne Vachet sur la Cochinchine* (Bulletin comm. arch. Indochine 1913, p. 19). Trích dẫn trong phần chú-thích số 50 của bài « Les Européens qui ont vu le vieux Hué .. » — *Hải ngoại ký sự*, quyển III. Thạch đại. Sán. Tr. 133.

già đưa về. Xương tượng của Chúa chứa đầy những voi cao lớn (131) Những cuộc thao diễn tượng-binh thường được tổ-chức vào tháng tư dưới quyền chủ-tọa của Chúa, và đây là cả một ngày hội-vui của nhân-dân thủ-phủ, cũng là một ngày dài nhất, chứa-chất đầy lo-âu của đám võ-quan, quân-sĩ tượng-binh và đám quân-tượng. Nhưng lại là một cảnh-tượng rất hùng-tráng, ngoạn-mục mà Đại-Sân Hán-ông, một lão-tăng từ Trung-quốc qua Việt-nam, vào thời đó, với cái chủ-đích đem « kim-thằng khai giác-lộ » thể theo sự thỉnh-cầu của Quốc-chúa, đã ghi-nhận thành một bức tranh linh-hoạt, sống-động, trong bài « Thao-trọng hành » sau đây :

« Tháng tư ngày dài buổi ban mai,

Nón hồng, mũi bạc tuốt sáng ngời.

Đứng trên lưng voi ba võ sĩ,

Tay cầm xà-mâu dáng hùng oai.

Phía đông mười voi làm một đội,

Phía tây quân-sĩ năm trăm người.

Cờ trắng phất lên, quân-sĩ tiến,

Hò reo đôt lửa, khói mù trời.

Cờ trắng hạ xuống, phất cờ xanh,

Nài cứ đầu voi búa chan-chát.

Voi quật bù-nhìn cuốn đem về,

Mau thì có thưởng, chậm bị phạt.

Bồng chốc, tập xong định hơn thua,

Xiết bao máu chảy, thịt da nát,

Xiết bao khó nhọc quy sa-trường,

Lính bị roi đòn, quan bị cách (132)

Quân-bị đã vững-vàng, hùng-hậu, Nguyễn-phủ vào thời này, còn nhờ ở cảnh « phong-diệu vũ-thuận », đạt tới một mức phong-phú, sung-thịnh hiếm có vì các lợi-nguyên trong cõi. khắp các Dinh, kho lẫm tràn

131-132. *Hải-ngoại ký-sự*, quyển II, Trang 91-94.

đầy lúa thóc. Công-cuộc khẩn-hoàng, dinh-diền, di dân lập ấp ngày càng phát triển. Các nguồn tài-nguyên được khai-thác hữu hiệu hơn xưa, nhất là vàng, bạc và sắt. Vàng ở núi Kim-son thuộc tỉnh Thừa-thiên (133), và nhiều hơn là ở Trà-tế-son và các núi ở phủ Thăng-hoa (nay là Thăng bình) thuộc Quảng-nam dinh, nơi mà sau này, ngoạ-tả Trương-phúc-Loan đã chiêm-cứ để làm ngọc-lộc (134) và theo Lê-quý-Đôn ghi-chép trong « Tạp-lục », thì Trà-tế cũng như Trà-nô là « những ngọn núi có kim-khí rất vượng, thường có một đường từ trong đất đi xiên-xéo ra, khi vàng bốc nổi lên trên cũng có đường đi thẳng, có đường đi ngang qua núi khác. Núi nào có vàng thì đất mềm, không thì đất cứng. Chủ-hộ đãi vàng tìm ở đâu núi thấy có mạch vàng, thì đào lấy đất ấy trừ làm một đồng, làm nhà che trên rồi lấy nước đãi cho sạch đất. Chỗ đất đào ấy hoặc sâu đến một nghìn thước, đãi lọc trong một ngày thường được một nghề vàng vụn, đem nạp cho sớ nấu vàng » (135).

Các khách-du từ viễn-phương lui tới Thủ-phủ không ngớt trám-trở về việc Chúa Nguyễn có rất nhiều vàng đá (136) cũng như các thứ vật-dụng bằng quý-kim. Hai câu thơ :

« Gạo thơm hơi bốc mây nhường trắng,
« Vàng báu án ban đất chói lòa. »

của Đại-Sán Hán-ông, tuy có phần nào thậm-xưng về sự thù-phụng hậu-hỉ của Minh-vương đối với một vị lão hòa-thượng người Thiên-triều được Chúa quý-trọng, vẫn là một bằng-chứng về cảnh phú-bào của Vương-phủ thời đó, nhất là câu chuyện « khoe của » sau đây của Minh-vương, cũng do Đại-Sán Hán-ông kể lại :

131— Đại-nam nhất thống-chí. Thừa thiên phủ (tập thượng) Sơn-xuyên ; núi Kim-son. Tr. 53.

134— Ngọc-lộc : bóng lộc chỗ ở ngự.

135— Đại-nam nhất thống chí, tỉnh Quảng-nam, Sơn-xuyên, Trà-tế-son, Trang 29.

136— Mémoires de Bénigne Vachet sur la Cochinchine (Bulletin Comm. arch. Indochine 1912, trích dẫn trong phần chú-thích số 47 bài « Les Européens qui ont vu le vieux Hué : l'abbé de Choisy pas L. Cadière. B.A.V.H. 1929, page 115.

« ... Tạ bày dâng bài khải, bốn bài thơ và một ít trái cây. Nhà vua xem kỹ từng bài, rất tán thưởng. Chấp lâu đem ra các đồ-vật ngự-dụng, chỉ từng món, hỏi ta có đẹp không ? Xem ra các món đều toàn bằng vàng bạc, châu-báu, chạm-trổ công-phu, tuy không vắn nhả, thiếu chất-phác, nhưng thấy đều lạ-lùng choá mắt, có phong-vị phú-quý (137).

Với cảnh hưng-thịnh, phú-cường như thế, nghi-vệ của vương-phủ lẽ tự nhiên cũng được chăm-chút tỉ-mỉ và càng tăng thêm phần trang-nghiêm, đường-bệ. Thuyền của Chúa ngự chẳng hạn, là loại « Hồng-thuyền » ; kiểu dáng rất đẹp và khá lớn, vì tả hữu có tới hai mươi lăm mái chèo. Thuyền sơn son, bóng loáng. Lối trang-trí rất thanh-nhã. Cửa khoang cũng sơn đỏ, chạm long-vân, phía trên che đệm có đăng-vân. Trong khoang trên mặt chiếu lát mịn màu xanh lục, có đặt đỉnh trầm xông Kỳ-nam hương, bốc-tỏa khói thơm ngào-ngạt, lại có bày đủ các thứ tiện-nghi như gối tựa bọc gấm, hộp đựng cau trà, ống nhổ, toàn bằng vàng ròng. Lính chèo Hồng-thuyền tuyển-chọn toàn những thầy-quân lực lưỡng đã trải nhiều năm trong nghề (138).

Trên bộ, mỗi lúc Chúa ngự ra ngoài thì có đội quân mã đồ đi trước dẹp đường. Khách hành-nhân qua lại phải tránh xa kiệu Chúa những một hai dặm. Kiệu giống hình xe lừa, có mười sáu quân khiêng toàn là những người cao lớn, lực-lưỡng, mình trần, vận khố có vuông vải che phía trước, tóc bỏ xóa xuống lưng. Hai bên kiệu, có đội quân hầu cầm kim đao, kim thương dài những năm sáu thước. Số hộ-tốt đã đông-đào, nghi-thức châu hầu phòng-vệ lại rất cẩn-mật, nghiêm-minh, như chúng ta sẽ thấy sau đây, qua sự mô tả của Hoà-thượng Thích-Đại-Sán, về cuộc ngự-giá của Minh-vương đến một đàn chay, vào buổi cuối xuân năm Ất-hợi (1695) :

« ... Quốc-vương đội mã xung-thiên cánh chườn, mặc đạo-bào màu huyền, đi giày nhung, không mang bit tất. Quốc-cận mặc áo măng-bào, cầm kim đao đứng hầu. Ngoài vách chùa, quân lính đứng vây hai lớp. Lớp ngoài

137-138— Hối ngoại ký-sự. quyển I, Thích-Đại-Sán tr. 40.

toàn người cao lớn, râu-ria. Ai râu ít thì kẻ thêm râu giả, đội mào bằng gỗ đẽo thếp vàng, mặc áo đoan đỏ, cầm kim thương, đứng thẳng hàng khít-rít. Lớp trong toàn thanh niên mạnh-mẽ, chít khăn đà-la-ni đỏ, mặc áo nhung lục, cầm kim-đao, cũng đứng như lớp ngoài. Cán-đao và cán-thương đều sơn màu anh-đào. Mỗi khi quốc-vương trong điện bước ra, quân lính đều xây mặt ngó vào. Quốc-vương đi vào, thì sắp hàng đứng hai bên đối diện nhau rất thẳng. Ngoài dậu tuy có vài nghìn quân thế mà trong ngự toạ lặng thính, chỉ nghe tiếng chim kêu, lá rụng mà thôi (139).

Việc cung-dưỡng bằng thanh-sắc đều Vũ-tạ, thú ca-lâu, so với các thời tiền-vương, cũng có phần chán-khởi hơn nhiều. Trong vương-phủ cũng như ở Thủy-điện thường có ca-vũ, hát tuồng đề Chúa, vương-mẫu, thế-tử, các công-tử, công-nương cùng các vị thượng-quan thường-thức, nhất là vào những dịp khánh-điền. Những đoàn « Tiều hầu » được thành-lập, tuyển-mộ toàn những ca-nhĩ, vũ-nữ tài-hoa, có đủ thanh sắc, lại được luyện-tập rất công-phu về các vũ-điệu hiến vui. Điệu múa được ưa-chuộng nhất trong vương-phủ là vũ-khúc « Thái-liên » nhằm diễn-tả tất cả trạng-thái cao-nhã, trang-trọng, tình-tử, dắng-dấp mềm-mại, bay-bướm của những người đẹp trong lúc dong thuyền hái hoa quân-tử. Những lúc trình-diễn ca-vũ, các vũ-nữ đội mào vàng giống mào thất-phật, vận áo hoa màu lục dài phết đất, tay cầm nhạc-khí, thoa son đôi phấn rất mực dẽm-lệ, nẻo-nùng (140).

Đại-nghiệp của họ Nguyễn ở phương Nam, vào thời này, quả thực đã đạt tới cái thế vững-chãi và cái khí-tượng tráng-quan của một bá-nghiệp với cái uy-phong bao trùm cả một bờ-cõi rộng lớn « ... hùng-cử tam-giang bát-trấn, thống-trị bốn-mươi bảy-châu ; ... bao-la vạn-thủy thiên-son, thuộc hạt trăm sáu mươi quận » (141).

139 — *Hải ngoại ký-sự*, quyển II, Thích-Đại-Sán, tr. 82.

140 — *Hải ngoại ký-sự*, quyển I, Thích-Đại-Sán, tr. 40.

141 — Trích bài khải của Đại-Sán Hán-Ông, trong *Hải ngoại ký-sự*, quyển I, trang 36

Hoài-bảo lớn lao của Tiên-chúa, hoài-bảo xây-dựng nghiệp lớn ngay trên gai-góc, bụi-bờ của vùng ô-châu, ác địa, mãi vào lúc Thái-tổ quay đầu về núi dưới bóng Thạch-hãn sơn, — với cái phạm-vi lãnh-thổ « chuyên có hai châu, hẹp bằng một dải » (142) vẫn đang còn là một cái mộng mơ-hồ, thì giờ đây đã trở thành sự-thực hiển-nhiên. Và chuyện phải đến đã xảy đến. Trên danh-nghĩa, họ Nguyễn, cho đến thời Hiếu-võ Hoàng-đế sau này, vẫn tỏ ra còn tôn-trọng vua Lê, công-văn, gây-tò vẫn noi dùng quốc-hiệu và niên-hiệu Lê-triều (143). Ngay trong tư-tướng, nỗi-niềm tư Lê vẫn còn vương-vấn vì mối liên-hệ giữa giòng họ với Lê-triều từ thời Nguyễn Kim. Hiền-tôn, trong những cuộc mạn-đàm với Đại-Sán Hán-Ông vẫn thường nhắc-nhờ đến chuyện này, nhất là việc Thái-tổ, vì thiện-ý phò Lê đã từng kéo quân ra Đông-dô, ở lại những 8 năm trời, cùng Trịnh-Tùng diệt-trừ quân Mạc, lập được biết bao công lớn. Nhưng trong thực tế, cái cảnh « triều đình riêng một cõi trời, gồm hai văn-vũ » thì lại càng phát-hiện rõ-ràng theo với cái đà long-hưng của đại-nghiệp. Kịp đến thời Hiền-tôn Hiếu-minh hoàng-đế, tức Minh-vương (1691-1725), vị chân-chủ trẻ-trung, nối nghiệp lớn vào năm mười bảy tuổi, không những chỉ có « phú-tính thông-minh, độ-lượng khoan-hoà, dung-mạo đoan-chính » (144) mà còn sẵn có bảm-tính kiêu-hùng, dũng-lực, từng bao phen đánh đồng dẹp Bắc, thấu-phục được cả Chiêm-thành, nối rộng thêm bờ cõi xa hơn về phương Nam, thì việc tiến thêm một bước đề tự xưng Quốc-Chúa, đưa quốc-thư và ống-phẩm sang Thanh-dinh cầu phong và đúc quốc-tỳ

142 — *Hai bức thư chữ nôm mở màn cuộc phản tranh Trịnh-Nguyễn*. Bưu-Cám — V. H. N. S. số 85, tháng 9, 1963 (Nhà V. H. bộ Q.G.G.D.).

143 — *Đại-nam thực lục tiền biên*, quyển 8, 9, 10, trích dẫn trong phần khảo-cứu « *Hải ngoại ký-sự* » về tiêu-sử của Thích-Đại-Sán — Giáo-sư Trần kinh Hòa, Trang 151.

144 — *Hải ngoại ký-sự*, quyển I, Thích-Đại-Sán, Tr. 35,

« Đại-việt quốc Nguyễn-vương vĩnh trấn chí bửu » (145), là một sự đũa-đầy tất nhiên của cái cơ-duyên hưng-nghiệp đã tới kỳ cực triển.

Và chính giữa cảnh long-thịnh ấy của Nguyễn-phủ, Linh-mụ-tự, lại một lần nữa được gia tăng ân-sủng.

Quốc-chúa và ngôi cô-tự trên gò Hà-khê.

Linh-mụ tự, thuở đó còn mang tên là Thiên-mụ tự, vào mùa đông năm Ất-hợi — ngày 16 tháng 10 âm lịch, tức ngày 22 tháng 11 năm 1695 được Quốc-chúa chọn làm nơi lưu-trú cho một vị thượng-khách : Thạch-Liêm hoà-thượng hiệu Đại-Sán Hán-ông.

Ngay khi đến ở tại ngôi cô-tự « chung quanh có trồng nhiều cỏ thụ, day mặt ra bờ sông. Trước chùa, ngư-phủ, tiêu-phủ tập-nập sớm chiều qua lại. Trong chùa cột kèo chạm-trổ rất tinh-xảo » (146). Vị lão hoà-thượng sinh thi-hoạ này, đôi cảnh sinh-tình, đã có thơ vịnh như sau :

« Cảnh bực từ xưa chùa Nguyễn xây,

Cửa sơn, điện ngọc phủ rêu đầy.

Một đời tươi sáng còn cây cỏ,

Muôn thuở mưa hoa kết điện đài.

Sơn-thủy ngoài hiên mây ngã bóng,

Đi về trước ngõ cánh bướm bay.

Trích-tiền chuyện cũ chùa Thiên-mụ,

Hồn mộng mơ-màng trở lại đây (147).

145 — Xưng Quốc-chúa năm 1695, rồi qua năm 1702 mới khiến bọn Hoàng-Thần Hưng-Triệt mang quốc-thư và công-phẩm (gồm có : 5 cân bốn lượng ký-nam, 1 cân 13 lượng 5 tiền vàng sống, một cặp ngà tượng nặng 350 cân, 50 sợi mây song) qua nhờ Lương-Quang tổng-đốc xin Thanh-đình chính thức cầu phong. (Xem Đại-nam thực lục tiền biên, quyển 8, 9, 10 và phần khảo cứu Hối ngoại ký sự của giáo-sư Trần-kính-Hòa tr. 272, 273), chứ không phải vì việc cầu phong bất thành mới xưng Quốc-chúa như một tài liệu đã viết, chẳng hạn trong « Le viet-nam, Histoire et civilisation » của Lê-Thánh-Khôi (La sécession du nord et du sud : la Seigneurie Nguyễn au XVIII^{ème} siècle).

146-147. Hối ngoại ký sự, quyển III, Thích Đại Sán, trang 199-200,

Việc Thạch-Liêm hoà-thượng lưu-trú ở chùa Thiên-mụ, cũng như chuyện Quảng-nam Nguyễn-vương hai lần thỉnh-cầu vị lão tăng này qua Việt-Nam lần đầu dưới thời Anh-tôn — do nhà sư Tạ-nguyên-Thiếu tự Hoàn-bích phụng mạng qua Quảng-đông đón rước (không có kết-quả) và thỉnh tượng Phật, chuông khánh — và lần này, do Trần-thiểm-Quan cùng Ngô-tư-Quan mang thư của Quốc-chúa và của Quốc-sư Hưng-liên qua mời, cũng như việc tổ-chức những pháp-hội trọng-thê đề Đại-Sán Hán-ông truyền-thụ « Bồ-tát giới » cho một nghìn bốn trăm tăng chúng tại thủ-phủ và ba trăm ở Hội-an, sau cùng, chuyện Minh-vương đem Vương-mâu, công-chúa, hậu cung, quyến-thuộc đồng thọ Bồ-tát-giới và qùy thọ Hộ-pháp Kim-cang thư (148) nhân ngày Phật-đản, mồng tám tháng tư năm Ất-hợi thực đã quá đủ để chứng tỏ cái ưu-thế của Phật-giáo ở Đàng trong vào thuở đó.

Phật-giáo, nhất là Thiên-học, trong cái thế phọc-hưng, đã gây được một ảnh-hưởng rất sâu-đậm trong giới sĩ-phu văn võ và cả trong vương-phủ, đề ngay giữa đám phồn-hoa, quỳn-quí không hiếm gì những hạng lương-đồng, khô-nho vì nặng tình với Đạo-pháp mà coi nhẹ mùi-vị đình-chung cùng cái mộng công-hầu, khanh-tướng. Đệ-tứ công-tử của Thái-tôn, tức Quận-công Tôn-thất-Hiệp, mới hai mươi tuổi đã lãnh-mệnh làm nguyên-soái chống-cự quân Trịnh xâm-lãng vào năm Nhâm-tý (1672). Một phen đại thắng, được ân-thưởng những trăm lượng hoàng-kim trăm lượng bạch-kim, năm chục cây găm, nhưng rồi thay vì bển mỗi phú quí, say bả vinh-hoa, đã khước-từ tất cả tước lộc, xua đuổi bọn thiếp hầu, lập am mây vui cảnh nhàn-lạc tu-hành, đặt túi kinh-luân và tài thao-lược ra ngoài vòng cương-tỏa (149). Đông-triều-hầu tức tham-chính đoàn.sự Trần-đình-Ân, có công

148 — Hối ngoại ký sự — Phần khảo cứu của giáo sư Trần kính Hòa. trang 261 và 262.

149 — Đại-nam nhất thông chí. Thừa Thiên phủ (tập trung) mục nhân vật : Tôn thất bản triều ; Tôn thất Hiệp. tr. 18.

phụ-tá bốn triều, lúc tuổi đã già, không tham luyện quyền cao chức trọng, đôi ba pheu trần-thỉnh xin lui gót về cảnh điền-viên. Một khi được Quốc-Chúa chấp-thuận, ông liền tìm về chùa Bình-trung, hưởng thú ẩn cư, vui say Thiên-học, chăm lo vun xới hoa Đàm thay cho đào, lý (150). Lại có *Thiền-dương-hầu*, anh thứ ba (151) của Quốc-Chúa, tuy không chuyên-tâm về đạo-học, không gởi mình vào chốn thiền-môn, nhưng vẫn đứng-dưng với tuồng danh-lợi, lập vườn ở mé sông, sống trong mấy gian nhà cỏ đơn-sơ, tiêu điều, với cái đạo-phong của hạng thoát-tục, dứt tuyệt mê-luyến sân-si, tháng ngày bốn cột với gió trăng, kho trời vô tận, « *trồng cây, chơi cảnh, ngồi đất uống trà, tuyết-nhiên không có vẻ vương hầu, phú quý* » (152). Và ngay trong hàng chân-chủ, lòng sùng-mộ giáo-ly Phật-đà cũng từng được biểu-thị qua rất nhiều công-trình kiến-tạo hoặc tu-trúc chùa chiền, đúc chuông đúc tượng, ân-ban biền vàng bi-vã, câu đối hoặc tự-khi cho rất nhiều danh-lam, phật-dường trong cõi. Phần đông các chúa, như Hiền-vương Nghĩa-vương, và Võ-vương sau này đều có pháp-danh. Đến như Minh-vương thì quả đúng là vị chân-chủ muốn « *lấy nghiệp tu để gầy nghiệp bá* » và có rất nhiều công-quả trong việc « *đắp trường thành che chỗ vườn Thiền* ».

Với vận-hội tốt đẹp này, Thiên-mụ-tự, dưới thời Quốc-chúa lễ tự-nhiên phải đạt được cái tự-thể, phong-độ của một đệ-nhất

150 - Đại-nam thực lục tiến biên - quyển 7, 22a, 23a, 26b, trích dẫn trong phần chú thích số 15, ở phần khảo-cứu Hải ngoại ký sự của giáo sư Trần kính Hoà, trang 277.

151 - Theo giáo sư Trần kính Hòa, trong chú-thích số 14 ở phần khảo cứu « Hải ngoại ký sự » trang 277, « Thực lục tiến biên » quyển 7, Hiền tông Hiền minh hoàng đế thực lục thượng, có chép rằng: Hiền tông sinh vào năm Khương Hy thứ 14, con trưởng của Anh-tôn Hiền-nghĩa hoàng-đế. Vây *thiền-dương-hầu*, cũng như *Lê-truyền-hầu* được nhắc đến trong « Hải ngoại ký sự » có thể là con một bà vợ thứ của Anh-tôn.

152 - Hải-ngoại ký sự. - Thích Đại Sán.

danh-lam ở Thuận-hóa. Qui-mô và vẻ tráng-lệ của nó vượt xa hẳn các cảnh chùa cùng được kiến tạo từ thuở sinh thời của Tiên-chúa. *Sùng-hóa* ở Phú-vang (Thừa-thiên), *Bửu-châu* ở Trà-kệu (Quảng-nam) *Kinh-thiên* ở Lê-thủy (Quảng-binh) (153), so với Thiên-mụ-tự, mờ nhạt như những hoa sao cũng nở một lúc với vàng nguyệt đêm rằm.

Quả vậy, vì kể từ năm Hiền-tôn thứ 19, năm Canh-Dần (1710) những hồi chuông triệu-mộ của Thiên-mụ-tự không chỉ đánh tan niềm tục ở các thôn mạc vùng Hà-khê, mà còn ngân xa, tỏa rộng khắp cả một vùng bao trùm Kinh-sư sau này, nhờ ở những loạt âm-ba của một cỗ Đại-hống chung nặng trên hai tấn, cao hai thước rưỡi Tây và rộng một thước hai.

Nhưng Hiền-tôn Hiếu-minh hoàng-đế hay Minh-vương vẫn chưa lấy thế làm hài lòng. Có thể cảnh thanh-bình đã vững chắc của đất nước, và những thắng-lợi về mặt mở-mang bờ cõi ở phương nam đã làm cho vị chân-chủ tự phong là Quốc-chúa này chú-trọng, càng nhiều hơn, công việc khuếch-đại Thiên-mụ-tự đề tồ niềm tri-ân đối với vị sứ-giả nhà Trời.

Vào thuở đó, khởi lửa của cuộc phân-tranh dai dẳng non nửa thế kỷ (1627 - 1673) đã được đôi bên Nam, Bắc cùng dập tắt từ trên 40 năm trời sau trận thảm bại của Trịnh-Tạc ở bờ sông Naật-lệ. Và, ở phương Nam, bờ cõi càng mở rộng với sự thành-lập, ở hạ-phần Lục-chân-lập, các dinh Trấn-biên (Biên-hòa), Phiên-Trấn (Gia-định), các huyện Phước-long (Đồng-nai), Tân-bình (Saigon) vào năm 1698

153 - Chùa *Sùng-hóa* ở làng Triêm-đức, quận Phú-vang, Thừa Thiên được trùng tu vào năm Nhâm-dán (1662) dưới thời Thái-tôn; chùa *Bửu-châu* ở làng Trà-Kiệu Quảng-nam xây cất vào năm Đinh-vị (1607) và chùa *Kinh-thiên* ở làng Thuận-trạch, huyện Lê-thủy (Quảng-binh) xây cất vào năm kỷ-dậu (1609). - *Généalogie des Nguyen avant Gia long*, par S. E. Tôn-thất-Hàn (Bùi thanh vân dịch ra Pháp-văn) B.A.V.H. 1920.

(154), « mở đất thêm nghìn dặm, được dân số hơn bốn vạn » (155) và, thêm vào đó, sự qui thuộc của Mạc-cửu năm 1708 — được Quốc-chúa cho nhậm chức Tổng-binh trấn Hà-tiên — càng làm cho uy-danh của Quốc-chúa lan rộng từ Phú-xuân đến vịnh Thái-lan (156). Những thành-tích vẻ-vang của công-cuộc khai cơ hưng-nghiệp này, nhất là việc xâm-lấn vào đất Chân-lạp — một hoà-bảo từng được ú-ấp từ thời chúa Sãi hay Hy-tôn Hiếu-văn hoàng đế — lẽ tất-nhiên phải có dự-phần trong cái động-cơ đã thúc đẩy Quốc-chúa thực-hiện các công-tác trung-tu, kiến-tạo nhằm làm tôn-trưởng thêm phần tráng-lệ cho Thiên-mụ-tự, vào năm Giáp-ngọ (1714).

Một năm tròn xẽ cây, đẽo đá, đắp đất nung gạch, huy động bao nhiêu tay thợ có tài nghệ nổi tiếng trong cõi. Công cuộc tu-trúc đã làm cho ngôi chùa càng trở nên nguy-nga đồ-sộ, tỏa rạng ánh vàng son, châu báu, với rất nhiều điện, đường, lầu, như điện Thiên-vương Ngọc-hoàng, Đại-hùng, Thập-vương, Đại-bi, Dược-sư, như tàng-kinh-lâu, Chung-cô-lâu, như Thuyết-pháp-đường, Văn-thủy-đường, Thuyền-đường và Tri-vị-đường, ngoài ra còn có Tăng-liêu cùng Thuyền-xá những vài mươi sở, với vườn Côn-gia trong đó có trên vài mươi phương-trượng, với Diêu-dài xây cất ở bên sông, để Quốc-chúa làm nơi giải-trí, đi-đường tinh-thần mỗi kỳ thăm viếng (157).

(còn nữa)

154 — *Le viet-nam. Histoire et Civilisation* par Lê Thánh Khôi (L'oeuvre des Nguyễn dans le Sud — la poussée vers le sud, p. 267.268) — Edit. de minuit — Paris 1956

155 — *Thành trì chí của Trịnh-Hoạt-Đức* — giáo-sư Trần-kính-Hòa. (Phần chú-thích số 1) Đại học tạp chí số 24, trang 54.

156 — *Thành trì chí của Trịnh-Hoạt-Đức* — ut, Tr. 54-55.

157 — *Đại-nam thực lục tiền biên* — Trích dẫn trong « *La pagode Thiên mẫu : historique* par A. Bonhomme B.A.V.H. 1915.

TRẦN-CỬU-CHẤN

Tiến-sĩ văn - chương

Đại-Học-Đường Paris

cung oán ngâm khúc bình chú

(xin đọc V.H.T.S., Số 2, 1968)

- 225 Ngày sáu khắc tin mong nhận vắng,
226 Đêm năm canh tiếng lẳng chuông rền.
227 Lạnh lùng thay giấc cô miên,
228 Mùi hương tịch tịch bóng đèn thâm u.

bình chú

225 Ngày sáu khắc. Theo tục xưa bên Tàu ban ngày chia ra làm sáu khắc từ năm giờ sáng đến năm giờ chiều, tức là từ giờ mao đến giờ thân. (Xem thêm chú-thích chữ *canh* trong câu thơ số 78).

Nhận. (Xem chú-thích chữ này trong câu thơ số 18).

Tin nhận. Hai chữ này do chữ *nhận tin*.

Ở đây nhắc đến Tô-Võ mà vua nhà Hán sai đi sứ trong nước rợ Hung-Nô, vì thái-độ vô lễ chúa rợ bắt ở lại chẵn đê không cho hồi-hương khi Hung-Nô làm hòa với triều Hán, sau hỏi số-phận Tô-Võ thì rợ mới chết mất rồi.

Nhưng có Thường-Huệ rất mưu trí dặn sứ qua nói với Hung-Nô rằng Tô-Võ đi chẵn đê có bắt được chim nhận, xé áo lụa viết thơ buộc vào chân, thả chim nhận bay về xứ, vua Hán đi bắn có bắt được nhận mang thơ, biết Tô-Võ vẫn còn sống, chúa Hung-Nô tưởng chuyện bắn nhận có thật, bèn cho Tô-Võ trở về nước. Trong văn thường dùng đến Tô-Võ để ví tín tức. Tin nhận, tin hồng, hồng tiện, lâu hồng cùng một nghĩa. Truyện Kiều có câu thơ số 945-946 nói :

Tin nhận vẫn là thư bài,

Đưa người cửa trước rước người cửa sau.

Nếu người xưa bịa đặt chuyện chim nhận mang thơ để giải nguy cho Tô-Vô, ngày nay người ta vẫn dùng chim bồ-câu để đem tin tức quan trọng từ mặt-trận đến nơi bộ tham-mưu ở phía sau rất xa chiến-trường. Có phải là đời nay chỉ thực-hiện nhiều việc mà người đời xưa có trí rộng mưu cao bày vẽ ra chăng ?

Phạm-Gia-Kính dịch sai chữ *nhận* ra thành *hirondelle*, con chim mà tiếng Pháp gọi *hirondelle* tức là chim én (yến) khác hẳn với chim nhận tiếng Pháp gọi là *ole sauvage*. Có bản chép :

Ngày sáu khắc tin mong nhận lắng.

Chữ *lắng* (lấn đi) không sát nghĩa câu văn, vì ở đây cung-phi nói chim nhận (tin tức) chỉ vắng, chứ không có quên được.

226 Đêm năm canh.

Xưa bên Tàu ban đêm chia ra làm năm canh bắt đầu từ bảy giờ chiều đến năm giờ sáng, tức là từ giờ tuất đến giờ dần. Xem thêm chú-thích chữ *canh* trong câu thơ số 78).

Lắng. *Lắng* (lắng) là để ý nghe, kể tai nghe cho rõ.

Rèn là nổi tiếng vang lừng ra xa từng hồi. Câu thơ số 226 cần sắp chữ lại cho ý nghĩa xuôi chảy : Đêm năm canh lắng tiếng chuông rèn.

Hai câu thơ số 225-226 ý nói cung-phi ban ngày đợi nhà vua đến viếng nhưng chẳng thấy ai đến, còn ban đêm trấn trọc trên giường tai chỉ nghe tiếng chuông rèn xa xa.

Phạm-Gia-Kính dịch không đúng câu thơ số 226 mà viết : *La nuit j'attends (?) gémir les cloches des cinq veilles*. Ở đây nói *les cloches des cinq veilles* không được, cũng như Đinh-Xuân-Hội viết : « *Cái chuông ở trên lầu canh* » không đúng, vì ban đêm thường điểm canh bằng trống hoặc mõ, chứ không dùng chuông, trừ ra nhà chùa thỉnh chuông tụng kinh mà thôi. Cần

phải dịch lại như vậy cho rõ hơn : Durant les cinq veilles de la nuit, je prête l'oreille et n'entends que la cloche qui résonne au loin.

Hai câu thơ số 225-226 đối chiếu nhau từng chữ từng ý rất xứng :

ngày	=	đêm
sáu khắc	=	năm canh
tin mong	=	tiếng lắng
nhận vắng	=	chuông rèn

227 *Lạnh lùng*. (Xem chú-thích chữ *lạnh ngắt* trong câu thơ số 2).
Cô miên. *Cô* là một mình. *Miên* là ngủ. *Cô miên* là nằm ngủ một mình, nghĩa bóng nói không được chuơng chẵn cặp với chồng.

Câu thơ số 227 cần sắp chữ lại cho xuôi chảy như vậy : Giấc cô miên lạnh lùng thay.

228 *Tịch tịch*. *Tịch* là không có tiếng người. *Mịch* là yên lặng. *Tịch tịch* là danh-từ kép dùng tả sự gì vắng vẻ, không có tiếng động và không có bóng người.

Lặng lẽ, hẻo lánh cùng một nghĩa.

Thâm u. *Thâm* là sâu kín. *U* là vắng vẻ. *Thâm u* là danh-từ kép tả sự gì ở trong bóng tối mắt không trông thấy rõ. Mập mờ, cùng một nghĩa.

Hai câu thơ số 227-228 ý nói cung-phi trong phòng the vắng tanh đành nằm một mình giấc mộng chỉ có bóng đèn leo lét suốt đêm và mùi hương lạnh lẽo bay phảng phất.

Câu thơ số 228 chia ra làm hai vế đối nhau rất hay :

mùi	=	bóng
hương	=	đèn
tịch tịch	=	thâm u

†

- 229 Tranh biếng ngắm trong đờ tổ nữ,
 230 Mặt buồn trông trên cửa nghiêm lâu.
 231 Một mình đứng tui ngời sâu,
 232 Đã than với nguyệt lại rầu với hoa.

bình chú

229 Tranh. (Xem chú-thích chữ này trong câu thơ số 185).

Biếng. Biếng là không siêng, không muốn làm việc gì nữa, vì mệt nhọc hoặc buồn rầu.

Đờ Đờ là bức vẽ. (Xem thêm chú-thích chữ này trong câu thơ số 186).

Tổ nữ. Tổ là trắng đẹp, trong đẹp. Nữ là con gái.

Theo nhà đạo-sĩ Trương-Tử-Lãng, chữ Tổ-nữ là tên một vị thần-nữ có quyền thuật lời cuốn đàn ông, tựa như thần-nữ Venus hoặc Aphrodite bên Hy-lạp xưa đề tượng-trưng đàn bà yêu điệu tuyệt đẹp.

Sau hai chữ tổ nữ dùng trở người con gái có nhan sắc và tài riêng làm người ta yêu thương không rời bỏ được.

Theo sách « Tùy thư kinh Tịch chí » có chép rõ nghệ-thuật tính-giao của tổ nữ làm người phải mê say nơi khuê-phòng, chắc không có lạ gì. Trong truyện Kiều có sáu câu thơ số 1219-1224 nói :

Này con thuộc lầy làm lòng,
 Vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề.
 Chơi cho liễu chán hoa chê,
 Cho lẩn lóc đá cho mê mẩn đời.
 Khi khoe hạnh khi nét ngài,
 Khi ngắm ngời nguyệt khi cười cợt hoa...

dạy rõ cách quyến rũ vượt ve mà mỗi cung-nhân trong cung cấm vẫn biết đề làm xiêu lòng quân-vương và chiếm độc-quyền luyện ái.

Sách « Mille et une nuits » (Một nghìn lẻ một đêm) của J. C. Mardrus kể rõ chuyện trăng hoa của cung-nữ miền Trung-Đông dùng đủ mách khéo xác thịt riêng của đàn bà để tranh nhau giành giật và chiều chuộng nhà vua trong bao nhiêu đêm say mê tình dục.

Trong « Bản Nữ Thân » có câu số 125-126 nói :

Buồn trông tranh thẹn người tổ nữ,
 Buồn ngắm thơ tui chữ thanh xuân.

Câu thơ số 229 cần sắp chữ lại cho xuôi chảy như vậy : Biếng ngắm tranh trong đờ tổ nữ.

Câu thơ số 229 ý nói cung-phi buồn lòng vì vua không yêu, nên không muốn xem các thứ tranh vẽ hình tổ nữ thân thể là loi khêu tình treo trên vách, cũng có ý nói vì chán nản không muốn làm nghề riêng của tổ nữ nữa.

Trong hai câu thơ số 228-229 chữ u ở cuối câu bát (228) phải hòa vận với chữ đờ trong câu thất nhất (229), nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như chuyết-vận.

230 Nghiêm lâu. Nghiêm là nghiêm trang. Lâu là lâu gác.

Nghiêm lâu là nơi đèn đài của vua ở có vẻ oai trọng.

Câu thơ số 230 ý nói cung-phi vì tình-cảm đơn chiếc mặt mày buồn bực ngó trần trần cửa nghiêm lâu mà tui phạm. Trong hai câu thơ số 229-230 chữ nữ ở cuối câu thất nhất (229) phải hòa vận với chữ cửa trong câu thất nhị (230) nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như cưỡng-vận.

231 Đứng ngời. Đứng do chữ đĩnh là dựng phảng lên.

Ngời do chữ « tọa » là đặt dít vào chỗ nào. Đứng ngời ở đây tức là hai cách bề ngoài thường tiêu-biểu tâm tình bối rối, đương âu lo, cho nên đứng một chỗ không yên, phải thay đổi bộ dạng. Câu thơ số 131 cần sắp chữ lại cho xuôi chảy như vậy : Một mình đứng ngời tui sâu. Trong bài « Tần cung nữ oán Bái công » có nói : « Lặng thời những đeo sầu ngắm tui. »

232 Than. Than (van) do chữ than là thờ vãn thờ dài tỏ lời trách hoặc tiếc sự gì làm thất vọng.

Nguyệt hoa. Nguyệt là mặt trăng. Hoa là tình . anh cựa cây cội,

Hai chữ *nguyệt hoa* thường dùng trong văn đề nói về phong-tinh, về cuộc hội-hợp trai gái bất chính. *Nguyệt hoa*, *trăng hoa*, *phong nguyệt*, *gió trăng*, *hoa tinh*, *phong tinh* cùng là một nghĩa chỉ cuộc tình-ái lãng lơ như gió thoảng qua, như đêm trăng khi mờ khi tỏ.

Truyện Kiều có câu thơ số 1285-1286 nói :

Nguyệt hoa hoa nguyệt nào nùng

Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chăng.

Hai câu thơ số 231-232 ý nói cung-phi tả cảnh tri-ký của nàng lúc này sống cô đơn lòng sầu tri muộn không biết lấy ai mà than phận chỉ có trăng sáng trên trời và đóa hoa tươi trong cái bồn làm chứng nỗi đau thương phải chịu đựng, chẳng khác gì người chinh-phụ trong bài « *Chinh Phụ Ngâm Khúc* » mượn *nguyệt hoa* đề giải sầu (225-228) :

Hoa dãi nguyệt nguyệt in một tấm,

Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông.

Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,

Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.

Câu thơ số 232 chia ra làm hai vế đối nhau từng chữ từng ý rất hay :

dãi	=	lại
than	=	rầu
với	=	với
nguyệt	=	hoa

✦

(còn tiếp)

phụ trương

Discours
du Premier Ministre de la République du Vietnam
à l'occasion de la Cérémonie de la pose de la
première pierre de la Bibliothèque Nationale
(28 décembre, 1968)

Monsieur Le Ministre d'Etat,
Mesdames, Messieurs,

C'est pour moi un grand plaisir d'être venu présider cette cérémonie de la pose de la première pierre de la Bibliothèque Nationale pour souligner l'importance toute particulière qu'attache le Gouvernement, ainsi que moi-même, à la Culture Nationale.

La construction de la Bibliothèque Nationale qui répond à une nécessité urgente a dû être effectuée depuis longtemps.

En effet, les conjonctures de la guerre ne sauraient être un prétexte valable à l'ajournement d'une telle entreprise ; bien au contraire elles doivent être une raison agissante qui nous incite à achever sans délai la construction de cet édifice culturel.

Nos ancêtres, avec leur sagesse millénaire, ne nous ont ils pas laissé ce conseil : « On explique l'art militaire en temps de paix et on lit les livres en période de troubles ? »

Si l'on jouit de la paix et qu'on se livre tout entier aux plaisirs sans exercer les troupes, sans prendre avec vigilance les mesures de sécurité, non seulement la paix ne sera pas sauvegardée pour longtemps, mais encore le sort du pays sera lourdement menacé. La chute de l'Empire Romain en est une preuve éclatante.

En temps de troubles, alors que les coeurs sont divisés, que la moralité se relâche, que les moeurs se corrompent, si l'on ne se fortifie pas par la culture, si l'on ne se vivifie pas par la pensée et la morale, par la méditation et la lecture de belles oeuvres, où puisera-t-on de l'énergie pour surmonter les mauvais moments, et quelle voie choisira-t-on pour rétablir la paix, le bonheur ?

Je m'associe à la conception de Monsieur Le Ministre d'Etat sur la valeur et les possibilités de la Bibliothèque Nationale dans la restauration et l'illustration de la Culture Nationale.

Je vis encore dans la Bibliothèque Nationale un moyen indispensable pour la mise en oeuvre des forces intellectuelles latentes dans la lutte que nous nous efforçons de poursuivre pour la Liberté Nationale.

La Bibliothèque Nationale dont nous posons aujourd'hui la première pierre, sera le centre idéal pour l'enrichissement des esprits, l'illustration de la culture, la restauration de la moralité pour les générations actuelles; donc une entreprise significative et constructive de la paix.

Les ethnologues véritables doivent reconnaître que l'un des traits les plus caractéristiques de notre peuple est l'amour de l'étude.

Et des anecdotes racontant que « tel père étudiant à la lueur du feu des feuilles mortes d'hiver fut reçu Premier Docteur de l'Empire » ne sont elles pas plutôt rares chez d'autres peuples ?

Un peuple aussi studieux que le nôtre ne saurait oublier les valeurs spirituelles du patrimoine national plusieurs fois millénaire.

A ce patrimoine, on ne saurait se passer d'une Bibliothèque correspondante.

Fort de cette conception, j'ai souhaité depuis longtemps assister à la construction d'aujourd'hui.

Au nom du Gouvernement et du Peuple du VietNam, je remercie sincèrement les nations amies et tous ceux qui ont apporté la contribution de leur esprit, de leur coeur, de leur talent et de leurs ressources à cette oeuvre fondamentale.

Speech by the Minister of State
In Charge of Cultural Affairs
delivered at the Laying of the cornerstone
for the National Library
(december 28 th, 1968)

Mr. The Prime Minister,
Ladies and Gentlemen,

We are very grateful to Mr. Prime Minister for his coming on our request to preside over the Laying of the cornerstone for the National Library. We are also extending our thanks to our distinguished guests whose presence bestows solemnity on our ceremony.

As you know, the project of building the National Library which was been planned long ago, proves that the Government has paid special attention to the need of reconstruction and developing our culture. Since 1959, official documents have been issued, aiming at creating the National Archives and Library, fixing the responsibility and policy for Cultural development, reforming the whole system of library organisation. Since then, due to political events, the project was postponed several times and the National Library has fallen into shabby conditions: the building is narrow, its roofs are damaged, the shortage of the staff, the strict budget; the old-fashioned technique and no room available for new books while old books are spoiling.

It is noticeable that the National Library will be built on a worthy site, laying at the heart of the capital and near buildings that represent the power of the nation, such as, the Independence Palace, Gialong Palace and Justice Court. Perhaps, a coincidence of history or an intentional decision has it that the site was, twenty-five years ago, the place where stood the towering and menacing Central Jail.

Those tiles and stones of the former prison left here and there on the ground are witnesses of noble sacrifice in the fighting for the nation's freedom and its culture. The ghosts of heroes, if any of them are still haunting this site, certainly would be satisfied with our present enterprise which aims at protecting and developing national culture.

Thus, after ten years of expectation, we are going to build a relatively big library according to our national style though with western architectural technique. The new building consists of sixteen stories for book-storage, apart from public halls, such as, the reading-hall, the exhibition-hall. The budget devoted to the enterprise amounts to 120 million piasters. But, compared with the present material cost and the actual need of a library deserving its name, this big sum appeared to be only a necessary minimum which must be increased later. Indeed, if we think that culture is a source of life, the library can not be considered as a warehouse or a bookworm's reading-room, but a cultural center absorbing currents of thoughts and launching out spiritual lights. The library must be a link binding the past with the present and the future, a future built on past traditions and nourished by present works as illustrated by artist-painter Nguyen-gia-Tri on three big size lacquers that will be exhibited in the future library. Finally, the National Library will be a Meeting-Center for Eastern and Western cultures as well as a source of communication for mankind.

Now that we just begin our task of restoring and developing National Culture, we shall have to think of the construction of two other buildings: the National Archives and Museum.

Mr Prime Minister,
Ladies and Gentlemen,

Today, with our faith in the fine prospects of our national culture, we should like to express our delight as well as our gratitude to Mr Prime Minister and our distinguished guests for your particular attention to this enterprise which is essential to the future of our nation.

VĂN-HÓA TÙNG-THƯ

do NHÀ VĂN-HÓA, PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA

xuất - bản

1. *SỬ - LIỆU VIỆT - NAM*
Tuần - Lý Huỳnh - khắc - Dụng biên - soạn
(246 trang) 25\$
- 2-3 *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT*
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Tập thượng (152 trang) 20\$
Tập hạ (132 trang) 13\$
- 4-5 *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN*
Á-Nam Trần-Tuấn-Khai phiên-dịch
Tỉnh Thanh-Hóa Tập thượng (122 trang) 15\$
Tập hạ (174 trang) 15\$
6. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN*
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Kinh-Sur (96 trang) 15\$
- 7-8. *CỔ-ĐÔ HUẾ : Lịch-sử, Cờ-tích, Thắng-cảnh và Thi-ca*
Thái-Văn-Kiểm biên-soạn
(487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản đồ) 70\$
- 9-12. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN*
Quảng-Trị và Quảng-Bình (208 trang) 20\$
Thừa-Thiên-Phủ Tập thượng (144 trang) 15\$
Tập trung (152 trang) 15\$
Tập hạ (134 trang) 15\$
- 13-14. *VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VÙNG-BIÊN*
Thái-Văn-Kiểm và Hồ-Đắc-Hàm biên-soạn
(290 trang) 55\$
15. *HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM*
(Nền Cao học tại Việt-Nam Cộng-Hòa)
« VIETNAM CULTURE SERIES » N° 6
Nguyễn-Đình-Hòa biên-soạn (32 trang) 6\$

- 16 LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE
(Văn chương Việt-Nam)
COLLECTION « ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM » No.7
Nguyễn-Khắc-Kham biên soạn (26 trang) 6\$
17. DEMOCRACY IN TRADITIONAL VIETNAMESE SOCIETY
(Nền dân-chủ trong xã-hội cổ-truyền Việt-Nam)
« VIETNAM CULTURE SERIES » No.4
Nguyễn-Đảng-Thục biên soạn (12 trang) 6\$
18. INTRODUCTION TO VIETNAMESE POETRY
(Khái-luận về Thi-ca Việt-Nam)
« VIETNAM CULTURE SERIES » No.3
Lý-Chánh-Trung biên soạn (20 trang) 6\$
19. INTRODUCTION TO VIETNAMESE CULTURE
(Khái-luận về Văn-hóa Việt-Nam)
« VIETNAM CULTURE SERIES » No. 1
Nguyễn-Khắc-Kham biên soạn (28 trang) 6\$
20. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Tỉnh Bình-Định (196 trang) 38\$
21. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Tu-trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Tỉnh Quảng-Nam (282 trang) 25\$
22. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Tỉnh Quảng-Ngãi (212 trang) 25\$
23. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch
Phú Yên và Khánh-Hòa (238 trang) 25\$
24. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Tỉnh Bình-Thuận (cả bản chữ Hán, 206 trang) 25\$
25. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Đông-Minh Đặng-Chu-Kình phiên-dịch
Tỉnh Nghệ-An (cả bản chữ Hán, 308 trang) 38\$
26. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Đông-Minh Đặng-Chu-Kình phiên-dịch
Tỉnh Hà-Tĩnh (cả bản chữ Hán, 206 trang) 25\$
27. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN
Đông-Minh Đặng-Chu-Kình phiên-dịch
Tỉnh Hà-Nội (cả bản chữ Hán, 250 trang) 25\$
28. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN
Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch
Tỉnh Bắc-Ninh (cả bản chữ Hán, 206 trang) 25\$
29. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN
Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch
Tỉnh Sơn-Tây (cả bản chữ Hán, 345 trang) 50\$
30. ÚC TRAI DI-TẬP
Trần-Tuấn-Khai dịch
Dư-Đạ-Chí (cả bản chữ Hán, 290 trang) 50\$
- 31 LA PERSONNALITÉ CULTURELLE DU VIETNAM
(Cá-tính Văn-Hóa Việt-Nam)
COLLECTION « ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM » No 8
Trịnh-Huyền-Tiến biên-soạn (56 trang) 12\$
- 31^B. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN
Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch
Tỉnh Hưng-Yên (cả bản chữ Hán, 90 trang) 28\$
32. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN
Đông-Minh Đặng-Chu-Kình phiên-dịch
Tỉnh Cao-Bằng (cả bản chữ Hán, 92 trang) 28\$

33. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN
 Đông-Minh Đặng-Chu, Kinh dịch
 Tỉnh Hải-Dương (cả chữ Hán, 328 trang) 186\$
- 34-35. HẢI-DƯƠNG-PHONG VẬT-CHÍ (THƯỢNG, HẠ)
 Tô-Nam Nguyễn-đình-Diệm dịch (cả chữ Hán, 464 trang). 190\$
36. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG, CHÍ : BẮC-PHẦN
 Cử-nhân Nguyễn-Tạo dịch
 Tỉnh Nam-Định (cả chữ Hán, 272 trang) 120\$
37. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN
 Cử-nhân Nguyễn-Tạo dịch
 Tỉnh Ninh-Bình (cả chữ Hán, 168 trang) 80\$
38. KHÔNG ĐẠO TINH HOA
 Tác giả : Đông-Khê Hà-Ngọc-Xuyên, 120 trang 55\$

Có bán tại các hiệu sách lớn tại Thủ-đô, các tỉnh và tại Nha Văn-Hóa
 8, NGUYỄN-TRUNG-TRỰC — SAIGON

TIN VĂN-HÓA

- Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc Trách Văn-Hóa mới xuất bản
 2 cuốn biên khảo có giá-trị :
- HIỆN TƯỢNG LUẬN VỀ HIỆN SINH của Ô. Lê Thành Tri,
 Tiến-sĩ, Giáo-sư Triết-lý, Đại-Học Văn-Khoa Saigon
 sách in đẹp, dày 480 trang, giá 300\$
- QUỐC-HIỆU NƯỚC TA của Ô. Bửu Cầm,
 Giáo-sư Diễn Giảng, Đại-Học Văn-Khoa Saigon
 sách trình bày mỹ-thuật, dày 148 trang, giá 150\$
- Ngoài ra, Nha Văn - Hóa (trực thuộc Phủ Quốc-Vụ-Khanh
 Đặc-Trách Văn-Hóa) đã xuất bản 3 loại sách báo :
- VĂN-HÓA TỪNG THƯ, phiên dịch, ấn loát và phổ biến
 bộ sử địa Đại-Nam Nhật Thống Chí.
- VĂN-HÓA TẬP-SAN, với những bài khảo luận về mọi
 bộ môn văn-hóa.
- VIET-NAM CULTURE SERIES hay ASPECTS CULTURELS
 DU VIETNAM, viết bằng Anh-ngữ hay Pháp-ngữ để phổ
 biến văn-hóa dân tộc ra ngoài quốc.

Tất cả sách báo nói trên, có bán tại các hiệu sách lớn ở Thủ Đô,
 các tỉnh và tại Nha Văn-Hóa, 8, Nguyễn Trung Trực, Saigon.

VĂN-HÓA TẬP-SAN NĂM
THỨ XVIII, SỐ 1 (1969)
IN 1.500 CUỐN TẠI NHÀ
IN HÒA - CHÁNH 16 - 18
CÓNG - QUỲNH SAIGON
GIẤY PHÉP XUẤT - BẢN :
NGHỊ - ĐỊNH SỐ 332
CAB / SG NGÀY 5-5-1952.

Tòa-soạn : Nha Văn-Hóa (Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đắc-Trách Văn-Hóa)
8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon. Điện-thoại 92.038
Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Trịnh-Huy-Tiến
Thư-ký : Nguyễn-Văn-Ninh
Quản-lý : Lê-Văn-Định.

Thư-từ, ngân-phiếu xin đề :
O. Giám-đốc Nha Văn-Hóa
8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon

THẺ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN-HÓA TẬP-SAN

Tòa-soạn Văn-Hóa Tập-San thành-thực đa-tạ cảm-tình nồng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.T.S. Về vấn-đề bản thảo, xin trân-trọng lưu-ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Tập-San, xin gửi về O. Chủ-bút Văn-Hóa Tập-San, 28 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.
2. Bài soạn xin cho đánh máy dòng đôi (có dành lề ở cả hai bên), hoặc viết rõ-ràng trên một mặt giấy (để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm lẫn).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút-hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soạn liên-lạc hội-ý thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài có đoạn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác-giả, tên sách, nơi xuất-bản, nhà xuất-bản, năm xuất-bản và trích dẫn ở trang nào).
Thí-dụ : Nguyễn-văn-X... Văn-Học Việt-Nam (Saigon xuất-bản-cục, 1960) trang...
Trần-văn-X... « Điền cổ », Văn-Hóa Nguyệt-San, Tập... Số... (tháng... năm...), trang...
5. Bao nhiêu cước-chú đặt ở cuối mỗi trang, xin ghi số liên-tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ (Anh, Pháp...).
7. Bài nào đã gửi đăng báo khác, xin miễn gửi đăng V.H.T.S. Khi bài đã gửi đăng V.H.T.S., mà soạn-giả sau muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa soạn V.H.T.S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng điệp.
8. Tòa-soạn tùy-nghị lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các loạt bài đăng V.H.T.S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn, v.v... mong các bạn thông-cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.

VĂN-HÓA TẬP-SAN NĂM
THỨ XVIII, SỐ 1 (1969)
IN 1.500 CUỐN TẠI NHÀ
IN: HÒA CHÁNH 16-18
CÔNG-QUYNH SAIGON
GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN:
NGHỊ-ĐỊNH SỐ 332
CAB /SG NGÀY 5-5-1962.

Tòa-soạn : Nha Văn-Hóa (Phủ Quốc-Vũ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa)
8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon. Điện-thoại 92.038
Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Trịnh-Huy-Tiến
Thư-ký : Nguyễn-Văn-Ninh
Quản-lý : Lê-Văn-Định.

Thư-từ, ngân-phiếu xin đi :
O. Giám-đốc Nha Văn-Hóa
8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon

THẺ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN-HÓA TẬP-SAN

Tòa-soạn Văn-Hóa Tập-San thành-thực đa-tạ cảm-tình nồng-
hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.T.S. Và vấn-đề bản thảo,
xin trân-trọng lưu-ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Tập-San, xin gửi về O. Chủ-bút Văn-Hóa Tập-San, 28 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.
2. Bài soạn xin cho đánh máy đồng đôi (có dành lề ở cả hai bên), hoặc viết rõ-ràng trên một mặt giấy (để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm lẫn).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút-hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soạn liên-lạc hội-ý thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài có đoạn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác-giả, tên sách, nơi xuất-bản, nhà xuất-bản, năm xuất-bản và trích dẫn ở trang nào).
Thí-dụ : Nguyễn-văn-X... Văn-Học Việt-Nam (Saigon xuất-bản-cục, 1960) trang...
Trần-văn-X... « Điền cổ », Văn-Hóa Nguyệt-San, Tập... Số... (tháng... năm...), trang...
5. Bao nhiêu cước-chú đặt ở cuối mỗi trang, xin ghi số liên-tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ (Anh, Pháp...).
7. Bài nào đã gửi đăng báo khác, xin miễn gửi đăng V.H.T.S. Khi bài đã gửi đăng V.H.T.S., mà soạn-giả sau muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa soạn V.H.T.S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng điệp.
8. Tòa-soạn tùy-nghị lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các loại bài đăng V.H.T.S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn, v.v... mong các bạn thông-cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.